Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

Giám-Đốc, Chủ-Bút : NGUYỄN-VỸ
Quản-lý : TRẦN-VĂN-LANG
Tòa soạn : *283 Đường Gia-Long — Sàigòn — Đ. T. Sàigòn 307*

BỘ MỚI SỐ 22 ★ 1.11.1959

1.— *Văn chương và tư tưởng Việt-Nam.* . Nguyễn-Vỹ 6 — 9
2.— *Phan-đình-Phùng thi-sĩ* . . . . . Thẩm-thệ-Hà 10 — 13
3.— *Ba người Nhựt bị xử bắn tại Saigon* . . . . . Tô-khánh-Minh 14 — 19
4.— *Để cho chồng khỏi khổ (Truyện ngắn)* . . Phong-Cầm 20 — 25
5.— *Một đời người (hồi ký)* . . . . . Thiếu-Sơn 26 — 29
6.— *Sang mùa (thơ)* . . . . . Mạc-hồ-Phong — 30
7.— *Minou Drouet, nữ thi-sĩ thần đồng của Pháp* . . . . . Từ-trẫm-Lệ 31 — 35
8.— *Nhà giây thép* . . . . . Nguyễn Triệu 36 — 40
9.— *Norton I, hoàng đế nước Mỹ* . . . . Tân-Phong 41 — 46
10.— *Đêm nước mắt (thơ)* . . . . . Hà-Phương 47 —
11.— *Khổng-Minh* . . . . . Nguyễn-quang-Lục 48 — 54
12.— *Đời sống tình cảm của các giống vật* . . Lâm-vị-Thủy 55 — 59
13.— *Văn sĩ thi sĩ tiền chiến : Vũ Bằng* . . . . Nguyễn Vỹ 60 — 63
14.— *Làn sóng điện sự truyền âm thanh* . Kỹ sư Lưu văn A 64 — 70
15.— *Ngày sinh nhật (truyện ngắn)* . . . . Phan tùng Mai 71 — 74
16.— *Rơi đầu vì một bài thơ* . . . . . Lương trọng Minh 75 — 78
17.— *Tôi làm phim* . . . . . Thái thúc Diễn 79 — 84
18.— *Cần sửa đổi trong chương trình trung học : Sử Địa* . . . Nguyễn hữu Thứ 85 — 89
19.— *Cô gái điên (truyện dài)* . . . . . Vi huyền Đắc 90 — 94
20.— *Cụ Thường Tiên, thi sĩ lão thành* . . . Diệu Huyền 95 — 99
21.— *Ca kịch Việt Nam* . . . . . Tchya 100 — 106
22.— *Những người đôi mươi* . . . . Nguyễn thu Minh 107 — 109
23.— *Minh ơi ! Hai cô bạn láng giềng* . . . . Diệu Huyền 110 — 119
24.— *Vệ sinh trong thời kỳ thai nghén* . . . . Quang Hoa 120 — 124
25.— *Giới thiệu sách báo mới* . . . . . P. T. 125 — 126
26.— *Kiên Trinh* . . . . . Vân Nga 127 — 129
27.— *Đáp bạn bốn phương* . . Diệu-Huyền và Bạch Yến 130 — 138

Sắp xếp bài, trình-bày bìa và nội dung, cho màu . . Cô Diệu-Huyền
Tranh vẽ . . . . . Ngọc-Tài
★ Bản kẽm . . . . . Văn-Dầu
★ Bìa Offset . . . . . Vạn-Quốc

• Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chí PHỔ-THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ : « Trích Tạp-chí PHỔ-THÔNG » và đừng viết tắt.

• Cấm trích, dịch, phỏng, đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
• Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.
Copyright by PHO-THONG, printed in Viêt-Nam

VĂN-CHƯƠNG và TƯ TƯỞNG Việt-nam QUA CÁC THỜI ĐẠI

CHƯƠNG II

(Xem P. T. từ số 20)

A.— MỘT DÂN TỘC THI SĨ

Có một sự kiện ly kỳ và rất lý thú mà chính chúng ta cũng không mấy khi lưu ý đến, là dân tộc Việt Nam thật là một dân tộc yêu chuộng văn chương nhất trên thế giới. Hầu hết những người Việt Nam đều thích nói văn chương, thích nghe thơ, ngâm thơ, hay làm thơ. Thật thế, trên trái đất không có xứ nào mà nhân dân ham mê văn thơ như ở xứ con Rồng cháu Tiên, mà hầu hết mọi hoạt động hằng ngày đều được mùa Thơ, không ít thì nhiều. Có xứ nào mà từ ông vua đến anh thợ nề, từ nàng công chúa đến cô lái đò từ ông thiếu tướng đến anh binh nhì, từ ông bác sĩ đến người bệnh nhân, từ ông giáo sư đến cậu học trò và cô học trò, hầu hết đều làm thơ ? Thậm chí có những chị buôn bán hàng tôm hàng cá ngoài chợ cũng lâu lâu chửi nhau một trận bằng thơ. Chúng ta đã từng nghe họ phùng mang trợn mắt, xắn áo xăn quần, xỉa xói với nhau những câu chửi thề rất là độc địa, nhưng có vần có điệu nghe vẫn êm tai ! Một chị bếp mất mộ con gà, thế là chị đứng trước sân xổ ra một tràng thơ lục bát (hay thơ tự do !) chửi xỏ người hàng xóm mà chị nghi là ăn trộm gà của chị !... Tại vùng ngoại ô Saigon, trong một ngõ hẻm ở Tân định có một cụ già rách rưới mặc chiếc áo bành tô dơ bẩn quần xà lỏn, chưn mang đôi giày lính tây há mồm, một tay cầm một cái cuốc, một tay vác trên vai một cây gậy cột một tấm lụa điều trên đó có chi hai dòng chữ bằng mực đen :

Vét cống, đào mương, thông cầu nước.
Lội sình, đắp đất, đỡ tay dân

Đó là một ông lão chuyên làm nghề vét cống, trước kia làm phu lục lộ. Kiếm được đồng nào, ông uống rượu hết. Có hôm không kiếm được tiền, ông ngồi tiệm nước uống chịu ly cà phê, vẫn thong dong rung đùi ngâm thơ. Ông có chép một tập thơ của ông độ ba chục bài, nhưng không có tiền để xuất bản.

Chắc các bạn cũng thường nghe mấy người hành khất van xin thảm thiết nơi đầu đường xó chợ. Tay chìa nón ra xin tiền, miệng họ ngâm đại khái mấy câu sau đây :

Con lạy ông đi qua,
Con lạy bà đi lại,
Con xin đồng cơm bát cháo,
Tấm áo, tấm quần,
Con kết cỏ con lạy ông, lạy bà !...
v.v...

Đành rằng đó không phải là một kiệt tác văn chương, nhưng mấy lời van lạy có vần có điệu như thế, có cả điển tích nữa, chẳng phải THƠ là gì ?

Cho nên chúng ta không ngạc nhiên tý nào khi gặp ở đồng quê một buổi tối có trăng, một

NHẬN XÉT TỔNG QUÁT về VĂN-HỌC SỬ VIỆT-NAM

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

anh nông dân đi thăm ruộng về, vác cuốc trên vai, dừng bước hỏi một cô thôn nữ đang tát nước bên đường cái :

Hỡi cô tát nước bên đàng,
Sao cô múc ánh trăng vàng đổ đi ?

Hoặc một cô thôn nữ mộc mạc ngây thơ, từ nhỏ chí lớn chưa được cặp sách đi học bao giờ, nhưng chiều tối sau khi gặt hái mệt nhọc, cô đứng hóng gió nơi bờ ao, nhớ người yêu trong mộng tưởng, cũng khẽ ngâm mấy lời :

Chiều chiều ra đứng bờ ao,
Trông cá cá lặn, trông sao sao mờ.
Buồn trông con nhện dăng tơ.
Nhện ơi, nhện hỡi, nhện chờ mối ai ?

Đó không phải là thơ ư ? Và chắc chắn là không phải thơ của cô Sương Nguyệt Anh, hoặc của bà Huyện Thanh Quan, mà là lời thơ của tất cả những cô thôn nữ vô danh của nước Việt, và cũng có thể là lời thơ của tất cả các cô gái Việt nam của tất cả các thời đại.

Cho đến một anh đi cắt cỏ cho ngựa, gặp một chị cũng đang cắt cỏ trên bờ ao, cũng cao hứng ghẹo chơi bằng thơ :

Cô kia cắt cỏ một mình,
Cho anh cắt với, chung tình làm đôi.
Cô còn cắt nữa hay thôi,
Cho anh cắt với, làm đôi vợ chồng.

Coi bộ anh chàng sồ sàng quá, chị ta không ưa nhưng chị cũng đáp lại bằng thơ :

Bao giờ chạch đẻ ngọn đa,
Sáo đẻ dưới nước, thì ta lấy mình.
Bao giờ cây cải làm đình
Gỗ lim làm gối, thì mình lấy ta.

Có khi ba bốn chàng trai nghịch ngợm xúm nhau lại chọc một cô gái quê thì cô ta không sợ gì mà không mắng lại bằng thơ :

Ba đồng một chục đàn ông,
Đem về mà bỏ vào lồng cho kiến nó tha.
Ba trăm một vị đàn bà,
Đem về mà trải chiếu hoa cũng không thèm ngồi !

Người trai đồ quạu sẵn sàng đáp lại, tuy là thô tục nhưng vẫn là giọng thô tục trầm bổng du dương :

Mồ cha con bướm trắng, mả mẹ con ong xanh,

Khen ai uốn lưỡi cho con ranh nói càn.

Mồ cha con bướm trắng, mả mẹ con bướm vàng,
Khen ai uốn lưỡi cho nàng nói chua !

Thế là hai bên sanh chuyện rồi bỏ đi, nhưng tụi con trai đi xa còn nghe phía sau lưng bài thơ tống biệt của nữ sĩ :

Không thèm ăn chả cá mè,
Không thèm nói với một bè trẻ ranh.

Không thèm ăn gỏi cá mương,
Không thèm nói với một phường ngu si.

Không thèm ăn gỏi cá chày,
Không thèm nói với thằng thầy mầy dâu !

Thật là nhục nhã cho cả đám học trò. Nhục cả cho ông thầy nào đó của các cậu bồng dưng tiếng chịu oan, tội nghiệp cho ông !

Không những là người lớn, đủ các hạng người, đủ các tầng lớp, đều ưa làm thơ nói thơ, mà cho đến những em bé bốn năm tuổi tóc còn để chỏm, cũng biết mặc quần, đi bắt chuồn chuồn ở ngoài bờ ao, bỗng dưng lật đật chạy về kêu mẹ, vừa mếu vừa mét :

Má ơi, con vịt nó chết chìm.
Con xuống con bắt, con cá kìm nó cắn con !

Thi sĩ tý hon của xứ Việt Nam chưa học thuộc hết vần i-tờ mà đã làm được thơ sớm hơn cô bé thần đồng nào đó của nước Pháp nữa !

Tất cả những người ngoại quốc hiểu tiếng Việt hay người Việt lưu ý đến nội dung của các báo chí Việt Nam xuất bản từ trước đến nay — mà nhất là hiện nay — đều hết sức ngạc nhiên mà nhận thấy rằng trên hầu khắp các tờ báo Việt ngữ đều có đăng thơ. Cho đến những tờ báo thông tin, những tạp san chuyên môn về thương mãi kỹ, nghệ, kiến trúc, pháp luật, y-tế, thể thao, màn ảnh v.v.. đều có đăng thơ. Bất cứ một tờ báo nào cũng có nhận được rất nhiều thơ của bạn đọc mà tác giả là công chức, tư chức, nhà buôn, binh sĩ, thợ thuyền, nam nữ học sinh, từ ông Bộ trưởng, ông Thiếu tướng, ông Tổng giám Đốc, ngày nọ, cho đến cậu học sinh đệ nhứt, đệ nhì, đệ ngủ, cô bán hàng, chị thợ may v.v., mà phần nhiều cũng có thơ hay, tuy bị sai niêm sai luật, sai cả vần, nhưng vẫn có âm điệu êm tai, cảm hứng dồi dào chân thật.

Đó là một sự kiện độc nhất trên thế giới, một sự kiện mà người ngoại quốc đã nhận xét và cũng là một điểm danh dự cho người Việt Nam. Có thể nói rằng nước Việt Nam có 25 triệu dân thì có lẽ có 20 triệu...thi sĩ và nữ sĩ !

PHAN-ĐÌNH-PHÙNG THI-SĨ

✱ THẨM-THỆ-HÀ

XƯA nay người ta thường ca ngợi Phan-đình-Phùng là một nhà cách-mạng cần vương, ai biết đâu ông cũng lại là một võ-trang thi-sĩ ?

Phan-đình-Phùng là một chiến sĩ quốc gia có tâm hồn thi-sĩ. Cái đời bôn-ba trong chiến-trận đã nun đúc cho ông một tâm hồn rạn lửa, và từ tâm hồn ấy phát tiết ra những vần thơ đanh thép, hùng-hồn. Những sáng tác của ông là những sáng tác của hoàn-cảnh. Thơ của ông làm không phải vị nhân-sinh hay vị nghệ-thuật, mà là một sản-phẩm tự nhiên của tâm-hồn, không thể chất chứa nó mãi thì phải dùng âm-điệu mà tiết-tấu nó ra. Ông Chu-Hy cho đó là đặc tính của tâm hồn hoàn-toàn thi-sĩ.

Năm Mậu-Tý (1888), ông Phan-đình-Phùng làm bài thơ khai bút đầu năm như vầy :

Lưu oanh đình ngoại ngữ hoa chi,
Hoa bảo xuân quy nhơn vị quy,
Bình lảnh bách niên tư nhật nhiều
Hồng sơn vạn lý vọng vân phi.
Ngô gia hữu giáo căn trung hiếu
Khách địa vô tâm oán biệt ly.
Giai-tiết chi nhơn hành lạc xứ,
Ngã phùng giai tiết bất thăng bi.

Một nhà thơ dịch :

Tiếng oanh non-nỉ sân ngoài,
Tin xuân về đó mà người ở đâu ?
Ngàn thu một tấm cô sầu,
Non Hồng núi Ngự mây đầu xa xa.
Hiếu trung là nếp nhà ta,
Biệt-ly đất khách oán mà làm chi ?
Tiết vui ai cũng vui vầy
Mà ta riêng nỗi sầu bi một mình.

Thơ của họ Phan là loại thơ « *Ngôn-chí* » ; ông thường mượn lời thơ để tỏ cái chí của mình. Tuy giữa cảnh buồn, lời thơ có đượm vẻ âu-sầu thắm-thía, nhưng cái tráng-khí vẫn bộc-lộ, niềm ưu-ái vẫn chứa-chan. Buồn mà không ủy-mị, đó là bản-sắc của tiên-sinh vậy.

Phan Đình-Phùng có một người bạn đồng-chí tên là Phan Trọng-Mưu. Khi tiên-sinh còn lưu-lạc ở Bắc-Hà, Trọng-Mưu lo gây dựng cơ-đồ khởi nghĩa. Không may vì thế-cô mà thất-bại. Trọng-Mưu chạy trốn ra tỉnh Nam-định. Hay tin ấy, Phan Đình-Phùng gởi cho bạn một bài thơ :

Phiệt duyệt ngô môn tam thế tướng,
San-hà cố-quận tịch niên bình.
Nhân tòng biệt cửu tư đồng-chí,
Sự đảo thời gian quý đại danh.
Lão tướng thùy nhân xưng quắc thước,
Nho thần hạ hách thế thanh-bình.

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

Bời bời ngũ đạo tầm thiên lý,
Đao hướng viên tiền tá nhất minh.

Có người dịch như vầy :

Bời đời khanh tướng nhà ta,
Đao binh năm trước san hà cõi xưa.

Người đồng chí, nỗi tương tư,
Trong thời thế những riêng như hổ mình.

Tôi nho khôn chước thanh bình,
Mà tài quắc thước đã dành cho ai.

Năm canh lòng những bồi hồi,
Xa xa may cũng thấy ngoài cửa viên.

Lấy tâm sự mình mà đặt vào tâm sự bạn, âu cũng là cử chỉ thầm tình đối với tri kỷ. Lời thơ hàm súc, ý tứ đậm-đà, cái tài cung kiếm hiên-ngang đành gói ghém trong những lời tương-tư gởi bạn. Thời thế xưa nay tạo nên mấy anh hùng, sao giờ đây lại nỡ buộc anh hùng trong ngưỡng cửa ? Đọc những lời thơ này, ta có thể thấy cái chí cao bay và sự nghiệp hống-hách về sau này của thi-sĩ.

Một hôm, Phan-đình-Phùng điểm một đạo binh đi vừa đến núi Vũ-Quang, bỗng gặp một toán lính ở trên núi chạy xuống. Ông xếp bài trận-thế, chặn đường tấn-công. Quân địch tan tành không còn manh giáp. Chiều hôm ấy, đi xem lại bãi chiến-trường, trong cơn đắc ý, ông làm một bài thơ kỷ-niệm buổi thắng trận.

Tái phát quân hành hốt phỉ lai,
Dư tâm vi định chính hồi hồi.
Trường tiền thỉnh chiến hà nhân giả,
Quả bế thời gian báo hiệp hồi.

Ông Đào Trinh - Nhất dịch :

Vừa phái quân đi giặc đến nơi,
Lòng ta lui tới luống bồi hồi.
Người xin quyết đánh là ai đó ?
Chớp mắt mà ta đã thắng rồi.

Thật là những lời thơ dung-dị mà hùng-tráng ! Sinh sản trong lò phong - kiến, được uốn nắn trong khuôn khổ thành - kiến, thỉnh-thoảng Phan tiên-sinh lại vượt ra khỏi những cùm-xích để cho lời thơ được phóng-đạt, dồi-dào. Bao nhiêu đó đủ tỏ rằng tiên-sinh có tinh-thần độc lập, chẳng những độc lập về sanh hoạt vật chất mà còn độc lập về sinh-hoạt tinh-thần. Suốt đời ông hoạt-động không ngừng cho cuộc giải-phóng dân-tộc, là vì muốn thỏa mãn cái tinh-thần độc-lập ấy.

Năm Mùi 1895, sau những trận thất-bại liên-tiếp, Phan tiên-sinh dẫn tàn binh trốn về núi Quạt. Phần thì lo rầu buồn, phần thì bệnh, ông càng ngày càng gầy võ nguy-nan.

Một hôm, biết không thể nào sống được, ông gọi phu-nhân, con cháu và các tướng tá lại dặn rằng :

— Khi ta nhắm mắt rồi, phu-nhân và các tướng hãy dẫn con cháu ta ra đồn Tây đầu thú. « *Chí thánh đạo, khả dĩ cảm nhân* », ta quyết họ không xử tàn nhẫn với các ngươi đâu.

Đoạn tiên-sinh đọc cho chép một bài thơ cảm khái :

Nhung trường phụng mạng thập canh đông,
Vô lược y nhiên vị tấn công.
Cùng hộ ngạo thiên nan trạch nhạn,
Phi đồ biến địa thượng đồn phong.
Cửu-trùng xa giá quan sơn ngoại,
Tứ hải nhân dân thủy hỏa trung.
Trạch vọng dữ long ưu dữ đại,
Tướng môn thâm tự quý anh hùng.

Ông Quán-Chi dịch :

Nhung trường vâng mạng đã mười đông,
Việc võ lôi thôi vẫn chẳng xong.
Dân đói vang trời kêu ó nhạn,
Quân gian dậy đất rộn đàn ong.
Chín trùng lận đận miền quan tái,
Trăm họ phôi pha đám lửa nồng.
Trạch vọng càng to càng nặng nhọc,
Tướng môn riêng hổ tiếng anh hùng.

Đó là bài thơ cuối cùng của ông Phan-đình-Phùng. Mười năm mong dựng cơ đồ, kết-quả chỉ một nặng-nề thảm-bại. Nằm trên giường bệnh, ngỡ còn nghe tiếng của dân kêu đói vang trời, ngỡ còn thấy rộn - ràng phường gian-nịnh. Tấm lòng ưu-ái đành gởi về nơi quan-ải xa xa...

Thơ Phan tiên-sinh, ngoài cái khí-khái phát ra bởi một tấm lòng thương vua, yêu nước, lại còn những lời thơ trong sáng nhẹ-nhàng. Ông không ưa dùng điển-tích và những từ-hoa, sáo-ngữ. Lời lẽ tuy mộc-mạc nhưng súc-tích tất cả những gì sôi-nổi ở tâm-hồn.

Có điều đáng tiếc là Phan tiên-sinh chỉ làm thơ chữ Hán, thành thử thơ của tiên - sinh không được phổ-biến và không gây được một tác-dụng mạnh-mẽ trong quần-chúng. Nếu tiên-sinh nghĩ đến nhân-sinh một chút, nghĩ đến công trình văn-học một chút, thì có lẽ tiên-sinh đã là một thi-nhân muôn thu của nước Việt, một thi-nhân ngồi chung chiếu với Nguyễn Công-Trứ, Cao Bá-Quát, Nguyễn Du...

BA người NHỰT bị xử bắn tại Sàigòn

9-3-1945

KHÔNG ai ngờ cả một tổ chức chính quyền của Pháp đã mọc mầm, bám rễ trên đất Đông-Dương gần 100 năm đã bị lật đổ một cách quá dễ dàng trong 24 tiếng đồng hồ.

Nói rằng 24 tiếng đồng hồ cũng không đúng, nhiều nơi chỉ có 15 phút là chính quyền của Pháp đã bị mất rồi. Không một tiếng súng, một kháng cự nhỏ, quyền binh của Pháp đã lọt vào tay người Nhựt. Những Đô Thị Lớn như Hà-Nội, Sàigòn, Huế, từ viên Toàn quyền đến viên Thống-Sứ xuống hạng Tây Lục-Lô, tây Đoan đều bó tay chịu làm tù binh một cách nhục nhã. Một cuộc đảo chính chớp nhoáng ít đổ máu nhứt, ít tiếng súng nổ nhứt là cuộc đảo chính ngày 9-3-45 của người Nhựt đảo chính người Pháp tại Đông-Dương.

Trong cuộc đảo chính ngày 9-3-45, Đô-Đốc DECOUX đầu hàng đầu tiên. Một vài viên Công-Sứ, Thống-Sứ và Khâm-Sứ tỏ ý kháng-cự nên bị giết trong đó có Thống-Sứ Delsalle mà người Bắc-Việt biết nhiều nhất rồi đến viên Khâm-Sứ Trung-Bộ Haelewyn, chỉ huy và lãnh đạo Triều-Đình Huế từ năm 1941 đến năm 1945 đã bị quân đội Nhựt giết tại tư dinh.

Thủ phạm giết viên Thống-Sứ DELSALLE và Khâm-Sứ HAELEWYN là Sĩ-Quan Vệ-Binh Kratsé của Nhựt-Bổn. Đó là viên Trung-Úy HATTORI-EJIRO, viên Thiếu-Úy TAMURA-KANJI và viên Trung-Sĩ IWAMASA - PUMIHISHA.

Thật ra, những người giết viên Thống-Sứ Delsalle cũng như viên Khâm-Sứ Haelewyn không có thù hằn gì với hai nạn nhân cả mà chỉ vì Haelewyn cũng như Delsalle đã chống cự khi những sĩ quan chỉ huy vệ-binh Kratsé đến bắt họ. Do đó buộc họ phải giết Thống-Sứ Delsalle và Khâm-Sứ Haelewyn.

* TÔ KHÁNH-MINH

KHI QUÂN ĐỘI PHÁP TRỞ LẠI ĐÔNG-DƯƠNG

VỚI danh nghĩa quân đội Đồng-Minh thắng Trục, quân đội Pháp nhập với quân đội Anh-Ấn được Đồng-Minh giao quyền tiến vào phía Nam vĩ tuyến 16 để tước khí giới quân đội Nhựt Bổn.

Vào Đông-Dương ngày 23-9-45, Pháp nhằm 2 mục đích : Cướp lại đất Đông-Dương để tiếp nối cuộc thống trị vừa đứt đoạn sau gần 100 năm cai trị, đồng thời để thanh toán món nợ tinh thần của ngày 9-3-45, Pháp đã bị quân đội Nhựt Bổn hất chân một cách dễ dàng và êm thắm.

Vào Đông-Dương Pháp gây nên cuộc chiến tranh giữa 3 Dân Tộc Việt - Mên - Lào đoàn kết chống Thực-Dân xâm lược kéo dài gần 10 năm trời, rốt cuộc Pháp vẫn phải rút khỏi Đông-Dương. Ba Dân Tộc Việt-Mên Lào được hoàn toàn độc lập.

Tiến vào Đông-Dương, Pháp hạ lệnh điều tra những chiến phạm Nhựt đã gây ra vụ đảo chính 9-3-45 mà ảnh hưởng còn tai hại cho đến ngày nay đối với Pháp. Nhiều sĩ quan Nhựt hình như đã biết trước số phận chiến bại của họ khi họ nghe chiếu của Thiên - Hoàng, đấng Thiêng-Liêng con của Thái - Dương Thần Nữ xuống cai trị dạy dỗ họ, ban xuống xin đầu hàng vô điều kiện sau 2 quả bom Nguyên Tử ném xuống Trường-Kỳ và Quảng-Đảo nên họ đã đem cái

chết của Võ-Sĩ Đạo, mổ bụng tự vẫn để khỏi phải nhìn cái chết sau này do kẻ khác hành hạ họ.

Có những sĩ quan khóc suốt ngày đêm rồi bày hương án ngoảnh về phía Đông Bắc là nơi Thiên-Hoàng đang ngự trị vái 4 vái mới nhảy từ trên lầu cao xuống tự vẫn chết. Từng đoàn người theo giòng Võ-Sĩ-Đạo đã cùng nhau tập đoàn mổ bụng tự vẫn chết. Những cái chết oai hùng ấy chứng tỏ người dân của Thái-Dương Thần-Nữ luôn-luôn có ý chí quật cường, bất khuất, nêu cao tinh thần Dân-Tộc quả cảm của Phù-Tang Tam-Đảo.

Những cái chết đề đền nợ nước ấy đã được nêu cao. Nhiều người cho rằng, sở dĩ Nước Nhựt phải đầu hàng, Thiên-Hoàng phải xuống chiếu để nhận sự đầu hàng vô điều kiện chỉ vì Người thương sót thần dân của Người. Nhiều sĩ-quan Nhựt tự khép mình vào tội không hy-sanh xứng đáng khi chiến tranh mới đến nỗi phải đầu hàng. Bởi vậy, họ lấy cái chết để hối lỗi.

Những người chịu sống, chịu sự chục nhã của kẻ chiến bại vì họ tin ở sức quật cường, sự nhẫn nhục, sự tha thiết tiến bộ của Dân-Tộc Nhựt. Họ cố sống để chung lưng đấu cật với nhau hầu xóa bỏ những tàn tích chiến tranh đang tàn phá trên đất nước thân yêu của họ.

Trên thế giới có ai dám khinh cái thất bại của Dân-Tộc Phù-Tang cũng như Dân-Tộc Nhựt Nhĩ Man không ? Hai Dân-Tộc Nhựt ở Á-Đông, Đức ở Âu-châu dù có thất trận cũng làm cho những kẻ thắng phải thán phục, phải kính nể. Nhứt là sau 10 năm chăm lo kiến thiết lại xứ sở, người Nhựt ở Á-Đông, người Đức ở Âu-Châu lại càng làm cho các Quốc-Gia khác phục hơn nữa. Hai nước chiến bại bị chiến tranh tàn phá khủng khiếp nhứt thời nay lại là 2 Quốc-Gia tái lập nhanh nhứt, vững chắc nhứt, có tương lai nhứt trên hoàn vũ.

Cái sức chịu đựng, sự nhẫn nhục của hai Dân-Tộc Đức-Nhựt là những tấm gương sáng cho các Quốc-Gia khác soi chung.

Ở Đông-Dương, người Nhựt chịu sự kềm chế báo thù của người Pháp khi họ trở lại Đông Dương. Rất nhiều chiến sĩ Nhựt Bổn bị bắt vì đã phạm tội giết người trong thời kỳ chiến tranh. Nhiều sĩ quan, hạ sĩ quan, binh lính Nhựt bị kết án xử tử.

Trong số những người bị tòa-

án Binh Pháp tuyên án xử tử và thọ hình tại Quartier Vigille, Sài-gòn, tôi được cái may mắn chứng kiến cái chết oai hùng anh dũng của 3 chiến sĩ Nhựt-Bổn.

Đó là Trung-Úy Hattori-Ejiro, Thiếu Úy Tamura Kanji, Trung-sĩ Iwamasa Pumihisha đã giết viên Thống-sứ Delsalle và viên khâm-sứ Haelewyn.

GIỜ PHÚT CẢM-ĐỘNG : BA CHIẾN-PHẠM NHỰT THỌ HÌNH

Bị ghép là chiến-phạm ở Đông-Dương đã từng hạ sát lương dân vô tội. Trung-Úy Hattori-Ejiro, Thiếu Úy Tamura Kanji và Trung - sĩ Iwamasa - Pumihisha sĩ quan và hạ sĩ quan trong đoàn Vệ Binh Kratsé của Nhựt Bổn ở Đông-Dương bị bắt giam.

Cả ba chiến sĩ Nhựt-Bổn ở trên bị giam ở trại tù binh, chiến phạm, tội nhân của Tòa-Án Binh Pháp. Theo luật Quốc-Tế đối đãi với tù binh, người Pháp đã đối đãi với các chiến phạm Nhựt Bổn rất đàng hoàng, tử tế. Ăn uống rất sang trọng tùy theo từng cấp bậc trong quân ngũ và họ vẫn theo hệ thống quân giai của họ để giao thiệp với chính quyền Pháp.

Trong trại giam, những chiến phạm được quyền đọc sách, viết văn hay mua bán thức ăn bên ngoài nếu họ có tiền riêng. Họ được học tập thêm ngoại ngữ, văn hóa của Dân-Tộc Nhựt. Họ có tủ sách riêng để đọc nghĩa là người Pháp đối đãi với tù binh Nhựt vô cùng lịch sự theo đúng với luật lệ đối đãi với Tù-Binh tại Genève.

Ba chiến phạm đã từng hạ sát Thống-Sứ Delsalle, Khâm-Sứ Haelewyn bị đưa ra Tòa Án Binh Pháp tại Saigon và cả ba đều bị kết án tử hình.

Theo thông lệ, cả 3 chiến phạm Nhựt Bổn đều ký giấy chống án. Giấy chống án bị bác, họ viết thơ lên Tổng Thống Pháp để xin ân xá. Giấy xin ân xá cũng bị bác nốt. Thế là cả 3 chiến phạm Nhựt Bổn chờ ngày ra sân bắn để thọ hình.

Thế rồi, việc đến đã phải đến. Một buổi sáng sớm hơi sương còn đọng trên ngọn cỏ, dân chúng Saigon còn say mê trong giấc điệp, thời đoàn Vệ-Binh đã đến Trại Giam đưa 3 người Nhựt, chiến binh thủ phạm trong vụ ám sát Delsalle và Haelewyn ra sân Quartier Vigile để thọ hình.

Tại sân Quartier Vigile đã đắp sẵn 3 mô đất cao trên giồng mỗi mô đất một cây cột lớn bào nhẵn thín. Đó là nơi mấy phút sắp tới đây, Trung-Úy Hattori Ejiro, Thiếu-Úy Tamura Kanji và Trung Sĩ Iwamasa-Pumihisha sẽ dựng lên để nhận những viên đạn đồng của người Pháp xử tử họ.

Theo thể thức hành hình các chiến phạm, các tử tù, nhà Binh Pháp cho mời một vị Linh Mục, một vị Mục Sư và một vị Hòa-Thượng đến để rửa tội hoặc cầu kinh sám hối, siêu thăng cho những người tử tù một khi người ấy yêu cầu.

Ba chiến phạm thản nhiên ngồi xuống ghế. Người nào cũng tươi cười như không có việc gì xảy ra với họ. Trước giờ hành hình, viên Chưởng-Lý Tòa Án Binh đọc bản cáo trạng cho 3 chiến phạm nghe. Một người thông ngôn dịch ra tiếng Nhựt Bổn. Một ân huệ cuối cùng, Nhà Binh Pháp cho phép 3 tử tù được yêu cầu lần chót những điều họ muốn.

Trung-Úy Hattori-Ejiro được cử làm Đại Diện cho cả 3 tử tù đã đứng lên cám ơn nhà đương cuộc Pháp đã đối xử với họ một cách tử tế và xử họ theo đúng luật lệ nhà Binh. Đó là một điều hân hạnh nhứt và thỏa mãn nhứt cho họ rồi. Họ không có oán thán gì hết. Giờ phút cuối cùng sắp phải lên sân bắn, cả ba chỉ yêu cầu đừng bịt mắt họ trước khi bắn. Hãy để cho họ được mở mắt nhìn rõ mũi súng nhã đạn. Riêng Trung-Úy Hattori Ejiro yêu cầu thêm là cho cả ba về Trại để từ giả anh em đồng tù, đồng-bào của họ trước khi họ bước qua bên kia Thế-giới.

Nhà Binh Pháp đều chuẩn y lời yêu cầu của 3 chiến phạm Nhựt. Chiếc xe Dodge 4 lại chở 3 chiến phạm Nhựt trở về Trại Tù-Binh giam các chiến phạm Nhựt-Bổn để họ được từ giã bạn bè, đồng bào của họ.

BỨC THƯ THẢM THIẾT CỦA TRUNG ÚY GỞI CHO ME, CHO VỢ VÀ 3 CON

Trước khi ra đi lần chót, Trung-Úy Hattori-Ejiro lấy trong túi dết ra một bức ảnh truyền thần của Trung-Úy đưa cho một người bạn đồng hương, có nhà ở bên cạnh gia đình Trung Úy cũng là người bạn thân của Trung-Úy từ ngày còn cắp sách đi học ở trường làng và dặn rằng

— Đây là tấm hình truyền thần do anh Tamaru-Kisi đã vẽ cho tôi làm kỷ niệm. Hôm nay, tôi từ giã cõi đời, vậy xin anh giao lại tấm hình nầy để nhờ anh khi xuống tàu về Nước gìn giữ hộ và về đến nhà thì giao tấm hình nầy cho Mẹ tôi, vợ tôi và 3 con tôi. Đó là lời mong ước cuối cùng của tôi.

Người bạn Trung-Úy Hattori-Ejiro cúi đầu bái nhận, cầm tấm hình truyền thần mà nét vẽ vô cùng sắc sảo. Dưới tấm hình Hattori-Ejiro viết :

Kính lạy Má,

Thân gửi em và ba con.

Từ Việt-Nam con gửi Kosoku về tấm hình nầy của con vẽ trong những ngày bị giam tại Trại Tù Binh ở Sài-Gòn trước ngày ra sân bắn.

Con xin Má nhận ở đây lòng thành kính hiếu đạo của con. Gửi em và 3 con sự chân thành quả cảm của người Trai đất Phù-Tang.

Ký tên : Hattori-Ejiro.

3 chiến phạm Nhựt Bổn đàng hoàng ra xe để ra pháp trường thọ hình. Cuộc tiễn đưa 3 người bạn qua bên kia Thế-Giới, đoàn tù binh Nhựt Bổn ca bài Quốc-Ca và bài anh hùng ca với những chiếc khăn tay trắng vẫy đưa vĩnh biệt.

Trên mô đất đường Quartier Vigile, 3 chiến Phạm Nhựt Bổn nghiêm trang ngoảnh về phương Đông Bắc cúi đầu vái đấng Thiên Hoàng và quê hương anh dũng của họ rồi đứng tựa vào cột mắt mở nhìn những họng súng đen ngòm.

Theo lệnh của viên Chỉ Huy, một loạt súng nhã đạn. Tiếng nổ ròn tan. 3 chiến sĩ Nhựt Bổn gục dần xuống. Miệng họ vẫn mỉm cười tươi tỉnh. Viên Chỉ-Huy lặng lẽ tiến đến ghe súng vào mang tai từng người nổ cò để kết liễu đời người Chiến - Sĩ quả cảm và yêu nước của Đất Phù-Tang Tam-Đảo.

Viên Đại-Úy Giám Sát cuộc hành hình 3 chiến sĩ Nhựt Bổn trong đạo Vệ Binh Kratsé đã nghiêng mình tỏ vẻ kính trọng trước tinh thần quả cảm của Dân-Tộc Nhựt Bổn cũng như của các Dân-Tộc Á Châu mà 3 chiến sĩ thọ hình là tượng trưng.

(*Sài-gòn, ngày 1 tháng* 10-1959 *để tưởng nhớ lại ngày hành hình của 3 chiến sĩ yêu nước của Dân-Tộc Phù-Tang*).

Để chồng Khỏi Khổ

PHONG-CẦM

Sài-gòn, ngày...

Anh Nhân yêu quý,

Em viết cho anh thư nầy giữa lúc trời chuyển sang thu, đêm không lạnh lắm, nhưng mưa rơi nhiều, nhiều như nước mắt của người cô phụ khóc chồng xa vắng, như tình cảnh của đôi ta.

Thấm thoát đã sáu tháng qua, em đếm từ ngày anh vướng vào vòng lao lý. Thư nầy là bức thư thứ nhứt em viết cho anh để nói rõ sức khỏe của em. Trời ! Em có can đảm nói chuyện sức khỏe của em ư ? Sức khỏe ! cũng vì nó mà anh dấn thân vào con đường ăn cướp, cũng vì nó anh lãnh 18 tháng tù. Em làm sao quên được ? Ngày xử anh, em cố chen lấn vào tòa để được nhìn mặt anh, lúc bấy giờ hình ảnh anh bị nhòa sau màn mưa lệ, em chỉ còn nghe văng vẳng lời anh khai : « vì vợ bị bịnh phổi rất nặng, anh không còn can đảm nhìn vợ ôm ngực rên la thâu đêm, túng cùng anh phải đi ăn cướp ».

Còn gì đau đớn bằng anh hy sinh cả danh dự làm người để cho em có một sức khỏe ? Em tủi thân và xúc động lắm anh ơi ! Em biết anh luôn luôn nghĩ tới em, nghĩ tới nguồn sống lành mạnh của em, mặc kệ người đời gán cho anh cái tên « thằng ăn cướp ». Cho nên, thư nầy em báo cho anh một tin mừng : bịnh phổi của em đã thuyên giảm nhiều.

Đấy anh xem, tuồng chữ của em cứng cát lắm chớ có run rẩy như ngày nào đâu. Trí em lại bình tĩnh sáng suốt hơn lúc nào hết, anh cứ xem văn em viết trôi chảy và mạch lạc thì đủ biết.

Anh đừng hoài nghi, tại sao em không chết mà lại hồi sinh một cách thần diệu như vầy ? Em nhờ phép tiên ? Không, anh ơi (!) em nhờ những bàn tay phàm tục. Thì liền sau ngày anh lãnh án báo đăng lên, bạn bè gần xa đều biết. Họ không ngờ anh đi ăn cướp, nhưng họ hiểu anh và cảm-thương thân phận của em, giúp-đỡ em hết lòng. Có người đem em đi khám bịnh, gởi gắm bác-sĩ điều trị, săn sóc em như người cật ruột.

Anh Nhân yêu quý, anh thấy yên lòng chưa ? Anh có tin rằng Thu Tâm người vợ đau yếu của anh bây giờ mạnh khoẻ trẻ đẹp như ngày chúng ta mới yêu nhau?

Anh mừng cho em đi ! Mừng em thì anh ráng lo bảo vệ sức-khoẻ tránh những ngày đêm dằng dặc lo âu... Mười tám tháng có là bao ? Rồi đây đôi ta sẽ sum-họp một nhà.

Em rời khỏi giường bịnh hơn một tháng nay, em thấy đời đẹp quá, vui quá. Cảm giác của em giống như con chim đẹp bị nhốt trong lồng lâu ngày, giờ được sổ lồng, tha hồ mà bay nhảy. Quanh em mọi người đang vật lộn với cái sống coi hăng quá. Em cũng đang chuẩn-bị lao mình vào cuộc sống đây. Em trở lại đời ca-sĩ ? Chắc anh cau mặt bảo : «Em vừa hết bịnh không nên thức đêm phí sức nhiều ?» Thì em ngoan-ngoãn nghe lời anh vậy.

Em chọn một nghề khác đây. Anh đoán xem em chọn nghề gì ? Chắc anh không ngờ em chọn nghề ... dạy học !

Em mà dạy học ư ? Hẳn anh cho rằng em không đủ sức thì em cứ dạy học cho anh xem sức khỏe của em dồi dào đến bực nào. Em sẽ dạy học nơi một tư thục, mọi việc điều xong rồi, hẹn sẽ nói rõ ở thư sau.

Chúc anh nhiều sức khỏe và vui vẻ.

Người vợ yêu quý của anh,

THU-TÂM

★

Sài-gòn ngày...

Anh Nhân yêu quý,

Thời giờ đi qua rất mau, lật bật đã sáu tháng rồi, bao nhiêu là chuyện đổi thay, vui nhiều

hơn buồn, giá mà được gởi thư thong thả thì em sẽ viết cho anh rất nhiều.

Anh ạ, bây giờ em đã trở thành cô giáo, « cô giáo Thu-Tâm ». Cả trường đều gọi em như thế. Mỗi ngày em chỉ mất bốn giờ trong nom dạy dỗ đàn trẻ lối năm mươi đứa, tuổi bằng con của chúng ta. Rất tiếc là chúng ta không có con để mà dạy dỗ. Sống với trẻ thơ cũng có nhiều thích thú lắm anh à. Em thường ngắm những chiếc má phúng phính thịt của chúng, những cặp mắt ngây thơ trong trẻo của chúng hay mái tóc xanh của chúng mà thầm ước ao « vái trời cho mình một mụn con » nhưng bây giờ chúng ta chưa có con thì em thương yêu chúng nó vậy.

Trong lớp học, lúc nào chúng nó cũng quấn quít lấy em, em thường cho chúng nó kẹo bánh hay bong bóng cao su, chúng vui mừng cám ơn rối rít. Lúc nhàn rỗi chúng bắt em kể chuyện đời xưa, chuyện thần thoại, thằng Tường, thằng Bích và con Lệ là ba đứa học giỏi nhứt lớp và chúng cũng mến em nhứt, những lúc em dạy toán hay kể chuyện cho cả lớp nghe, đứa nào tinh nghịch ném giấy vào nhau hoặc cười đùa ầm - ĩ thì thằng Tường, thằng Bích, con Lệ khuyên chúng nó đừng làm phiền cô giáo. Những ngày chúa nhựt chúng rủ nhiều đứa nữa tới nhà xin em đưa đi chơi vườn Bách-thảo hay vườn Tao đàn. Thấy em ở một mình thằng Tường con Lệ đều hỏi : « Còn thầy đâu cô ? » Em phải nói dối với chúng nó thầy đi làm ăn xa, sáu tháng nữa mới về.

Thì anh chỉ còn sáu tháng nữa mãn tù, em đếm từng ngày để mong cho cái ngày ấy chóng đến, chúng ta gặp nhau. Anh ơi, cùng với thư nầy em gởi cho anh bưu-phiếu 500 đồng để anh ăn quà trong những ngày chờ đợi. Ấy là số tiền em dành dụm trong mỗi kỳ lãnh lương để dành cho anh. Trong chốn lao tù, nếu anh thấy cần quần áo thì cứ lấy đó mà may mặc vì em nghe nhà tù có tuyển nhiều nhóm thợ hành nghề.

Ba tháng trước em có được thư anh bảo rằng : trong nhà lao ban ngày thì nực ban đêm thì lạnh, lạnh lắm. Như vậy anh rất cần có áo ấm để mặc vào ban đêm. Em đang đan cho anh đây, em chọn len màu cặn rượu là màu anh thích nhất vì có lần may áo dài cho em anh đã chọn màu nầy, anh bảo nó kín đáo nhu-mì, mà nhu-mì thật phải không anh ?

Tháng tới đây em sẽ có áo ấm gởi anh, tuy mùa đông đã qua rồi nhưng em cảm thấy tâm-hồn anh luôn luôn giá-lạnh, nhứt là khi màn đêm trùm xuống cánh cửa lao-tù. Em tin rằng chiếc áo em đan sẽ giúp anh đỡ sự trống lạnh của tâm hồn, em cố đan cho mau rồi, ngặt vì bận rộn hai buổi đến trường, tối về lại chấm bài, làm sổ, em làm thật nhanh để giờ lại chiếc áo còn đan dở, em mơ thấy anh vui mừng sung sướng khi nhận được áo em. Đó là niềm khích lệ mà em thấy ấm áp vô cùng.

Vui lên đi anh vì anh sắp có áo ấm. Em vui đếm ngày giờ vì anh sắp trở về.

Chúc anh vui vẻ và thêm nhiều sức khỏe.

Người vợ yêu quý của anh.

THU-TÂM

★

Sài-gòn, ngày...

Anh Nhân yêu quý,

Anh hãy bình tĩnh đọc thư nầy và tha lỗi cho em.

Anh ơi ! Khi anh đọc thư thì có lẽ mồ em cỏ đã phủ dầy, vâng, đã lâu rồi em không còn ở thế gian nầy. Hẳn anh không ngờ em lại có thể đánh lừa anh một cách sâu sắc như vầy.

Hai bức thư trước, cũng như thư nầy đều mang tuồng chữ của em như anh đã biết, anh không thể lầm được, nhưng anh có biết đâu những điều em nói trong thơ toàn là giả dối do óc tưởng tượng của em đẻ ra, chớ không đúng với sự thực ngoài đời.

Anh ơi ! Em đau khổ lắm khi phải giả dối với anh, nhưng hoàn cảnh khắc nghiệt xui em không thể làm khác hơn được. Chắc anh cũng biết, ngày anh vướng vòng lao lý là ngày vi trùng lao tàn phá hai lá phổi của em tan nát rồi, em còn sống là sống gượng, sống lây lất qua ngày chớ luôn luôn em cảm thấy thần chết lần quần bên mình em.

Em đánh liều xin vào nằm trong trại trừ lao. Tại đây, mọi người đều ân cần săn sóc em, mọi người đều rất tử tế với em, em có nhiều an ủi ở tinh thần nên gượng nổi, vả lại lúc nầy em cố gượng để còn viết thư an ủi cho anh khỏi khổ.

Em gặp một nữ sinh, tuổi vừa 16, còn đang đi học, nhưng vì bị lao khá nặng, nhà nghèo nên phải vào đây. Giường chúng em nằm khít bên nhau, nên dễ quen nhau.

Bích Lệ là tên của cô nữ sinh ấy, cô ta chỉ còn một người anh thường vào thăm viếng cho quà. Thấy Bích Lệ được người thăm viếng em không khỏi chạnh lòng nghĩ lại số phận mình. Ai thăm viếng em ? Duy có anh là làm cho em khỏi khổ, nhưng anh ở mãi trong tù, bà con họ hàng thì ở xa, đến nước nầy cho họ biết càng thêm đau lòng.

Một buổi chiều kia, Tường vào thăm có mang cả bút mực cho Bích Lệ viết nhựt ký. Thấy bút mực, em nảy ra ý-nghĩ viết thư cho anh. Anh ơi ! lúc nầy sức khoẻ của em kém lắm rồi, em có giỏi chịu đựng thì cũng chừng ba tháng nữa thôi. Trời ôi, anh sẽ đau đớn dường nào khi nghe tin em chết ? Anh sẽ khổ khi biết rằng mất em, rồi biết đâu anh nghĩ đến điều cùng quẫn để chết theo em.

Anh ơi ! Em chết đành rồi vì bịnh em nguy kịch quá, vô phương cứu chữa, còn anh, anh phải sống để làm lại cuộc đời. Anh ôi, lá vàng rụng xuống thì thôi, lá xanh còn thiếu gì nơi bụi hồng. Anh phải sống cũng như cần tránh cho anh những điều đau khổ, em mới nghĩ cách viết thư cho anh.

Em chỉ viết vào buổi sáng là tinh thần em tỉnh táo nhứt, sức khoẻ được tăng cường bằng mấy mũi thuốc trụ sinh, em làm thế để giữ tuồng chữ cho được cứng-cát, ý-nghĩa được mạch lạc, tránh sự run rẩy, rối loạn, thấm mệt của buổi chiều hay lúc hoàng-hôn xuống.

Em viết một lượt ba bức thư, rồi trao cho Bích Lệ dặn dò mỗi sáu tháng gởi cho anh một bức theo thứ tự ngày tháng đã định rồi. Bích Lệ rất hiểu mọi nỗi buồn thương đau khổ của kẻ sắp lìa đời, hứa làm đúng theo lời em và cũng thường an-ủi em.

Anh ơi ! Anh tha thứ cho em nhé, em đã tưởng tượng ra câu chuyện hồi sinh, làm cô giáo, ba đứa trẻ mang tên Tường, Bích, Lệ là em mượn của anh em cô Bích Lệ rồi em vẻ vời câu chuyện dạy học có ý-nhị, em nghĩ rằng khi đọc đến anh sẽ quên đi những giờ phút nặng nề trống trải.

Còn 500 đồng và chiếc áo len? Em chắt mót nhiều ngày được ngần ấy em gởi hết cho anh. Nghe anh than lạnh mỗi khi đêm về, cô Bích Lệ tặng em những trái len màu cặn rượu em dùng đan áo cho anh, em muốn chuyền sang chiếc áo hơi sức tàn của em để khi mặc vào anh có cảm giác chúng ta chuyền hơi ấm cho nhau.

Trong những ngày cuối cùng, đêm nào em cũng thao thức trong những cơn ho xé ngực, em nhờ người canh gác trại lao cạo đi mái tóc huyền đã cằn cỗi sau bao ngày liệt giường liệt chiếu, cốt sao cho tấm thân được nhẹ nhàng khi về bên kia thế giới. Em cũng thường cầm tay Bích Lệ rưng rưng nước mắt bảo rằng : « *Thu Tâm không thích giả dối, nhưng Thu Tâm phải làm như vầy là để cho chàng khỏi khổ* ..

Anh Nhân yêu quý ơi ! Anh rõ lòng em chưa ? Em nghĩ rằng mất em anh khổ lắm, nhưng thư nầy tới tay thì anh đã được tự do đón chào ánh sáng, anh trở về với cuộc đời riêng biệt chớ không Phải như con chim bị giam hảm trong lồng, anh sẽ khổ vì em, song lúc nầy tất anh có thừa can đảm đương đầu với cái khổ mà làm lại cuộc đời, thương em, chỉ xin anh ghi lấy hình ảnh em trong tâm tưởng.

Người chết không bao giờ sống lại, anh chẳng nên lưu luyến làm chi với người bạc mệnh, anh hãy vui lên chọn lấy ngày mới với niềm yêu ý sống.

Vĩnh biệt anh...

Người vợ yêu quý của anh,

THU-TÂM.

✱ NHẮC KHÉO

Hai người bạn đang trò chuyện nơi phòng khách. Một bà bạn đến chơi, và khi ngồi, vô ý ngồi lên cái mũ của ông khách để trên ghế. Ông khách điếng người nhưng vì lịch sự, không dám nói. Chợt ông chủ nhà bảo :

— Dạo nầy trông chị béo ra đấy !

Bà khách :

— Không, tôi gầy đi hết mấy kí đấy, anh à.

Ông khách bạn vội xen :

— Dạ, như vậy là vừa với cái vóc của bà lắm. Và...cũng may cho cái mũ của tôi !

T.L.L.

HỒI KÝ

Một Đời Người

★ THIẾU-SƠN

PHẦN THỨ HAI
II
NƯỚC CHƯA ĐỘC LẬP MÀ ĐÃ GẶP VẠ GIÓ, TAI BAY

(Tiếp theo P. T. số 21)

TÔI đã sống một đêm kinh-khủng và một ngày lịch-sử. Đêm 8 rạng ngày 9 tháng 3 năm 1945 tôi nằm nhà nghe súng nổ như bắp rang. Nổ từng chặp, từng hồi. Nổ rồi ngưng. Ngưng rồi lại nổ. Ngưng phía nầy rồi lại nổ phía khác.

Nhưng tới gần sáng thì ngưng bặt. Tôi mở cửa ra để tiếp nhận lấy một tin quan - trọng : Nhựt đảo chánh Pháp.

Thế là chỉ trong một đêm, quân đội Pháp bị giải-giới, tướng lãnh Pháp bị cầm tù, những thực-dân lớn, nhỏ lần lượt bị lượm ráo.

Trên những công thự, công-sở cờ Pháp bị triệt-hạ nhường chỗ cho cờ Nhựt ngạo-nghễ tung bay.

Tôi sanh ngày 9 tháng 3 năm 1908. Cũng ngày 9/3 năm 1945, tôi thấy chủ - quyền Pháp bị lật đổ. Tôi đã sống được 37 năm chẵn dưới sự bảo-hộ của « Mẫu-quốc Lang-Sa ».

Tôi thèm khác một sự thay đổi theo mơ-ước của tôi thì tôi lại phải chịu đựng một sự thay đổi mà tôi hằng lo ngại.

Rồi Triều-đình có Nội - các mới mà Thủ-Tướng là ông thầy cũ của tôi : nhà học giả Trần - trọng-Kim.

Bắc-kỳ có Khâm-sai đại - thần là cụ Phan-kế-Toại.

Nam-kỳ là thuộc địa cũ vẫn giữ y nguyên trạng và có một thống đốc Nhựt thay thế cho thống đốc Pháp. Ở mỗi miền đều có cố-vấn Nhựt. Ở trên hết cũng có người Nhựt làm cố-vấn tối-cao điều khiển Phủ Toàn Quyền cho toàn cõi Đông Dương. Thế là nước tôi chưa độc-lập và bản-thân tôi cũng chưa có tự-do. Báo chí còn kiểm-duyệt. Đi đứng phải trình thêm giấy tờ. Mà người lính Nhựt còn hầm hừ hơn người lính Pháp.

Tôi thấy người Pháp thất thế bị người Nhựt và bọn thân Nhựt nhục mạ và hành hạ, tôi bất nhẫn trong lòng.

★

Ở gần nhà tôi có một tên Tây lai mở lớp dạy học tư và kiêm luôn nghề viết báo. Thằng đó tên là Peyret. Nó làm phách và hung hăng quá cỡ. Người lối xóm ai cũng ngán nó. Con nít lối xóm bị nó rượt đánh lu-bù. Con tôi cũng bị nó hành - hung ôm mặt về khóc với ba má. Tôi đã nhiều lần cự lộn với nó và chắc chắn là nó không có cảm tình với tôi.

Sau ngày Pháp bị đảo - chánh đồng-bào Việt-Nam áp lại rược đánh làm cho nó vừa chạy vừa la. Tôi khuyên đồng - bào không nên trả thù, trả oán, thứ nhứt là đối với những kẻ đã thất - thời. Đồng-bào đã nghe lời tôi nhưng chắc chắn là Peyret không hiểu tại sao người ta lại buông-tha nó.

Vài ngày sau có một người Nhựt mang súng sáu lại nhà tôi dẫn theo một người thông - ngôn. Tôi đi khỏi thì hắn dặn vợ tôi nói lại với tôi chiều bữa sau tôi phải ở nhà chờ hắn lại nói chuyện cần. Tôi chưa biết chuyện cần ra sao nhưng chắc là lành ít, dữ nhiều.

Nhưng bữa sau tôi cũng phải ở nhà chờ hắn. Hắn tự xưng là sĩ-quan tham-mưu nhưng mặc thường phục. Mặt có sắc giận nhưng không mất vẻ hiền-từ. Hắn nói tiếng Pháp được nên khỏi phải thông-ngôn. Hắn nói :

— Tôi nghe nói ông thân Pháp và bài Nhựt, vậy ông hãy cắt nghĩa giùm về thái-độ đó.

Tôi hiểu liền ai đã tố-cáo tôi và kẻ tố-cáo nhứt-định phải là tay-sai của Nhựt. Tôi hỏi lại hắn :

— Xin ông cho biết do đâu mà có cái dư-luận đó về tôi.

Hắn nói :

— Do một nguồn tin mà tôi phải giữ bí-mật.

Tôi lấy lại bình-tĩnh, mời hắn

ngồi để tôi giải-thích cho hắn nghe.

Tôi nói :

— Trước hết xin phép cho tách 2 câu hỏi của ông thì tôi mới có thể trả lời được. Nói tôi thân Pháp, nhưng thế nào là thân Pháp ? Nếu trong nhà có chứa sách Pháp, biết đọc chữ Pháp, nói tiếng Pháp, hâm mộ những tư-tưởng tự-do và nhân-bản của Pháp, sùng-bái những danh-nhân Pháp đã cho tôi những bài học yêu nước, yêu công - lý, ghét cường-quyền và bạo-lực. Nếu như thế mà bảo là thân Pháp thì tôi không chối cãi. Nhưng có hai nước Pháp : nước Pháp tinh thần, nước Pháp cách-mạng, nước Pháp tiến-bộ, nước Pháp đó tôi yêu và chắc ông cũng không nỡ ghét vì một người nói tiếng Pháp rành như ông phải là người biết hâm-mộ nước Pháp đó.

Nhưng còn một nước Pháp nữa, nước Pháp thực - dân đã xâm-chiếm nước tôi và làm cho đồng-bào tôi lầm than đau - khổ, nước Pháp đó, tôi ghét cay, ghét đắng. Một người có đôi chút học-thức không thể yêu cái nước Pháp đó được...

Hắn ngồi nghe tôi mà sắc-diện lần-lần thay đổi, thỉnh-thoảng gật đầu nhè-nhẹ để tỏ ý biểu đồng tình.

Tôi nói tiếp :

— Như thế thì sự thân-Pháp của tôi đâu phải là một cái tội ? Vả lại, giữa một người đã thẳng - thắn nói tất cả ý nghĩ của mình ra với ông và một kẻ là người Pháp hắn hòi mà phản lại quê hương của nó, nó cáo gian tôi để trả một mối tư thù,.. Giữa hai người, xin ông lựa người nào xứng đáng lòng tin cậy của ông. Dầu ông không nói tôi cũng đoán được tên điềm chỉ của ông rồi.

Tới đoạn nầy tôi thấy hắn có vẻ suy nghĩ rồi vui vẻ hỏi tiếp tôi :

— Thế còn ý kiến ông đối với nước Nhựt ra thế nào ?

Lúc nầy tôi thấy dường như tôi đã thắng thế nên cũng tươi cười mà đáp lại :

— Một khi tôi đã biết thương yêu đất nước và đồng bào của tôi và biết căn ghét bọn xâm lăng thì ai hạ được chúng nó tức là ân nhân của nước tôi. Trước hết là tôi phải cám ơn các ông. Còn sự yêu ghét là việc của tình cảm

Nếu các ông đáng yêu thì sẽ được yêu, đáng ghét thì sẽ được ghét tùy theo hành động của các ông. Nếu các ông thật tình thương yêu chúng tôi, Không ẩn ý, không tư lợi thì các ông tin rằng chúng tôi không hà tiện tình yêu đâu ?

Anh chàng xem chừng vừa ý, thỉnh thoảng đến thăm tôi vì anh thích người nói thẳng và nói thật.

Sau đó tôi có thấy anh ghé bên nhà thằng Peyret và chắc tên Pháp gian nầy đã lãnh được một bài học đích đáng.

Nhưng, thật là chua chát ! Nước chưa độc lập mà tôi đã gặp vạ gió tai bay.

✱ OAI BÀ

Hai ông bàn tâm sự với nhau.

— Này anh, những khi anh đi quá nửa đêm mới về nhà thì anh nói sao với chị ở nhà ?

— Trời ơi, những lúc đó đâu có phải là tôi nói !

✱ MƯU CAO

— Này anh, tôi thấy ở hiệu X có cái xe ô-tô giống hệt cái xe của anh bị mất cắp hôm tháng rồi. Anh đến xem có phải nó không ?

— Chính cái xe của tôi đấy. Tình cờ tôi đi ngang đấy và ngờ ngợ nên giả tăng vào xem thì đích thị là xe tôi.

— Sao anh chưa đi thưa bắt họ.

— Ấy, tôi vẫn đến trông chừng và đợi họ thay sơn mới cho rồi và thay mấy cái bánh cũ đi đã.

✱ Ở MỘT TRƯỜNG THI THÂM TỬ

Giám khảo.— *Nếu anh chỉ có một mình mà gặp phải 6 tên cướp cho xe đuổi theo anh với tốc độ 120 cây số một giờ, anh đối phó cách nào để thoát thân ?*

Thí sinh.— *Tôi... sẽ cho xe tôi chạy 150 cây số một giờ.*

T.L.L.

SANG MÙA

Đã thấy hoa mưa cài mái tóc
Cuối trời nắng nặng áng mây qua
Cánh chim sầu bạn bơ vơ khóc
Có kẻ bên thềm tim xót xa

Đã thấy người đi sắm áo len
Nắng đà rụng úa, vắng chiều êm !...
Không-gian rún-rẩy, chiều ên tím
Gió đuổi mơ hồ những bóng đêm...

Đã thấy sầu thương trong xác hoa
Tiếng trùng thưa thớt gọi canh ba
Sao khuya gầy yếu, màu tang-chế
Hiu-hắt ngoài hiên gió lạnh qua

Đã thấy đường khuya vắng bóng người
Một vài xe nhỏ lướt qua thôi !
Đêm sâu heo-hút lên huyền-bí
Có tiếng gì rơi tự đỉnh trời ?

Có bóng gì qua trong trái tim
Như là... nhưng vẫn chỉ im...im...
Có chăng thấy một đ i tình lạ
Một ý gì qua như bóng đêm.

Ban-mê-thuột, 9-59
MẠC HỒ PHONG

THẦN-ĐỒNG PHÁP

Minou Drouet

Nữ Thi-Sĩ 8 tuổi

★ TỪ TRẦM LỆ

ĐÂY, tôi xin dịch một bức thư của cô Thi - sĩ tý hon, gởi cho một bạn thân của cô, tên là Philippe :

«Yêu thương, Philippe ạ, là hiểu biết và thụ nhận, Tôi, tôi hiểu cái điều ấy vào hồi Noël rồi, cái ngày dễ sợ ấy mà tôi được biết cái trống rỗng, cái trống rỗng gặp thấy trong chiếc giày nhỏ cũ kỹ mà tôi đặt trong lò sưởi. Bạn hẳn còn nhớ, trước cái hôm ấy, bạn đập vỡ tất cả những ly để làm cho tôi vui lòng. Noël đến, làm cho tôi sợ hãi. Ngày đó, tôi được biết có những trẻ con mà Noël không có với chúng, những đứa trẻ mà hài đồng Jésus không có xuống cõi trần. Chỉ mình Y.N. là hiểu, là thương cảm cho tôi. Tôi vẫn giữ đây anh lùn, đứng tít trên đỉnh trái thông của Y.N. và chiếc lồng bằng kính bốc khói. Tấm lòng của N., bàn tay của N., Tôi muốn viết cho N, nhưng rồi tôi ngại làm N. phiền muộn, mà tôi thì lại mệt mỏi làm sao. Noël, cái lạnh dễ sợ ấy, cái trống rỗng đào ra mãi mãi kia giữa những kẻ khác và tôi... Ở giữa tiếng nói của họ và tai tôi, có chỗ cho một chiếc giày nhỏ đã hư mòn, không gót, mãi há ra, há ra trên cái trống

rỗng, cái trống rỗng của những con mắt người chết. Chiếc giày ấy, không ai thấy lại nó cả, tôi đã cất dấu nó và tôi nhìn nó, với cái mồm dăn-dúm lại trong tiếng kêu, những giây giày thì rũ rượi như tóc người chết đuối, sờ bụng trơ ruột rã rời. »

Tư tưởng thật dị thường, lại là chuyện dị thường vì tác-giả những giòng « *tùy bút Noël* » mà chúng tôi dịch ra trên đây chỉ là một cô bé mới 8 tuổi đầu, cái tuổi nói một câu thông dụng hàng ngày cũng chưa được suông-sẽ. Cô bé ấy là MINOU-DROUET, mà hẳn các bạn có nghe nói đến. Hôm nay, tôi muốn kể các bạn rõ về luận-điệu của văn-giới Pháp trong sự phủ-nhận và công - nhận cái thiên tài thần - đồng ấy. Phải, cái « tài không đợi tuổi » ấy đã làm chấn động giới văn nghệ Pháp, làm cho Hàn lâm viện Pháp chia rẽ nhau, làm cho giới phê-bình chống đối nhau.

Chính do một quyển sách ấn hành làm 500 bản và không bao giờ đem bán đã làm cho cô bé MINOU DROUET tiếng tăm lừng lẫy và là cái ngòi của cuộc tranh chấp nói trên. Quyển sách ấy, 48 trang gồm một số bài thơ và một số thư chọn lọc của Minou Drouet, do nhà xuất bản *Julliard* in ra, không bán, để « ghi dấu » và gởi đến các nhà phê bình. Một tháng sau đó, tờ *Figaro* gởi một phóng viên đến, khám phá nữ thần-đồng thi-sĩ ấy. Một lá thư của một nữ độc giả tờ Figaro mở màn «VỤ ÁN DROUET».

« *Một đứa trẻ không thể viết được như vậy* », đó là lời quả quyết của nữ độc giả ấy đối với những câu văn và thơ của Drouet mà tờ Figaro trích dẫn ra trên mặt báo.

Nhà Bác-học trứ-danh PASTEUR - VALLERY - RADOT ở Hàn-Lâm-Viện Pháp đáp : « Một số trong chúng ta công nhận những thiên-tài, nghĩa là những cá-nhân vượt cái mức chung. Thiên tài là một thiên-bẩm dị-thường, quái gở, có thể nói là không dính-dấp gì đến cá-nhân thụ-hưởng nó và cá-nhân ấy chỉ là nơi tàng-trữ thôi. Tại sao một nhi-đồng thi-sĩ lại không thể diễn tả được, ngay vào những năm đầu thơ ấu của nó, cái thiên tư kỳ-diệu mà nó hưởng thụ ? Người ta đã nhìn nhận hẳn rằng, sự ấy là khả-hữu đối với những nhà toán học, bằng chứng là PASCAL kia, đối với bên nhạc bằng chứng là MOZART. »

Đối với tiếng « thiên tài » nêu lên ấy, liền ngay đó có tiếng « phỉnh lừa » đáp lại. Tờ báo *Elle* gởi một phóng viên đến Pouliguen là nơi cô bé DROUET ở với bà mẹ nuôi. Và tờ *Elle* đăng tải kết luận cuộc điều tra của mình như sau : « *Minou Drouet không thể viết nổi những bức thư và những bài thơ mà người ta đã in ra đó. Chính là mẹ cô ta đọc cho cô ta viết* ».

Bên phe công nhận, những lãnh tụ, ngoài ông Hàn lâm Pasteur Valléry Radot kể trên, có nhà phê-bình văn-nghệ của tờ Figaro, ANDRÉ ROUSSEAUX, và một tu sĩ, cha LELONG.

Đối với quyển sách của Minou Drouet, André Rousseaux viết : « Thật là một dịp may mắn tốt đẹp cho chúng ta để thấy trẻ lại phần nào, trong khi chìa tay cho một cô bé để nói với cô ta rằng người ta tin nơi cô và người ta cám ơn cô đã làm sáng rạng lên cái cõi đời xám xịt khốn cùng nầy của chúng ta ».

Về phần cha Lelong, ông cho ở nơi cô bé ấy có một ân huệ — « không có chữ nào đáng hơn » — ông giải thích — để diễn tả cái gọi là một thiên bẩm từ một nguồn gốc huyền bí như thế — đến giúp cho một cảm - hứng và thực hiện những điều vượt bực kỳ diệu ấy.

Những nhà giám định và phản giám-định bút tướng, kẻ thì quả quyết mẹ nuôi của Minou Drouet nhái tuồng chữ của cô ta, người thì xác-nhận đó là tuồng chữ của chính Drouet.

Các bạn đọc thử mấy câu dưới đây xem :

« *Gió là con chim to đập đôi cánh trong chiếc lồng* ».

« *Những con chim sẻ là những người học trò viết trên tuyết bằng đôi chân* ».

« *Người câu cá đội cái nón chụp rộng, ở xa trông như một cây nấm to tướng đang ngồi câu* ».

« *Lớp tuyết khóc ở giọt tranh mái nhà, vì nó biết nó không sống được lâu dài* ».

Mấy câu trên đây là của Mozart viết nên vào lúc tuổi cũng còn bé con như Minou Drouet hiện thời. Nhưng có kém gì của Jules Renard như :

« *Cây cối trao đổi chim cho nhau như những lời nói* »

« *Mỗi con kiến giống con số 3* »

Một tổ kiến ? 3.333.333.333.333.333.

«Con đom đóm : một nhểu trăng trong cỏ».

«Con bươm bướm : một mảnh giấy yêu đương xếp làm hai tìm một địa chỉ hoa».

Các bạn nghĩ thế nào về trường hợp Minou Drouet ? «Thiên tài» hay «phĩnh gạt» ?

Sau đây là một bài thơ của Minou Drouet :

ARBRE, MON AMI

Arbre, mon ami
mon pareil à moi
si lourd de misique
sous les doigts du vent
qui te feuillettent
comme un conte de feés
arbre
qui comme moi
Connais la voix du silence
qui balance
le profond de tes mèches vertes
le frisson de tes mains vivantes
arbre
mon ami
mon tout seul
perdu comme moi
perdu dans là ciel
perdu dans la boue
laqué de lumière dansante
par le pluie
arbre
écho de la peine du vent
de la joie des oiseaux
arbre dévêtu par l'hiver
je te regarde pour la première fois.

(Xem qua trang 35)

Hôm tháng 6, vừa qua được tin nữ thi sĩ Thần đồng Minou Drouet làm lễ Sơ-lãnh Thánh-Thể (Première Communion), các em Nữ-sinh các trường tiểu-học Milan ở Ý có gởi thư sang Pháp mời « Bạn Minou » sang làm lễ Sơ-lãnh Thánh-Thể tại nhà thờ Milan. Minou đi với mẹ. Đến ga Milan, giữa một đám đông các nhà báo, nhà văn, các thợ nhiếp ảnh và công chúng, vỗ tay đón chào, cậu đại nhạc sĩ dương-cầm Ý, Massimo Barbieri, cũng thần đồng 12 tuổi, là cậu bé cảm phục Minou nhất, ôm bó hoa tiến đến tặng «Nàng» ! Nữ-Thi-sĩ 8 tuổi đọc một bài thơ của nàng bằng tiếng Ý, tặng một đám các em mù đón nàng ngoài cửa ga. Cậu nhạc sĩ thần đồng Barbieri đi theo nàng, bèn lên đặt trên má « Minou » một cái hôn ngây thơ và bảo với nàng trước mặt các nhà báo : « Lớn lên, tôi sẽ cưới em nhé?» Nữ Thi-sĩ tý hon chớp-chớp lông mi, không biết trả lời làm sao...

DIỆU-HUYỀN

• Diệu-Huyền tạm dịch :

Hỡi Cây, bạn của ta,
Giống như ta
Nặng nề âm nhạc
Dưới ngón tay của gió
Lật mi từng tờ
Như một chuyện thần tiên,
Hỡi Cây
Mi giống như ta,
Hiểu tiếng nói của im lặng,
Mi đưa đầy
Những ngọn tóc xanh rì âm u của mi,
Những bàn tay linh động
Rung rinh của mi,
Hỡi Cây,
Bạn của ta,
Duy nhất của ta,
Lạc mất như ta,
Lạc mất trên trời
Lạc mất trong đất bùn
Như tấm sơn mài
Đầy ánh sáng đang khiêu vũ
Của mưa,
Hỡi cây
Tiếng vang sầu của gió,
Vui của chim,
Hỡi cây xơ xác
Giữa mùa đông,
Ta ngó mi lần đầu tiên.

NHÀ giây thép

✶ NGUYỄN TRIỆU

«Dây đâu mà bắc ngang trời»
«Thuốc đâu mà chữa con người lẳng lơ...»

Đó là một câu vè có từ thời Tây-thuộc (sau nầy biến thành ca-dao), có tự khi người Pháp bắt đầu chăng giây thép ở nước ta, từ Nam ra Bắc.

Hồi bấy giờ tôi mới độ 9 hay 10 tuổi, bập-bẹ quốc-ngữ, cha tôi làm việc tòa sứ bên tỉnh «mới» tức Thái-Bình cách Nam-Định 20 cây số. Một hôm mẹ tôi lấy giấy bút ra đọc cho tôi viết thư sang Thái-Bình hỏi thăm cha tôi và cho ông hay là tôi đã biết viết và đọc chữ quốc-ngữ.

Viết thư xong, mẹ tôi bỏ vào phong bì rồi bảo tôi vào bếp lấy mấy hột cơm đưa ra, mẹ tôi dán phong bì lại rồi đưa cho tôi 4 xu, bảo đem ra nhà giây thép đưa thầy ký bán cho cái tem rồi gửi sang Thái-Bình cho cha tôi.

Vào tới nhà giây-thép, tôi thấy thầy ký «đẹp giai» quá, ngồi trong khung cửa vuông vuông, thầy đội khăn lượt có búi tóc, nhìn tôi một cách âu-yếm. Tôi vái chào, thầy gật. Kinh cẩn đưa thơ và 4 xu nói xin bán cho cái tem thì thầy vui vẻ lấy trong tủ ra một con niêm nhỏ, thầy lè lưỡi liếm rồi dán lên bao thư, bảo tôi đem ra bỏ vào thùng thơ ngoài cửa. Tôi không khỏi thắc mắc và có tính tò mò với cái đầu óc non nớt, suy nghĩ mãi làm sao nước miếng thầy ký lại dính như keo...! bụng bảo dạ : Các cụ thường nói *«miệng nhà quan có gang, có thép»*... thế thì biết đâu mồm các thầy ký có hồ, có keo... nhưng lại còn tò mò muốn biết, thư của mình nó sẽ leo lên dây thép rồi chạy sang tỉnh. Mới cách nào...? Tôi ra gốc cây soan tây (miền Nam gọi là cay Điệp) có bóng mát ngồi chăm chu ngó lên mấy sợi dây thép tự trong nhà giây thép ra, từ 10 giờ đến 12 giờ trưa, không thấy gì cả, đành bỏ về ăn cơm, rồi 2 giờ chiều lại đi nữa để khám phá cho ra kỳ được ! 2 giờ rưỡi làm việc, tôi lại tò mò hỏi thầy ký sao thư tôi không thấy chạy...tôi ngồi ngóng mấy tiếng đồng hồ nhìn lên giây thép không thấy là thư của mẹ tôi chạy đi ? Thầy ký vỗ vai tôi nói: «Trạm lấy đi từ lúc mười giờ «rưỡi cậu biết sao được ! giây «thép là để đánh giây thép đâu «có phải là thư chạy trên sợi giây «thép được ! Bây giờ ông chủ «chưa ra, cậu vào trong kia đứng «ngoài cửa trông vào bàn «Moọt» «thì biết ...» Tôi vào bên trong, đứng nép vào bên khe cửa, nhìn vào thì thấy một cái bàn nhỏ, trên có bộ máy «moọt» với thầy ký nữa ngồi bên, coi cũng «đẹp giai» như thầy bán tem và nhiều tuổi hơn một chút, thầy mắm môi mắm lợi gõ tay lên bàn chan-chát... hễ thầy ngưng tay thì máy trên bàn lại kêu liên thanh lách-tách và có một cuốn băng nhỏ bằng giấy xanh, chạy ra... Lúc nầy đầu óc tôi lại rối loạn hơn nữa, muốn hỏi cho ra để học hỏi thêm cho biết nguyên do về «đánh giây thép» cột giây thép và thầy ký giây thép, đang ngẩn-ngơ thì thấy ông chủ to lớn, phưỡn bụng, từ trong nhà bước ra một cách uể-oải và nặng nề. Thầy ký bán tem lại xoa đầu tôi bảo : «Kìa ông chủ đã ra, cậu về đi rồi nếu muốn biết, chủ nhật «lại đây tôi chỉ dẫn cho !»

Tôi đang bối rối tìm nguyên do «sợi giây thép» chưa ra thì lại bị một danh từ «Moọt» phăng phắt ngoài màng óc tôi. Mình vẫn biết moọt là gì rồi nhưng còn con moọt nầy nữa nghe nó kêu khác vì ở nhà đêm ngủ tôi thường nghe trong những cột gỗ hay giường, ván có moọt nó kêu lắm khi không ngủ được và trong mấy câu phương ngôn, tục-ngữ cũng thấy câu *«Moọt ăn cứt sắt»*, *sâu dán moọt nước»* đây chắc là thứ Moọt khác.

Lớn lên, năm tôi ngoài 20 tuổi mới biết được đây là «Morse» tên của một nhà vật-lý-học Hoa-kỳ tên là MORSE (Samuel), phát minh và sáng-chế ra thứ máy truyền tin bằng điện và phải chăng giây từ nơi nầy qua nơi khác để truyền điện đi, nên ta cứ gọi là máy giây thép, rồi có nhà giây thép, thời Tây thuộc là «P.T.T.» nay ta gọi là Bưu-điện hay Bưu-chánh, ty Bưu-Điện hay ty Bưu-Chánh.

Morse (Samuel) là một Vật-lý-học-gia và họa-sĩ Mỹ sinh tại Charlestown năm 1791 mất tại Nữu-Ước vào năm 1872.

Morse qua nước Anh được hội Mỹ-nghệ Adelphi thưởng cho bội tinh vàng và đến năm 1815, trở

về Mỹ, qua năm 1824 Morse mới tổ chức tại Nữu - ước một Mỹ-thuật hội và sau lập thành Hàn-lâm viện về hội họa.

Sau nầy Morse lại qua Âu-châu lần nữa, đến khi trở về Mỹ mới có ý định sáng chế cái máy điện báo của mình bằng điện từ (électro magnétique).

Năm 1839 Morse lại qua Âu-châu chuyến nữa để vận động bên nước Anh và Pháp về việc phát minh của mình nhưng cũng không được kết quả mỹ-mãn. Sau được chính phủ Mỹ cấp cho 30.000 mỹ kim để tiếp tục thi-nghiệm bộ máy của Morse mới sáng chế ra và rồi được đem ra thực hiện trên đường điện báo từ Washington đi Baltimore, kế đến nước Áo, nước Pháp, Thụy-sĩ lần lượt áp dụng và khai thác máy «giây thép» của Morse. Năm 1858 các chính phủ Âu châu gom nhau tặng thưởng cho Morse một số tiền 400.000 phật lăng... Rồi, từ đấy Morse trở về quê hương bỏ nghề hội họa.

Mới đây, đến năm tôi ngoài 49 tuổi, sau mấy chục năm sưu tầm và học hỏi mới khám phá ra cái thư tôi bỏ «thùng thư» ở cửa nhà giây thép là do phu trạm đem đi chứ không phải là có «phép-thuật» cho leo lên giây thép rồi bay đi tỉnh nầy qua tỉnh khác; như tôi và phần nhiều những đồng bào tôi hồi thời bấy giờ vẫn tưởng là thế ...!

Sau tôi đọc sách sử nước ta, mới thấy rằng từ đời vua Thái-Tôn nhà Lý (1028 — 1054 sau T.L.) sử sách nước Đại-Việt đã có chép và nói đến cách thức gửi thư từ, tức là tổ-chức các nhà «Trạm» và lính «Trạm» rồi, khác hẳn với ta bây giờ là không có giây thép !

Đặt ra các «cung dịch», hay «trạm dịch» trên con đường quan lộ từ kinh thành đến các tỉnh, những nhà « Cung dịch » hay «trạm dịch» lập ngay trên con đường thiên-lý, dùng làm nơi nghỉ chân, hay để thay ngựa, thay phu của các quan chức sai đi công cán. Từ đời nhà Lý về sau, các triều vua khác vẫn theo lề lối ấy mà đặt thêm nhiều cung và trạm.

Từ triều Nguyễn thì đã đặt thêm nhiều trạm từ Huế vô Nam (Gia-Định) và ra Bắc-thành (Hà-Nội), phần nhiều những trạm nầy cất ngay ở vệ đường quan lộ và lợp bằng lá. Mỗi trạm có những chức dịch-mục hay dịch-thừa trông nom, dưới có chừng năm bảy tên lính trạm và lúc nào cũng phải có vài ba người «thường trực» tại trạm phòng khi có công văn khẩn cấp.

Những viên chức Trạm đều thuộc quyền bộ Binh và ở các tỉnh thì do quan Án-sát phụ-trách việc phát lương, kiểm-soát và phân công.

Lương tháng của những lính

trạm thì tương đương với các binh lính khác của Triều đình và cũng được miễn trừ phu-phen tạp-dịch.

Thời xưa, những công văn của triều đình hay của các quan, được đựng vào những ống tre, gọi là «ống công văn», hai đầu gắn kín bằng dựa thông và có dây buộc chặt niêm phong và đóng dấu rất cẩn thận.

Lính trạm không những chỉ phải chạy công văn hay thư tín ngoài ra lại còn phải mang rương cùng hòm xiểng hay khiêng võng cáng cho các quan lớn đi lại hoặc từ Huế ra Bắc thành hay từ Bắc vô kinh, gọi là cách đi « do dịch ».

Ngoài ra hàng năm lại còn phải chuyên chở những phẩm vật tiến cống dâng Vua, như rau muống Sơn Tây, gạo Bắc Ninh, chuối Nam Định (chuối ngự) chim sâm cầm Tây hồ, nhãn, vải, Hưng-Yên, quế và mía Thanh hóa v.v...

Về sắc phục lính trạm thì cũng như thường dân, chỉ có chỗ khác là trên vai họ có đeo mấy cái nhạc (lục lạc) hay cái chuông nhỏ để làm hiệu trong khi đi đường. Giọc đường khi gặp lính trạm thì ai cũng phải tránh, khi qua sông, qua đò ngang hay đò dọc, bao giờ lính trạm cũng được quyền «ưu tiên».

Lính trạm thường phải đi bộ khi nào có việc quân sự khẩn cấp hay việc quan thì được dùng ngựa và trên vai bao giờ cũng phải đeo vài cái lục lạc hay cái chuông để làm hiệu.

Những hành khách đi đường bao giờ gặp lính trạm cũng phải tránh, qua sông đò lính trạm luôn luôn được đi trước...

Người lính trạm mỗi khi cỡi ngựa, muốn cho người ta tránh mình và khỏi bị cản trở giọc đường, thường hay cầm một nắm lông gà hay que củi cháy dở để làm hiệu (thế nên tục gọi «*Hỏa than lông gà*» là thế). Có lẽ cũng vì lẽ ấy nên trong những tờ trát hay thẻ bài của các quan ta thời xưa thường phê hai chữ «Hỏa tốc» khi nào có dịp cần kíp. Chạy công-văn, giấy tờ của Triều-đình cũng có kỳ hạn, đại để như khi có việc cần phải đi gấp như từ Huế ra Bắc thành, phải đi ngày đêm trong ba bữa, việc không cần trong sáu ngày, đi lâu không được quá mười hai hôm.

Còn luật-lệ thi hành trong công việc chạy trạm thì luật nhà Nguyễn đã định rằng ;

«Phàm lính trạm chạy công văn mà để chậm phải «đánh đòn» 20 roi, mỗi khi chậm ba khắc canh, gia tội một bậc, tội chỉ đến 50 roi. Nếu để nát hay rách một giác (tức một góc) của phong bì ngoài mà không động đến nguyên phong thì phải 20 roi, mỗi 3 giác gia tội 1 bậc, tội chỉ đến trượng 60. Làm hư nát một giác công-văn mà không

động đến nguyên phong, 40 roi, mỗi giác gia tội một bậc, chỉ đến trượng 80 mươi. Nếu làm mất dấu công-văn hay xé ra một giác nguyên phong thì phải trượng 60; mỗi một giác gia tội một bậc chỉ đến trượng 100. Còn về công văn việc quân tình cơ mật thì bắt tội nặng hơn. Luật lại còn định: Phàm những giấy tờ báo gấp việc quân tình mà cố ý không cho trạm chạy thì phải trượng 100, vì thế mà hỏng nhỡ việc q uân cơ thì phai « trảm, giam hậu ». Phàm việc quan, có những người hay đồ đạc phải đem đi mà nếu để chậm lại thì mỗi ngày phải 20 roi, tội chỉ đến 50 roi, còn về việc quân nhu thì khác.

Thấy luật triều đình tuy nghiêm khắc là thế. (nào roi, trượng, trảm...) như thế chắc ai cũng yên trí rằng việc thư tín ngày xưa hoàn bị lắm nhưng luật lệ là luật lệ, còn việc thi hành thì lại khác! Các tệ tục về lính trạm ngày xưa tưởng cũng nên nói rõ: Hồi đó, những lính trạm, phần đông cứ ỷ mình mang công văn của triều đình nghênh ngang ở ngoài đường làm nhiều điều chướng mắt, hoặc vào nhà trọ ăn uống làm ầm ỹ hoặc vào làng xóm vòi chức dịch cung ứng, hoặc nữa hống hách khi qua đò, cho nên mỗi khi có lính trạm qua hạt nào thì dân hạt ấy bị quấy nhiễu rất khó chịu. Các quan địa phương tuy có biết nhưng có khi cũng làm ngơ....

✱ Ý NGHĨA

Chàng với nàng đã lấy nhau mười năm. Đến hôm kỷ niệm ngày cưới nhau. Chàng vẫn làm việc như thường lệ. Nàng giận hờn, nhắc:

— Anh không nhớ hôm nay là ngày gì sao?

— À... à, vậy mà anh quên khuấy đi mất!

— Chúng mình sẽ làm lễ kỷ-niệm thành hôn sao đây?

Chàng, suy nghĩ một phút, nhỏ nhẹ bảo:

— Chúng mình làm lễ mặc niệm... im lặng hai phút vậy!

✱ HIỂU LẦM

Cô giáo (giảng bài).— Đồng bịnh tương thân nghĩa là những người cùng một bịnh thương mến nhau. Em nào biết cho một cái thí dụ xem.

Liên (trò).— Dạ, như « mẹ ghẻ » thì thương « con ghẻ ».

T.L.L.

NORTON HOÀNG ĐẾ NƯỚC MỸ

(Tiếp theo và hết)

MỘT hôm Bummer chạy rong ngoài phố, trông thấy một con chó Nhựt coi bộ ốm yếu bị một đàn chó khác xúm nhau cắn. Bummer tức thì nhảy xổ vào cắn mấy đứa dữ kia để cứu kẻ bị giết. Mấy con quỷ du côn chạy tán loạn. Bummer thấy con chó nhựt bị mấy vết thương chảy máu nơi cẳng, liền liếm sạch cho nó rồi dẫn nó về nhà Hoàng đế Norton Ier, để dễ bề săn sóc bạn đồng loại bị hiếp. Hoàng đế Norton thương hại con chó đau ốm nghèo khổ, bèn đặt tên cho là Lazarus, rồi từ hôm đó Lazarus và Bummer thành đôi bạn chí thân và là gạc đờ co cho Hoàng đế.

TÂN PHONG

Norton rất hãnh diện vì đã có 2 tên lính hộ vệ trung thành và cũng là 2 nhân vật có tiếng tăm trong thành phố San Francisco.

Một hôm, một đứa bé mất dạy gặp Norton ngoài phố, nó ngạo mạn với ngài bằng một câu khôi hài vô lễ, liền bị con chó

Lazarus chạy tới cắn nó. Nó la hoảng lên, cha nó nghe được chạy tới cầm cây dù đánh con chó một quật vào cổ, nhưng ông ta bị con chó Bummer nhảy chồm lên cắn vào cổ ông. Hoàng đế Norton vội vàng la mắng Bummer rất nghiêm khắc, truyền lịnh nó dẫn Lazarus về nhà. Ngài nhã nhặn xin lỗi ông kia, rồi buồn bã theo 2 con chó đi về. Nhưng sau đó ít lâu, Lazarus bị thuốc độc chết. Dân chúng đoán thủ phạm có lẽ là hai cha con ông kia. Bummer mất bạn, buồn rầu, bỏ ăn 3 hôm. Thế rồi nó đi lang thang vì nhớ Lazarus, một buổi tối nó đánh hơi một con chuột cống, chạy vào một khách sạn, chạy lên thang lầu nó gặp một chàng say rượu từ trên đi xuống, đá nó một đá quá mạnh, nó lăn xuống cầu thang, về nhà nó đau mấy hôm rồi chết.

Báo Bulletin đăng ai tín ở trang nhứt và cho biết rằng Hoàng đế Norton 1er định chiều hôm sau làm lễ tống táng cho Bummer. Theo tin của báo Bulletin tường thuật đám ma của con chó danh tiếng ấy thì có một số đông dân chúng, và cả Hội đồng thành phố, kẻ đi bộ, kẻ đi xe đi đưa đám ma cho đến huyệt. Bummer được quấn trong một bó rơm, chiếc mề đay anh dũng ghim lên trên, và chôn cất tử tế. Hoàng đế Norton 1er, vẫn mặc triều phục, đội mũ lông đà điểu, quần có sọc đỏ, chống chiếc dù tam sắc, buồn bã đi theo quan tài của tên lính vệ binh. Lúc về báo Bulletin phỏng vấn, ngài chỉ trả lời vắn tắt.

— Bummer là Hoàng đế tất cả các loài chó (Bummer is the Great Emperor of Dogs).

★

Bạn đọc đã biết Norton 1er là một vị « Hoàgg đế » được dân chúng Huê kỳ cảm mến. Nhưng ngài có 2 kẻ thù đã làm cho ngài nhiều phen bận lòng. Kẻ thứ nhứt cũng ở San - Francisco, mặc dầu không được danh tiếng mấy và không được dân chúng kính nể như ngài nhưng cũng là một kẻ thù đáng kể trong một thời gian ngắn, hắn lấy tên là : « Tổng Thống Hoa thịnh Đốn đệ nhị » (Washington the second).

« Tổng Thống Hoa-xin-tôn đệ nhị » là một anh thợ chụp hình thất nghiệp, sau làm nghề xem tướng bói bài. Y thường khoe là y giỏi về khoa tướng học (Phrenology) tức là xem cái

đầu của người ta, đo bề ngang, bề dọc, bề tròn để biết người ấy khôn hay dại, thông-minh hay đần độn, rồi do đó mà nói được vận-mạng hay tương lai. Nhưng nghề ấy kiếm không được bao nhiêu tiền, nên anh vẫn cứ thất-nghiệp hoài. Nhân tiện anh trông thấy thằng cha Norton bổng dưng được làm «Hoàng đế Hoa-kỳ» được dân chúng trọng vọng, ngày ngày mặc triều phục ngao du ngoài phố, chú thầy tướng John cũng nao-nức quyết thi tài với «Hoàng đế» Norton 1er. Sẵn có mụ vợ của chú, cũng làm nghề xem tướng bói bài khuyến khích chú, và ủng-hộ chú. Một hôm, con mẽ bảo chồng :

— Nè, anh lại ngó trong kiến coi cái mặt anh giống ai ?

Chàng thất nghiệp, nghe lời vợ đứng ngó vào kiến một lúc, rồi cười xòa bảo vợ :

— Mình ơi mình, tôi giống hệt Tổng thống George Washington !

Mụ vợ gật đầu có vẻ đắc chí :

— À ! Thế bây giờ soi vào kiến mình mới biết à? Chính mình là « Tổng thống George Washington đệ nhị đó !»

Thế là từ hôm ấy, anh chàng bói bài thất nghiệp tự xưng là «Tổng thống Hoa-xin-tôn đệ nhị» Anh đi mua ngay một quyển sử-ký nước Huê kỳ để đọc biết tiểu sử và sự nghiệp vĩ đại của Tổng-Thống George Washington, vị anh hùng thứ nhứt của dân tộc Mỹ, đã xây dựng nền độc lập của Hoa-kỳ. Chết đã lâu rồi, và được dân chúng Mỹ tôn sùng. Chú chàng bói bài thất-nghiệp liền xin tiền vợ đi may một bộ y phục giống của Tổng Thống Washington. Chàng cũng đội mái tóc perruque giả và chiếc mũ ba cạnh, một áo vết bằng da nai viền dăng ten, quần cụt và vớ trắng lên tận đùi theo kiểu Napoléon, giày đen có thắt nơ.

Mặc y phục như thế quả thật anh giống hệt Tổng Thống Hoa-xin-tôn, và bắt đầu đi lang thang ngoài phố để trình diện với dân chúng. Một lũ nít ranh, vô nghề nghiệp, trông thấy chàng bảnh bao và được mọi người dòm ngó một cách ngạc nhiên, kéo nhau đi theo chàng để coi chàng đi đâu và làm gì. Nhưng chàng leo lên trụ cầu, kêu gọi lũ con nít đứng bao bọc để nghe chàng diễn thuyết. Chàng tự giới thiệu là «Tổng Thống Hoa-xin-tôn đệ nhị», và

chàng đã có sự nghiệp vĩ đại đối với dân tộc Mỹ, chàng đã xây dựng nền độc lập của Hoa-kỳ, chàng là vị anh hùng cứu quốc. Lũ con nít vỗ tay cười : « Hoan hô ! Hoan hô! ».

Gặp ngay giờ các sở mãn việc, công chức, lao động, học sinh ra về đông nghẹt đường phố. Thấy chuyện lạ họ đều xúm lại coi, sau họ nghe « Tổng Thống Washington the second » diễn thuyết, một số đông đều bỉu môi, bảo : « Thằng điên ! Thằng cha xem tướng đó mà ! ». Nhưng một số đông thấy chuyện khôi hài, cũng hùa vô « hoan hô » để cười chơi. Bởi người Mỹ là một Dân tộc thích khôi hài.

Thế là chỉ trong một buổi sáng, tiếng tăm của « Tổng thống Hoa-xin-tôn đệ nhị » đã vang lừng khắp thành phố San Francisco. Đó là một buổi sáng tháng 4 năm 1.875.

Tuy vậy, « Tổng Thống Washington đệ nhị » không được dân chúng hoan nghênh như « Hoàng đế Norton 1er» Vì vậy mà có sự hiềm khích giữa nhị vị anh hùng. Một buổi chiều, trong một tiệm cà phê ở đường số 120. «Hoàng đế Norton 1er» đang uống cà phê như mọi kẻ thường dân, bỗng chàng «Tổng Thống Washington đệ nhị» vênh váo bước vào. Thấy «Heàng đế» Norton trố mắt ngó mình, «Tổng thống» hỏi « Hoàng đế »:

— Tại sao anh không chào «Tổng thống Washington»?

Norton tức giận mắng lại :

— «Hoàng đế» Norton 1er chỉ chào những người nào có chào mình. Chú mầy là một thằng bịp bợm.

«Tổng thống Washington» trả đua lại :

— Bịp bợm là mầy !

«Hoàng đế Norton 1er» tức thì cầm cây dù đập vào đầu «Tổng Thống». «Tổng Thống» không chịu thua, cầm can đập lại.

Cuộc ẩu đả rất là náo nhiệt. Ông chủ tiệm cà phê, hình như là một kẻ phục kính «Hoàng đế» Norton, chạy xồ vào đánh «Tổng Thống Washington» mấy cái tát. Nhiều người khách hàng đang uống rượu chạy đến binh vực «Hoàng đế». Nhưng cũng nhiều người vốn không ưa Norton, lại ủng hộ «Tổng Thống» Huê kỳ và cầm cả chai lẫn ly quăng vào đầu «Hoàng đế». Bỗng dưng tiệm cà phê chia làm 2 phe : một phe binh

vực «Hoàng đế Norton đệ nhứt» một phe ủng hộ «Tổng Thống Washington đệ nhị».

Cuộc ẩu đả kéo dài trong nửa tiếng đồng hồ rượu, cà phê, ly, tách, chai, bình bông, đĩa, chén, muỗng, nĩa, dao, đua nhau bay trong tiệm, đổ vỡ tan tành, biến thành một chiến địa.

Cảnh sát ùa vào dẹp một lúc mới yên.

Sáng hôm sau báo Bulletin bán chạy như tôm tươi. Nhà báo tường thuật vụ ẩu đả lý thú trong tiệm cà phê đường 120.

Kế đó, «Tổng thống Hoa-xin-tôn» thân hành đi dán những tờ áp-phích ở khắp các đường, kêu gọi dân chúng phải đóng góp tiền để trả lương cho «Tổng thống». «Hoàng đế Norton 1er» liền sai người đi xé hết áp phích ấy và đăng trong báo Bulletin một sắc lệnh kết án anh chàng thầy bói đã dám tự nhận là Washington.

Dân chúng dần dần bỏ rơi anh chàng «tổng thống» kia và tiếp tục ủng hộ « Hoàng đế Norton đệ nhứt».

Người thù thứ hai của Norton cũng là một chàng thất nghiệp khác. Kẻ tiểu tốt vô danh nầy một hôm bỗng tự xưng là «Hoàng tử Stellifer » và dán áp phích khắp nơi tuyên bố «Hoàng đế» chính thức của Hoa kỳ.

Nghe tin có «Hoàng tử Stellifer» ra tranh giành ngôi vua, «Hoàng-đế Norton» nổi giận, liền gởi đăng trong báo Bulletin và các báo khác một đạo dụ ra lịnh cho Tòa án New York kết án anh chàng bịp bợm về tội «phiến loạn».

Sự thực thì hai hôm sau, Stellifer cũng bị nhà cầm quyền Nữu-ước bắt giam thật, nhưng không phải là tội phiến loạn mà là tội lừa đảo nhiều nhà hàng trong thành phố có đưa đơn thưa chàng đã giựt họ nhiều món tiền lớn, Stellifer bị tù. Sẵn dịp đó các báo ở San Francisco liền đăng những bài ca tụng «Hoàng-Đế» Norton được các nhà cầm quyền ở New York kính nể và sợ uy quyền của ngài. Dân chúng trầm trồ với nhau tại các tiệm cà phê : « Ghê chưa ! Theo lịnh của Hoàng đế Norton 1er, tòa án Nữu Ước đã bỏ tù Stellifer ! »

Gần cuối tháng chạp năm 1879 Joshua Norton đăng trên báo Bulletin một sắc lịnh truyền cho toàn thể dân chúng Huê kỳ mở những cuộc vui từ thiện nhân dịp lễ Noël, để cứu giúp những người

nghèo khổ. « Tuân theo lịnh » ấy, Hội đồng thành phố San Francisco có trồng một cây Noël và mở cuộc tom-bô-la để giúp vào quỹ nhi đồng của thành phố.

« Hoàng đế Norton 1er » thân hành đến dự các cuộc vui chơi với các em, vì ngài yêu trẻ nít lắm.

Nhưng vài ngày sau, đúng ngày 30 tháng chạp, Norton đang đi dạo chơi trên đường Montgomery Street, bỗng nhiên té xỉu trên bờ đường. Người ta vội vàng vực ông lên xe đưa về nhà trọ. Các bác sĩ có danh tiếng trong thành phố đều được dân chúng mời đến để săn sóc cho « Hoàng đế », nhưng bịnh ngài quá trầm trọng, đêm hôm ấy «Hoàng đế» băng hà.

Thật là một cái tang chung cho nước Mỹ. Các báo xuất bản ngày hôm sau, đều đăng tít lớn choáng hết cả trang nhứt : « Hoàng đế Norton 1er đã chết ». Một tờ báo khác : « Ngai vàng của Mỹ không có ai kế vị ».

Đám ma của Norton được vô cùng trọng thể. Trên 30.000 người theo sau quan tài «Hoàng đế» xứ Huê kỳ, người chỉ để lại một gia tài vỏn vẹn có 2 đồng đô la, và một xấp «tín phiếu» vô giá trị. Toàn thể Hội-đồng thành phố và ông Đô trưởng San Francisco đều đi theo đám-tang đến huyệt.

Các giới thợ thuyền, học sinh, sinh viên Đại học Berkley, bọn người thất nghiệp và công chức, tư chức, thương mãi, kỹ-nghệ, đều có cử phái đoàn đi đưa đám.

Mấy ông văn sĩ và các giới áp-phe ở Pháp, Anh, Nga, Ét-panh, Bồ-đào-nha, Đức, v. v... cũng đánh điện chia buồn, dưới danh hiệu là «Nữ Hoàng nước Anh», «hoàng đế Nga quốc», «Bồ đào Nha quốc vương» «Hoàng đế nước Pháp» v.v... để thêm phần long trọng.

Hiện nay ở nghĩa địa, Woodland Cimetery, ngoại ô thành phố San Francisco bên một gốc cây mát mẻ và ngó ra biển rộng hãy còn một nấm mồ tô xi-măng, có trồng hoa xung quanh, với một tấm bia bằng đá cẩm thạch, khắc năm giòng chữ vàng như sau đây:

NORTON 1er
Hoàng đế nước Huê-kỳ và
Quốc vương xứ Mexique
(Joshua A. Norton) 1.819-1.880

— HẾT —

HÀ-PHƯƠNG

ĐÊM NƯỚC MẮT

Vụt tỉnh giấc quanh mình êm ả quá
Sương nặng cành, lòng xao động buồn thêm
Mấy cánh hoa trăn trở rụng bên thềm
Người xa vắng, nửa hồn tôi lạc lõng
Đêm nay ngủ nằm thấy toàn ảo mộng
Càng giận hờn càng thương nhớ người xưa
Tôi đã sầu mà nhân thế hay chưa ?
Thiên Thần hỡi ! xin dâng lời cầu nguyện
Ai nhớ ai cho khói trầm hương quyện
Tình thác oan không tìm được lối về
Chuông giáo đường chẳng giải thoát hồn mê
Đêm nguyệt tận nằm nghe từng nhịp thở
Hoa lá rụng giữa sương trời lở dở,
Ngửa nhìn lên : le lói ánh sao băng
Nghìn đêm xưa Cung Nữ khóc cồi cằn
Và nửa đêm nay tôi hờn cô độc
Tôi muốn buộc ái tình bằng tơ tóc
Giữ người yêu trong vòng lụa hoa đào
Mà yêu nhau ai ngờ lại phụ nhau
Xa cách quá, tôi vẫy người không tới
Hồn hấp hối một mình riêng thế giới
Tôi khóc người và ai sẽ khóc tôi ?
Hoa héo đã phai, tình cũ nhạt rồi
Nào đâu chắc chẳng có ngày tàn tạ ?
Yêu là thấy lòng như càng xa lạ
Mảnh hồn tiên xây mải những giấc mơ.
(Những giấc mơ không biết rã bao giờ!)
Tim dần chết cứ mỗi ngày một ít.
Nỗi sầu nhớ là sợi dây vướng vít
Nhưng cuộc đời soát lại có bao lâu
Một phút giây : thời gian buổi ban đầu
Rồi mất hết không còn chi nữa cả.
Chân bị vấp nửa đường tôi gục ngã
Nuốt ngậm hờn và nhuần thắm chua cay
Đời vẫn say và người cũng chẳng hay
Giữa trần thế tôi sống mà đang chết.
Tình ái cũ thôi thế là đã chết
Mộng phai tàn, thương với nhớ phôi pha.
Nghìn năm sau ai tiếc Khách Tài Hoa ?
Vụt tỉnh giấc, đêm nay nằm khóc ngất.

Khổng Minh

★ NG-QUANG-LỤC

(Tiếp theo số 21)

ĐẤT Kinh Châu, phía Bắc có sông Hán, sông Miện, nguồn lợi ăn suốt tới Nam Hải, phía Đông liền Ngô Hội, phía Tây thông Ba Thục. Đây là miếng đất dụng võ mà chủ nhân ở đấy không giữ nổi. Chẳng hay tướng quân có ý gì không ?

Ích - Châu hiểm trở, đồng lầy nghìn dặm, đất ấy là kho đụn của Trời. Cao tổ đã nhân nơi ấy, lập thành được đế nghiệp.

Lưu-Chương làm chủ đất ấy là người ngu si nhu nhược. Trương-Lỗ tại Bắc, dân nhiều nước giàu mà không biết bảo tồn thương xót dân.

Kẻ có trí thức tài năng chỉ mong được đấng minh quân mà thờ.

Tướng quân vốn dòng đế thất, tín nghĩa sáng tỏ bốn bề, thâu tóm anh hùng mong gặp hiền sĩ như người khát nước.

Vả chăng bây giờ Tướng quân đặt được chân ở Châu Kinh, Châu Ích rồi đem quân giữ nơi hiểm trở, phía Tây hòa với các rợ, phía Nam vỗ về bọn Di, Việt, bên ngoài kết hiếu với Tôn Quyền, bên trong sửa sang chính trị. Thiên hạ gặp thời biến loạn thì sai một thượng tướng đemquân đi Kinh châu hướng về Uyển, Lạc, Tướng quân thì đem quân Ích Châu ra trấn Tần, Xuyên.

Trăm họ ai là chẳng đem lắng cơm hồ nước ra đón tướng quân. Như vậy, Bá nghiệp có thể th ành được. Nhà Hán có thể hưng được.

Tiên chủ nói :

— Lời Ngài dạy rất phải.

Từ ngày ấy, Tiên chủ và Gia-cát-Lượng, tình kết giao ngày càng mật thiết. Bọn Quan-Vũ và Trương - Phi đều lấy thế làm không bằng lòng.

Tiên chủ giảng giải :

— Có được Khổng-Minh như cá gặp nước. (*Cô chỉ hữu Khổng Minh do ngư chi hữu thủy dã*). Xin các ngươi đừng phàn nàn gì cả.

Từ đấy Quan-Vũ và Trương-Phi mới thôi.

(Sách Ngụy lược chép rằng : Lưu - Bị đương đóng quân ở Phàn-thành. Thời ấy Tào-công vừa định xong Hà-bắc, Lượng biết rằng thế nào rồi Tào-công cũng đánh đến Kinh-châu, mà Lưu-Biểu thì có tính chậm chạp không hiểu quân sự. Lượng bèn đi về phía Bắc vào yết kiến Lưu-Bị.

Bị đối với Lượng không phải là người quen cũ, vả Lượng bấy giờ, tuổi còn trẻ nên Bị chỉ tiếp đãi như đối với các thư sinh khác. Còn «Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa» nói về hồi Khổng-Minh gặp Lưu-Bị tuổi bao nhiêu, trước sau bất nhất. Trong bài cổ-phong nói hồi Khổng-Minh ra giúp Lưu-Bị có câu :« Tiên sinh Nhỉ thời niên tam cửu, thâu thập cầm thư ly lủng mẫu", Như vậy là Khổng-Minh đã vào tuổi bất hoặc. Vậy mà về đoạn dưới, Quan-Công, Trương - Phi nói với nhau :

«Khổng-Minh tuổi còn thơ ấu (Khổng-Minh niên ấu). Muốn biết Khổng-Minh bao tuổi thời ấy xin xem sau nầy sẽ rõ.

Mọi người ngồi vào bàn nói chuyện. Đến khi khách khứa ra về cả rồi mà Lượng vẫn còn ở lại. Lưu-Bị thấy vậy cũng không hỏi xem Lượng muốn nói gì! Cũng nên biết tính của Bị hay kết mũ, bấy giờ có người cho Bị một nắm lông đuôi trâu.

Tiện tay Bị cầm nắm lông kết mũ.

(Việc kết mũ bằng lông đuôi trâu « Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa » đặt vào hồi Khổng-Minh đã bỏ nơi thảo lưu về với Lưu-Bị lâu rồi. Hai bên tương đắc dưới một nóc nhà, đã từng nhìn thấy Tôn-Quyền đánh Hoàng tổ và Lưu-Bị đã bầy cho Lưu-Kỳ thỉnh giáo Khổng-Minh về kế vạn toàn.

Thì : «Một hôm có người đem cho một nắm lông đuôi trâu, Huyền-Đức lấy cái đuôi ấy tự tay kết mũ.

Khổng-Minh ở ngoài đi vào chính sắc nói :

— Minh Công không còn có viễn chí nữa hay sao, mà chỉ săn sóc vào việc nhỏ mọn ấy thôi ?

Huyền Đức vứt cái mũ xuống đất tạ rằng ?

— Tôi làm việc nầy, để khuây nỗi sầu đó thôi.

Khổng-Minh nói :

— Minh Công tự độ lượng với Tào-Tháo thế nào ?

Huyền Đức nói :

— Tôi không bằng được !

Khổng-Minh nói :

Quân sĩ Minh Công không quá nghìn người. Vạn nhứt Tào-Tháo đem quân đến lấy gì mà chống cự ?

Huyền-Đức nói :

— Tôi cũng buồn về việc ấy, không biết nghĩ cách nào ? Câu chuyện «mũ lông đuôi trâu nầy» đã lạc thời gian chăng?) Còn theo nguyên tắc thì...

Đây nhắc lại khi ấy, Lượng tiến lên nói :

— Xin tướng công hoài viễn chớ ? Há chỉ kết mũ như thế nầy sao ?

Nghe nói, Bị biết Lượng không phải người thường, bèn vứt mũ xuống mà nói rằng :

— Ngài nói thế là thế nào vậy ? Tôi vì muốn quên lo mà kết mũ đó thôi.

Lượng đáp :

— Tướng quân thử xét xem trong bọn Trấn-Nam, ai là người đương nổi Tào-Tháo ?

Bị nói :

— Không ai đương nổi.

Lượng :

— Tướng quân tự so với Tào Tháo thấy thế nào ?

Bị nói :

— Tôi không sao bằng được.

Lượng :

— Nay mọi thứ đều không bằng Tào Tháo mà quân sĩ Tướng quân không được trên nghìn người thì thử hỏi chỉ lấy số quân mong manh ấy mà đối địch thôi ư ? Không còn kế nào khác nữa ư ?

Bị đáp :

— Tôi cũng đang ưu sầu về điều ấy, không biết tính sao đây ?

Lượng :

— Nay đất Kinh Châu không phải thiếu người chỉ vì thiếu sổ hộ tịch đích xác. Bây giờ ta cho điều tra lập sổ sách rõ rệt thì chắc mộ được nhiều quân.

Lưu Bị liền nghe lời Lượng theo kế ấy quả nhiên quân lính vì vậy được tăng cường.

Nhờ đó, Bị biết Lượng có hùng lược, liền lấy lễ thượng khách mà tiếp đãi. Sách « Cửu Châu Xuân Thu » cũng nói như vậy.

Thần Tùng Chi căn cứ vào lời biểu tấu của Lượng (dâng lên Hậu Chủ) nói « Tiên Đế » không hiềm thân là kẻ hèn hạ quê mùa, khuất thân ba lần đến thăm thẳn ở chốn lều tranh (tư uổng khuất tam cố thần ư thảo hư chi trung)

Như vậy thì chắc rằng Lượng không đến trước cần Bị, lời ấy đã minh xác lắm.

Nhưng lấy chỗ gặp gỡ nầy mà nói rằng Lượng sau nầy muốn phản bội Bị thì thật là kỳ quái !

Lời bàn của dịch giả

Xem cuộc gặp gỡ giữa Khổng Minh và Lưu-Bị, hậu thế có nhiều quan cảm hào hứng.

Trước hết là việc xuất xứ của Khổng Minh.

Kẻ ôm mang kỳ tài ai cũng muốn đem sở đắc và sở năng của mình ra phụng sự một lý tưởng, vùng vẫy ý chí trong không gian để tiếng vang vào thời gian.

Tài năng do trời phó thác cho nhưng chí khí điều hành phải tự mình tạo lấy.

Văn chương có tài thật, nhưng kém xa Phạm Lãi, Hàn Tín đáng tài toại tướng, nhưng không thể là Cao sĩ như Trương Lương. Phạm Tăng không phải là không giỏi nhưng quả đã lầm người.

Cho nên tài cao đã là cần, chí cao còn cần hơn nữa.

Trong thời loạn như thời Hán mạnh anh hùng khởi nghĩa như ong vỡ tổ, tài trí anh hùng đều nô nức chọn đất thi thố tài năng.

Thời này cũng na ná như thời Xuân Thu Chiến Quốc.

Nhưng sau khi học thuật SƠ DIỄN ra đời, đời Tam quốc có một tinh thần rất khoáng đạt, hấp thụ tư tưởng ngoại quốc rất nhiều.

Quan niệm về «Ngai vàng» lúc suy đồi không gò bó lắm. Đất thiên hạ ai có đức thì được.

Song đứng trên quan-niệm cổ-truyền thì khuông phò nhà Hán vẫn là Chính-nghĩa. Đó là một thánh kinh bất khả xâm-phạm.

Đời Xuân Thu, Khổng-Tử còn ôm mộng TÔN CHU thì đời Tam Quốc, hưng khởi nhà Hán là cái mộng rất hợp lý của những bậc chân quốc sĩ.

Khổng Minh từ trong nhà tranh đã ôm chí phò Hán.

Nhưng nhà Hán đã xụp đổ một cách thảm hại.

Ở Trung nguyên, Tào Tháo đã làm chủ nhân ông, tổ chức guồng máy cai trị rất là phồn-thịnh và vững chắc. Và Giang-Nam đã là cơ sở thủ hiểm của Tôn Quyền.

Kẻ sĩ không theo Ngụy thì theo Ngô. Chỉ còn Kinh Châu của Lưu Biểu, Tứ Xuyên của Lưu-Chương và miền Bắc của Trương Lỗ là nơi đất còn chưa gặp chủ. Những chủ nhân hiện tại toàn là những kẻ thất phu ngu muội.

Chính ba nơi này là nơi Khổng Minh muốn đem tài trí ra dành cho người dòng Hán có tài có đức.

Người đó không ai xa lạ. Đó là Lưu Bị.

Cuộc gặp gỡ này có thể là cuộc gặp gỡ thiên cổ hi hữu.

Nó hy hữu ở chỗ hội ngộ tương đắc. Nó càng hy hữu ở chỗ người tài cao dám dơ vai ra gánh vác lấy công việc nặng nhọc nhất của lịch sử.

Cứ tài Khổng-Minh đem đặt vào Giang-Nam (Tôn-Quyền) hay Trung-Nguyên (Tào-tháo) thì lo gì chẳng được đỉnh chung với Chức sĩ đại phu vinh hiển.

Nhưng Khổng-Minh đã chịu đặt mình vào nơi nằm gai nếm mật, với người anh hùng mạt lộ, để mưu đồ hưng khởi hơn là sẵn sàng hưởng thú vinh phì.

Phải chăng nơi đồng bằng đất

phẳng không phải là nơi thỏa chí của ngựa kỳ ngựa ký, mà nó phải thấy cái hào hứng ở nơi núi thẳm rừng sâu.

«Chiến thắng không mạo hiểm, đắc thắng chẳng vẻ vang» (*à vaincre sans péril, on triomphe sans gloire*).

(*LE CID*)

Nhưng tình thế bây giờ thật không lợi gì cho Khổng-Minh cả. Tào-Tháo sau khi khắc phục được Viên-Thiệu, uy danh trấn động bốn phương, cặp mắt gian hùng đã dòm xuống Giang Nam.

Vào buổi chợ chiều, của cuộc mưu đồ tranh thiên hạ này, nếu Khổng-Minh không sớm gặp Lưu Bị, thì biết đâu Giang-đông chẳng thúc giáp ; Tây-xuyên chẳng lọt vào cương tỏa, Tào-Tháo đã nghiễm nhiên thu phục hết Trung-Quốc.

Trong bài biểu tấu lúc Hậu chủ về buổi vãn niên, Khổng-Minh có nói :« Thần vốn là kẻ áo vải đi cày ở đất Nam-Dương chỉ mong toàn tính mệnh trong thời loạn, không cần danh tiếng hiển đạt với Chư hầu». (Thần bản bố y, cung canh ư Nam-Dương, cẩu toàn tính mệnh ư loạn thế, bất cầu văn đạt ư chư hầu). Đó có lẽ chỉ là lời nói khiêm nhường, che đậy một đại chí. Chắc rằng nằm cao ở Nam-Dương Khổng-Minh và Lưu-Bị đã đặt ra hai lập thuyết.

Trong chính sử Trần. Thọ nói Lưu-Bị đã phải ba lần đến cầu Khổng-Minh tại thảo lư.

Sách Ngụy lược, trái lại nói chính Khổng-Minh đến tìm Lưu-Bị trước.

Trên hai lập thuyết này, người anh hùng đứng về bên nào cũng không sợ thương tổn đến cao danh.

Ví chăng Khổng-Minh có đến cầu Lưu-Bị, đó cũng là vì đại nghĩa, mà Lưu-Bị có phải « tam cố thảo lư » thì đó cũng là cử chỉ của người anh hùng nhún nhường thờ kẻ sĩ.

Ông Y-Doãn muốn thi hành chủ nghĩa, mấy lần khẳng khái đi cầu làm tướng quốc. Ông Mạnh-Tử cũng đến yết kiến vua. Hướng theo vết bánh xe của Khổng-Tử chu du chư hầu.

Ta phải phân biệt ở đây việc đến cầu và việc triệu đến. Người quân tử có thể đến cầu người thi hành đạo của mình, nhưng không hề bao giờ chịu cho người chiêu. Mạnh-Tử sắp sửa đi yết

kiến vua Tề. Nhưng khi ông nghe tin vua Tề cho người triệu đến tức thì ông bái ngay việc xuất hành. Có người trách ông về việc ấy, ông tuyên bố :

« *Đã có ông vua muốn làm việc lớn, phải có người bề tôi không thể triệu được* » (*tương lai đại hữu vi chi quân tất hữu sở bất triệu chi thần*).

Vậy ta có thể nói việc đến thăm, hay đến cầu giữa hai nhân vật lịch sử nầy không còn thành vấn đề nữa.

Tuy nhiên tra cứu tài liệu trong chính sử, ta có thể xác nhận rằng Lưu-Bị quả đã đến mời Khổng-Minh.

Khổng-Minh thuở ấy lo một, thì Lưu-Bị lo lắng gấp mười. Người ôm mang chí lớn dễ gặp nhau. Đến xa cách ngàn trùng cũng còn tìm tới nhau huống hồ cùng ở Nam Dương.

Trước khi gặp gỡ, hai người tài nào chẳng biết tiếng nhau.

Có người trách Khổng-Minh để cho Lưu-Bị ba lần đến cầu cũng là thái quá.

Thực ra Khổng-Minh bây giờ còn quá trẻ, chỉ độ trên hai chục tuổi. mà Lưu-Bị tuổi đã vào đứng bóng (khoảng gần 4 tuổi). Nếu Khổng-Minh không lấy cao cách thử Lưu-Bị thì biết đâu được ý chí chuyên nhất dùng hiền của Lưu-Bị.

Đã biết người hiền mà không biết chuyên dung, lỗi ở người dùng, còn lỗi ở người bị dùng nữa. Cho nên Văn Vương phải đến cầu xin Khương Tử Nha, Hán Vương phải đăng đàn bái tướng Hàn Tín, Tề Hoàn Công phải tôn Quản Trọng là Trọng Phụ.

Chúng ta phải hiểu thấu cho chí cao của người hiền giả.

Người thi sĩ muốn thi thố tài năng phải sáng suốt biết mình nên hay không nên đặt mình vào thời cuộc

Đối chiếu với lịch sử ta, chúng ta nhận thấy việc xuất xứ của Khổng Minh khác xa Nguyễn Hữu Chỉnh biết chừng nào.

Nhưng trường hợp của Khổng Minh rất giống trường hợp ông Nguyễn Kim phò Hậu Lê.

Xem lịch sử cận đại, người ta được thấy có cuộc gặp gỡ giữa bọn Nguyễn Hữu Độ, Hoàng Cao Khải, Nguyễn Thân và nước Pháp. Cuộc gặp gỡ nầy cũng là cuộc gặp gỡ thiên cổ hy hữu nhưng nó có đem lại xiêm áo cho bọn Việt gian thì nó đã đặt một quốc sĩ vào nước Việt Nam trong gần thế kỷ.

(*Còn nữa*)

Tình cảm của các giống vật

NÓI đến tình cảm thì chẳng cứ gì loài người mới có thất tình. Thực ra, toàn thể các giống động vật đều có tình cả.

Các nhà chuyên môn về động vật học, sau bao năm nghiên cứu tỉ mỉ, đã cho biết như sau :

✱ *VOI* là một giống thú sống có tổ - chức nhất. Chúng đi đâu thường đi từng đàn, do một con cái lãnh đạo. Có nhiều nhà thiện-sạ kể lại rằng khi một con bị thương gục xuống, thì những con khác chạy lại lấy vòi dìu con bị thương đến một nơi an tĩnh để cứu chữa. Trong một đàn thường bao giờ cũng có ít nhất là năm con đứng gác, nên nếu khi có con nào mệt quá quỵ xuống thì sẽ có con khác chạy lại thay chân ngay. Voi chửa 20 tháng mới đẻ và voi con phần nhiều ngoan chứ không quấy như các giống khác.

Kể trong các thú rừng, có lẽ voi là giống thông minh và «văn minh» nhất. Các giống khác chỉ láu vặt thôi.

✱ *HƯƠU* là giống đa thê, nên một đàn chỉ có vài con đực, còn đều là cái. Có một điểm trái hẳn với các giống khác là một con nai già điều khiển cả đàn chứ không phải do chính hươu. Việc canh gác cho cả đàn, các «chị» nai cũng đảm nhiệm hết. Hươu nai khi tới đâu thì thường hay rít từng hồi dài và cào chân xuống đất. Chúng chửa vào mùa thu, đẻ vào mùa xuân. Hươu nai con rất dễ nuôi.

✱ Nặng tình mẫu tử là giống *BÚ RÙ*. Con mẹ bồng con rất khéo. Nó cũng hôn

con, cũng ru con ngủ, cũng cõng con lên lưng, cũng ẵm con lên háng, đôi khi cũng cho con bú ra bữa chứ không cho bú vặt. Còn con bố thì đi kiếm đồ ăn về làm quà cho con và thỉnh thoảng cũng biết « ra oai » khi con quấy. Nếu chẳng may con mẹ chết, thì con bố sẽ ở vậy, gà trống nuôi con, suốt ngày quấn quít bên con, không rời một bước.

Tới khi nào bú rù con lớn khôn, bấy giờ bú rù bố mới chịu « bước đi bước nữa ».

NGỰA cũng quý con lắm. Nhất là ngựa, lúc nào nó cũng che chở con, khuyến khích và dạy dỗ con cẩn thận. Hình như tạo hóa đã dành riêng giống vật phiêu lưu nầy cho loài người, nên từ lúc bé, ngựa con đã được mẹ dạy chạy nước kiệu, phi nước đại và nhảy qua các chướng ngại vật. Giống ngựa mến mẹ lắm, ngựa con khi nhớn tướng rồi mà vẫn cứ còn theo đuôi mẹ.

GIỐNG VƯỢN thường một vợ một chồng chớ không thích chồn đổi vợ bạ. Giống nầy trung thành với nhau lắm, hễ có đôi là anh chị đi « xây nhà bên suối » rủ rỉ cùng nhau chứ không thích đàn điếm như giống khỉ. Chúng thương nhau vô cùng, suốt ngày ngoài thì giờ kiếm ăn và tập thể thao (đánh đu) chúng thường ôm nhau vào lòng mà bắt rận. Hễ một con bị bắt hay mất tích, con kia suốt ngày rầu rĩ, khóc lóc nhịn ăn mà khóc. Khi một con bị thương, con kia không quên tìm lá rịt vào chỗ đau, soa bóp và đi kiếm ăn cho cả hai.

Cũng như người, tình yêu của chúng nẩy nở ở đầu mày cuối mắt. Lúc đầu còn là tình bạn, sau sang tình yêu. Hễ đã gắn bó là anh chị rủ nhau đi tìm một tổ sống riêng biệt ngay.

Đây là một chuyện có thật : « Có một cô vượn mê một cậu vượn, một hôm cô ngỏ tình yêu, nhưng cậu làm thinh quay đi, vừa tủi, vừa giận, cô nhảy bổ vào móc mắt kẻ phụ tình đến gần mù ». Tình yêu như thế kém gì người ?

Trong các giống vật lành cũng như dữ, ít con « hiền-mẫu » như *MÈO*. Đẻ con ra, nó chăm chút, trông nom con như bóng với hình. Rồi nó dạy dỗ con nó tập bắt chuột, tập tự vệ, tập nghe cho thính. Tình yêu con của nó tha thiết nhiều khi đến độ thành mù quáng : có khi thương cả những con vật nhỏ khác. Thật vậy, có con mèo nuôi 3 con cầy con, con khác nuôi hai con thỏ con, lại còn có con kỳ quặc đánh cắp một con lợn con mới đẻ mang về nuôi. Hễ ai động chạm đến con đẻ hay con nuôi của nó là nó gầm ghè « gây sự » ngay.

GIỐNG CHÓ cũng ham con lắm. Có một con chó đẻ được sáu con. Hai ngày sau, con mèo cùng nhà cũng đẻ được bốn con. Rình lúc con mèo mẹ đi ăn, con chó liền tha bốn con mèo con về ổ nuôi cùng với con mình, dạy dỗ mèo con như con nó thật.

Chó còn là giống rất có nghĩa. Dù có bị chủ đánh đập đến chết nó vẫn trung thành. Bẩm sinh giống chó đã biết bơi nên phần nhiều chúng thích nghịch nước. Trái với giống vịt có nhiều con lại không thích nước. Đôi khi người ta thấy vịt với chó con làm bạn với nhau. Rồi hai con rủ nhau xuống nước. Chó bơi, vịt cưỡi lên trên, thành thơi ngắm trời ngắm đất. Gần như cùng loài với chó, cáo và sói cũng thương con lắm. Nhưng chúng ít cho con bú, vì nhiều khi đói không có sữa. Chúng thường kiếm mồi, nhai bét ra rồi mớm cho con.

Từ xưa tới nay, *GIỐNG THỎ* vẫn được tiếng là tốt nái. Nó đẻ liên miên, mỗi năm bốn lứa, có lứa đến 10 con và chỉ chửa có một tháng. Nhưng thỏ là giống bạc tình nên con toàn lai. Giống thỏ không có vợ chồng, nếu khi người ta nuôi hàng đàn, nên một con thỏ giống có thể đẻ hàng trăm con. Khi con cái đẻ, con đực không hề thăm hỏi, săn sóc con như các giống khác. Nó để mặc con cái một mình kỳ cọm nuôi con. Cũng như giống chuột, thỏ con lúc đẻ chưa có lông, và mắt nhắm nghiền, vài tuần sau mới mở.

RẮN là một giống thông minh, nhanh trí khôn, lâu cá và nhớ giai. Chính vì tính nầy mà rắn nhớ mặt những người đánh nó để có dịp trả thù. Giống rắn dậy thì từ lúc lột xác, và hai vợ chồng rắn thường quấn lấy nhau ngủ suốt mùa đông. Giống rắn có cái oai đặc biệt đối với ếch nhái. Nên mỗi khi ếch nhái đã gặp rắn

thì chỉ đành có chịu chết chứ không thể nào thoát được.

Khi ta đi trên bờ ruộng, nghe tiếng kêu chiếp chiếp như chim ở vệ cỏ, thì đúng là có con nhái hoặc ếch bị rắn ngoạm rồi. Nó không nuốt ngay, nó ngậm chi tới khi nào nhái nhiễm độc chết hẳn rồi mới nuốt. Rắn cũng hay bắt cá, nhiều khi nó nuốt những con cá to gấp ba bốn lần nó. Đôi khi rắn ăn thịt lẫn nhau, nhưng thường là rắn độc hay ăn thịt rắn nước. Nhiều khi rắn độc nuốt một con rắn nước to, không hết, đuôi con rắn nước còn thò ra khỏi miệng nó đến 6, 7 phân. Lúc bấy giờ người nó đờ cả ra không cử động được nữa, một lúc sau, mình rắn nước đã mềm vì sức nóng, rắn độc mới ra bụi cây vặn cho nát hẳn. Các cụ ta thường tin rằng đánh được rắn nuốt nhau, đem chặt hai đầu rồi phơi khô rắt vào mình thì phát tài, đi đánh bạc bao giờ cũng được. Không hiểu có đúng không.

Rắn con lúc mới nở chỉ quấn lấy mẹ, ít lâu rồi tự đi kiếm ăn ngay, vì chúng hiểu biết rất sớm.

✶ *GIỐNG CÁ* rất hay ghen. Những con đực thường đánh nhau kịch liệt để dành «nội tướng». Cá cũng còn là giống đa thê nữa. Nếu ta muốn nuôi cá vàng, ta sẽ thấy tối hôm trước những con đực còn lành lẽ cả, thế mà sáng sau đã sứt vẩy, mẻ

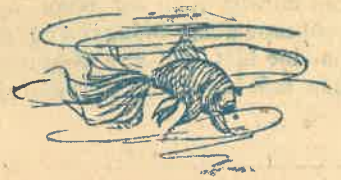

đề chiếm lấy «người đẹp» vậy.

✶ *GẤU* cũngnhư rắn, ngủ li bì suốt mùa đông, nhịn 6 tháng liền không ăn. Nó đẻ con vào cuối mùa đông, vừa đẻ vừa ngủ. Thường gấu chỉ đẻ một đến ba con là nhiều. Vì nó nhịn ăn nên con nó lúc mới sinh bé lắm. Nhưng đến mùa xuân, con nó bụ bẩm ngay. Chừng giữa mùa xuân, gấu mẹ bắt đầu dạy con trèo cây và đi săn mồi. Ở các vùng băng tuyết, chúng dạy con lội nước, cào tuyết bắt cá. Gấu cái khi đẻ con khó tính lắm. Nếu con đực dọa dẫm con sẽ bị gấu mẹ «gây sự» ngay. Gấu bố thường không bao giờ nghĩ đến gia đình. Nó bỏ mặc vợ con làm sao thì làm. Giống gấu không ham mẹ, được độ một năm sau khi ra chào đời, nó sẽ bỏ mẹ mà đi kiếm ăn riêng. Có khi mẹ con gặp nhau, chúng cũng lờ nhau đi.

Chẳng nói ai cũng rõ ở Phi-Châu *SƯ TỬ* làchúa sơn lâm. Bên ta thì có hổ. Sư tử cái tuy cũng có lấy chung một chồng nhưng các «cô» ấy khó «tán» lắm. Các cô ấy bằng lòng cậu nào thì không nói gì chứ khi không ưng ý là các cô ấy sẽ cự tuyệt bằng cách nhe nanh, dương vuốt ngay, nếu cần phải dùng tới võ lực các cô ấy cũng không từ.

Sư tử cái khi được vuốt ve mơn trớn không say sưa mê muội như phần đông đàn bà con gái loài người mà trái lại rất tỉnh táo.

Sư tử ghen thì dữ tợn lắm. Chúng có thể cắn nhau đến chết. Hổ báo cũng hay ghen, nhưng còn thua sư tử. Có lẽ vì thế mà các cụ ta mới có câu « Sư tử cái » chăng ?

Đây là một chuyện sư tử ghen có thật : « Một chuồng nọ có nhốt ba con sư tử : hai đực, một cái. Sau một trận giao phong ác liệt, một con đực bị thương và bị loại ra khỏi « chiến trường tình ái », Nhưng khổ nỗi chính con bị loại ấy lại được « mắt xanh », ngó tới nên khi con sư tử đực đắc thắng chạy lại hoan hỉ với «nàng» thì lập tức bị nàng cự tuyệt. Một trận «chiến tranh oan trái» nữa sắp diễn ra thì người coi phải can thiệp bằng cách xua một con sang chuồng bên cạnh. Vài ngày sau, thấy hai con liếm láp nhau qua kẽ chấn song có vẻ «đồng tình» lắm, người ta liền mở cửa cho chúng «thông thương» như cũ. Nào ngờ cửa vừa mở, sư tử đực liền nhảy bổ vào sư tử cái mà cắn xé đến chết.

Sư tử con khi mới đẻ ra đã được mẹ nó dạy tính can trường. Nào nhe răng, dương vuốt, tập vồn mồi, tranh mồi. Để huấn luyện cho con «tinh nhuệ», sư tử mẹ thường tha một con vật chết về để cho đàn con đua nhau vồ cho khéo. Tới khi thành thạo, sư tử mẹ bắt đầu dẫn con đi săn mồi. Con bố lười biếng nằm một chỗ, mặc vợ con đi kiếm miếng cho mình. Sư tử bố chỉ xuất trận khi nào phải dùng đến võ lực phi thường.

Sư tử con thích nhay đuôi mẹ, thiếu trò ấy chúng buồn lắm. Nhiều khi chúng nhay đau con mẹ cũng phải nghiến răng chịu, hay cùng lắm thì chỉ gầm gừ cho chúng nhay nhẹ thôi.

Điều đặc biệt trong giống sư tử là từ bé cho tới lớn, thế nào sư tử con cũng phải cắn nhau với sư tử bố một trận kịch liệt.

✶ *GIỐNG CHIM* hay ghen và hay tủi. Nhưng tình yêucủa chúng thì lại rất dịu dàng (trừ giống gà). Những đêm mùa đông, chim câu ru nhau ngủ bằng những tiếng gù gù dài. Những chiều hè chim khuyên riu rít trên cành cao trao lời âu yếm. Đó là hạnh phúc triền miên của giống chim vậy. Chim cũng chung tình và quý con lắm. Mất con, chúng kêu gào thảm thiết, và con mẹ sẽ gầy rạc đi rồi chết nếu không tìm lại thấy con. Nếu là thứ chim lớn như quạ, diều hâu, đà điểu v.v. Chúng sẽ bảo vệ con chúng đến cùng khi bị xâm phạm. Khi chim vui hay buồn ta dễ nhận thấy ngay. Chim thường xây tổ ấm để ấp trứng và nuôi con.

Loài chim xứng đáng tiêu biểu cho sự tự do, hạnh phúc.

13.- VŨ BẰNG

✱ NGUYỄN-VỸ

ANH chàng mập tròn quay ấy, nước da hơi ngâm đen, đôi mắt hi hí thật ranh-mãnh, nụ cười mỉa mai và trào lộng nở trên đôi môi thâm-xì, là người tinh nghịch nhất của làng Văn Bắc-Hà thời tiền chiến.

Tôi không hiểu tại sao Vũ-Bằng viết thật nhiều mà lại được ít người nhắc đến ? Anh viết chuyện ngắn, chuyện dài, văn trào phúng, đã xuất bản ba bốn quyển sách, làm chủ bút «*Tiểu thuyết thứ bảy*», thư ký tòa soạn «*Trung Bắc chủ nhật*», tổng thơ ký tờ *Truyền Bá*, chủ nhiệm tờ *Việt-Đực*, tác giả những phóng sự rất vui, như «*Hội Lim*», những truyện ngắn rất hấp dẫn, những quyển hồi ký vô cùng lý thú như «*Tôi cai thuốc phiện*» v.v. : Anh có lối văn tả chân đặc biệt và trào phúng chuyên môn, có khi rất nhẹ nhàng khả ái như Alphonse Daudet, có khi sắc bén thâm độc như Bernard Shaw, có khi cầu kỳ lý thú như Courteline,

Tôi không nói Vũ Bằng là một nhà đại văn sĩ, nhưng chắc chắn anh là một nhà Văn Việt Nam độc đáo trên lĩnh việc tả chân trào phúng, trước kia và bây giờ

Con trai của một nhà xuất bản ở phố Hàng Gai, (nhà sách *Quảng Thịnh*), chuyên môn ấn hành những quyển chuyện cũ, về *Tú Xuất*, *Ba Giai*, *Tấm Cám* v.v.), Vũ Bằng có học ở Lycée Albert Sarraut, trường Trung học Pháp lớn nhất ở Hà nội vào thời ấy, và đã xuất bản đầu tiên một tập văn trào phúng nhan đề là « *Lọ văn* » lúc anh chưa được 18 tuổi.

Hơn hai mươi tuổi, Vũ Bằng nghiền thuốc phiện. Ở Hà nội rét, anh ta mặc một lúc hai chiếc áo «ba đờ xuy» dày mo, tay cầm can, khệ-nệ như ông cụ, đi đến tiệm thuốc phiện nằm hút sáng đêm. Đi hát cô-đào, anh ở luôn nhà cô-đào, ăn cơm, nghỉ, viết, có khi liền một tháng không về nhà. Chơi thân với VŨ-TRỌNG-PHỤNG, NGUYỄN-TRIỆU-LUẬT, NGÔ-TẤT-TỐ, NGUYỄN-DOÃN-VƯỢNG, anh vẫn là người bạn « khó chịu » nhất, vì ưa châm-biếm và chọc ghẹo các bạn, đến đỗi Ngô tất-Tố đã phải bảo: «Vũ-Bằng là đồ vô lại », và tuyệt-giao với anh một thời-gian khá lâu.

Một hôm, NGUYỄN-TUÂN hỏi tôi :

— Sao *toa* chơi với Vũ-Bằng được ?

Tôi cười đáp :

— Tôi thì chơi với ai cũng được cả.

Tôi không ngạc-nhiên nhiều vì câu hỏi của Nguyễn-Tuân, bởi Nguyễn-Tuân tuy cũng là một cây bút trào-lộng, không kém gì Vũ-Bằng, nhưng Nguyễn - Tuân châm-biếm theo lối nhà Nho, kín đáo hơn, và có vẻ hiền-lành hơn, (Nguyễn-Tuân chịu ảnh-hưởng Nho-học rất nhiều), còn Vũ - Bằng thì châm biếm theo lối Tây, khúc-khuỷu và tàn-nhẫn. LƯU-TRỌNG-LƯ cũng không ưa Vũ-Bằng, nhưng VŨ - TRỌNG - PHỤNG lại thích người bạn mà anh thường gọi là « con quỷ » ấy.

LAN-KHAI cũng gọi Vũ-Bằng là đồ «tiều yêu». Hễ Vũ-Bằng xen vào đâu, là cãi nhau ở đó. Tính bướng bỉnh, hay châm-chọc, anh ta ít khi biểu đồng tình

với ai về một việc gì, và không bao giờ nhượng bộ dù là đuối lý. Sự thực như tôi đã chứng kiến nhiều cuộc đấu lý của Vũ-Bằng với mấy bạn khác trong làng văn, ít khi Vũ-Bằng đuối lý lắm. Vì anh ta có cái lý mạnh nhất, là cái lý trào lộng của anh. Tôi đã nói : Vũ-Bằng là một nhà văn châm-biếm (un écrivain satirique) gần như độc đáo từ hồi tiền chiến đến nay.

Có lần, Vũ-Bằng rủ tôi đi coi bói ở Ô Chợ Dừa. Lúc bấy giờ tại đây có một ông thầy bói danh tếng lừng lẫy, trước nhà ông có dựng một bia đá, cho nên người ta thường gọi là *ông thầy Bia-Đá*.

Vũ-Bằng đang hết sức lo lắng về một cuộc tình duyên ngang trái giữa anh với một thiếu phụ nào đó ... Tôi biết rõ chuyện ấy. Cho nên khi Vũ Bằng rủ tôi đi xem bói, tôi nhận lời ngay. Cũng một dịp để coi ông Thầy Bia-đá có quả thật xứng đáng với uy-danh lừng lẫy của ông không ?

Ông thầy ngự trên sàn gác cao, như một Tiên-ông, giữa trầm-hương, hoa lá. Hai đứa tôi bò lên một cầu thang chật hẹp mới đến ông. Sau khi gieo quẻ và lầm-mầm một hồi, ông bảo Vũ Bằng:

— Cậu đang vướng một mối tình ngang trái... Gia đình không bằng lòng, nhưng rồi hai người cũng sẽ lén lút ăn ở với nhau ... Vũ-Bằng cố cãi lại nhưng ông Thầy Bia Đá quả quyết :

— Tôi bảo thế đấy. Cậu không tin quẻ Thánh dạy, thì thôi, mặc cậu !

Nói về tôi, thì ông Thầy Bia-đá bảo :

— Nội trong năm nay cậu sẽ bị bắt, bị giam, nhưng không hề gì.

Phần tôi, tôi không biết đâu mà tin vì chuyện chưa xảy ra, nhưng tôi rất khâm phục ông Thầy Bói mù lòa, đã thấy rõ nỗi thắc mắc trong lòng một Văn sĩ. Cuộc tình duyên của Vũ-Bằng về sau hình như cũng xảy ra đúng y như lời Thầy Bia Đá. Còn phần tôi thì quả nhiên gần cuối năm ấy tôi bị bắt, và bị đày đi Trà Khê.

Ở nhà Thầy Bói ra, Vũ Bằng bảo tôi :

— Ông Thầy nói hay quá, tớ phục sát đất.

Chỉ có một lần đó, là tôi nghe Vũ Bằng « phục sát đất » một người, và anh chàng không dám cãi bướng lại.

Hồi mới quen nhau, một buổi tối Vũ Bằng rủ tôi với nụ cười bí mật của anh :

— Tớ dắt cậu đi đến một nơi thần tiên mơ mộng lắm, cậu sẽ say mê tha-hồ làm thơ... Cậu ở đấy với tớ đến sáng nhé !

Tôi thực thà đi theo anh, đến một đường phố chật hẹp mà tôi quên tên, bên cạnh Chợ Hàng Da, hình như phố Bourret hay Bourrin gì đó. Anh đưa tôi lên lầu, một căn lầu dài và rộng thênh thang, tối mù tối mịt, chỉ leo lắt mấy ngọn đèn dầu lạc, và năm ba bóng người. Té ra đây là tiệm thuốc phiện, nơi « đi mây về gió » của anh chàng họ Vũ. Mặc dầu anh cố giữ, tôi cũng nhất - định ra về, vì tôi chịu không được mùi thuốc phiện. Tôi bảo Vũ - Bằng . « *Toa* lại hỏng mất rồi !». Nhưng năm sau tôi rất ngạc-nhiên thấy Vũ-Bằng bỏ hẳn thuốc phiện, và người béo tốt hẳn ra. Từ 36 kí, anh cân nặng lên gần 60 kí. Nhiều bạn cho rằng quyển hồi-ký : « Tôi cai thuốc phiện » của Vũ-Bằng là bịa-đặt, nhưng tôi có thể tin rằng câu chuyện « cai » của Vũ-Bằng chín phần mười là sự thật hoàn toàn. Quyển sách ấy viết có nhiệt hứng, khiến người đọc « say mê », và được các báo ở Hà-nội nói đến nhiều nhất.

Vũ-Bằng chơi những cái rất lầm-cầm đối với tuổi trẻ : Chơi đồ cổ, chơi núi non bộ, chơi cây thế (arbres nains), ưa thân với chó, mèo, và rùa !

Có một lần anh ta nuôi một con mèo con từ lúc nó mới mở mắt. Đến khi con mèo lớn lên, nó có mang rồi đẻ khó. Con mèo kêu la thảm-thiết và cố rặn mãi nhưng đứa con không ra. Vũ - Bằng chạy cuống lên, mời một ông Bác-sĩ Việt đến cứu con mèo. Bác-sĩ bảo :

— Tôi khuyên ông về bắt con mèo làm thịt, là xong chuyện.

Vũ-Bằng tức mình, đi mời một cô đỡ đến đỡ đẻ cho mèo.

Tôi có kể lại cho Mộng - Sơn nghe câu chuyện con mèo của Vũ-Bằng. Mộng-Sơn cảm động có viết một chuyện ngắn rất hay về đề-tài ấy, tôi không nhớ là có đăng trong báo *Việt-Nữ* hay báo nào...

Vũ Bằng thích viết văn khôi-hài, nhưng về «miếng ăn» anh ta không khôi hài chút nào cả. Anh thích ăn ngon, và rất háu ăn. Vừa rồi, tại Sàigon đây, anh có xuất bản quyển «*Miếng ngon Hà Nội*», được nhiều báo khen ngợi Có thể nói rằng cuốn sách ấy là kết quả của mấy chục năm ăn của Vũ-Bằng !

Tiện đây, tôi muốn hỏi Vũ-Bằng : Cả một đời văn nghệ của anh, có lẽ nào sẽ kết cục bằng một quyển sách về «miếng ăn» thôi ư?

SỰ TRUYỀN ÂM-THANH

✦ Kỹ-Sư LƯU-VĂN-A

Sự truyền âm thanh không phải là một vấn-đề mới mẻ. Người cổ thời đã bận tâm nhiều về việc nầy, nhưng vì thiếu sự sáng kiến, không óc khoa học, nên đã xử - dụng những phương tiện cổ lỗ trong hàng bao nhiêu thế kỷ.

Người xưa đã nhận thấy rằng âm thanh truyền trong không khí không đi được xa. Muốn đưa âm thanh đến một khoảng khá dài tất phải phát ra tiếng thật to. Ý nghĩ muốn tạo cho âm thanh, một áp lực mạnh, đã khiến con người đưa đôi bàn tay lên miệng, gom lại thành ống loa rồi phát ra tiếng, mục đích để cho không khí chấn động mạnh hơn và âm thanh truyền đi được xa hơn. Với phương tiện nầy, người La-Mã thời xưa đã truyền tin từ miệng người lính nầy qua tai người lính kia ở cách nhau bằng một tầm đi của âm thanh. Một tin tức xảy ra vào buổi mai ở một tỉnh thành nọ đã truyền đến một tỉnh thành khác vào buổi chiều, và hai nơi cách nhau hơn hai trăm cây số ngàn.

Về sau, việc viễn thông lại được cải tiến thêm bằng những phương tiện khác như : đốt lửa, xông khói. Ngọn lửa cao hay thấp, màu khói đen hay trắng, tùy theo sự giao kết trước, sẽ có một ý nghĩa riêng biệt. Người Hy-Lạp dùng đèn hiệu để ra dấu, người Trung-Hoa đã đặt đèn rọi trên Vạn Lý Trường Thành để báo động.

Còn về việc truyền âm thanh, nhân loại phải chờ gần chối thế kỷ thứ 17 mới thấy có sự cải tiến. Vào thời ấy một tu sĩ Pháp, tường trình lên Hàn Lâm Viện xứ nầy một phương cách truyền âm thanh đi xa. Đó là sự dùng một ống dẫn nước để cho hai người ở cách xa hàng ngàn thước có thể nói chuyện với nhau. Thật là một phương tiện vừa mau chóng giản dị, vừa trực tiếp, dễ dàng, ở thời kỳ cách đây ba thế kỷ. Kế tiếp theo là những cuộc phát minh về điện và sóng điện. Từ đó, sự truyền âm thanh sẽ tiến đi những bước thật dài.

Ngày nay sự truyền thanh đi xa thường dùng hai dụng cụ chánh hoặc đường dây đồng như trong ngành điện thoại, hoặc làn sóng điện như trong Vô Tuyến Truyền Thanh và Vô Tuyến Viễn thông. Lịch sử về sự truyền thanh bằng điện bắt đầu vào độ giữa thế kỷ thứ 19. Trước thời kỳ nầy, các nhà điện học đã biết truyền dòng điện đi xa. Căn cứ vào kinh nghiệm trên, ông Bell đã chế ra máy vi âm, thứ máy mà chúng ta thường thấy đặt trước ca sĩ ở các rạp hát, hay trước diễn giả trong những buổi họp đông người.

Máy vi âm đơn giản thường chia ra một miếng màn rung, đặt trước một thanh sắt nam châm, trên có vấn một cuộn dây đồng.

Xin nhắc lại, sắt nam châm tức là thứ sắt có tánh chất làm xoay được kim của la bàn và hút được những mãnh sắt vụn. Khi ta phát âm thanh ở trước màng rung sự chấn động của màng nầy sẽ tạo ra một dòng điện trong cuộn dây và dòng điện nầy có đặc tính là thay đổi sức mạnh đúng với nhịp của âm thanh mà ta đã phát. Đó là nguyên tắc hiện nay vẫn áp dụng để chế ra một bộ phận của máy điện thoại, mà ta thường đặt ở gần miệng khi đàm thoại bằng giây nói. Bộ phận dùng nghe cũng giống như bộ phận dùng nói dòng điện sẽ nhập vào cuộn giây và kéo đẩy cái màng rung đúng theo nhịp của âm thanh. Bộ phận nầy gọi là ống nghe, vật mà ta thường đặt gần tai khi xử dụng điện thoại.

Về cách thực hiện kỹ-thuật, tuy có nhiều chi tiết phức-tạp,

nhưng tựu trung chỉ dùng những bộ phận giản-dị đã mô tả trên. Đó là sự truyền âm thanh bằng giây hay điện tuyến, những đường giây mà chúng ta thường thấy dăng ở hai bên lề đường từ Saigòn đi Mỹ-tho hay Sàigòn đi Vũng tàu dùng để liên lạc điện-thoại.

Có một cách truyền âm-thanh thứ hai mà không dùng đến điện tuyến, đó là Vô Tuyến điện. Muốn nhận biết rõ ràng cách thức vận chuyển nầy, chúng tôi cần nhắc lại hai danh từ chánh rất thường dùng là Sóug điện cao-tần và sóng điện hạ-tần.

Sóng điện cao tần tức là sóng điện có số chấn động rất lớn, chừng cả chục ngàn chu kỳ trở lên. Sóng điện nầy có tính chất truyền đi thật xa, nhưng thính-quan của chúng ta không thể nghe được. Sóng điện hạ tần cũng gọi là sóng điện thính tần là thứ sóng điện có tính chất không truyền đi thật xa trong không gian, nhưng thính quan có thể cảm nhận được. Nhờ có máy vi âm, ta sẽ thu nhận tiếng nhạc, lời nói, giọng ca để đổi thanh ra sóng điện hạ tần.

Nói tóm, ta nghe được sóng hạ tần, nhưng sóng nầy không truyền đi xa. Sóng điện cao tần truyền đi xa, nhưng tai ta không nghe được. Căn cứ vào các tính-chất đó, các chuyên-viên mới dùng sóng cao tần để mang sóng hạ tần tức âm-thanh để đưa đến tận nhà chúng ta được.

Vậy mỗi đài phát thanh muốn truyền lời nói và âm - nhạc đi xa đều phải dùng đến một làn sóng cao-tần. Nhưng vì tánh-chất của mỗi loại sóng - điện cao-tần đều khác nhau : có thứ truyền đi xa, có thứ truyền đi gần, nên ta thường thấy các đài phát-thanh dùng đến hai, ba loại sóng-điện cao-tần. Như Đài Phát - Thanh Sài-gòn, có làn sóng trung-bình 275 thước, nhưng cũng có lần sóng ngắn 30 thước 76. Đồng thời, vì thấy cần phát thanh nhiều chương - trình khác nhau trong một lúc, nên các Sở Vô Tuyến Truyền - Thanh lại dùng nhiều làn sóng trung - bình hay nhiều làn sóng ngắn. Thí dụ, trong các làn sóng trung - bình của Đài Sài - gòn, ta thấy ngoài làn sóng 275 thước để phát thanh chương trình Việt-ngữ, còn có làn sóng trung - bình 358 thước cho chương trình Anh - ngữ, Quân-đội và làn sóng 220 thước

cho chương trình Pháp, Hoa và Miên ngữ.

Trở lại vấn đề sóng-điện cao-tần, chúng tôi đã nói sóng - điện nầy chỉ dùng để chở sóng - điện hạ-tần mà thôi. Vì thế các chuyên viên cũng gọi sóng-điện cao - tần là sóng-mang. Để dễ nhận rõ vai trò của sóng-mang, ta có thể so-sánh một cách thô-sơ, sóng - điện cao-tần như một chiếc xe đò và sóng-điện hạ-tần như một hành khách. Nhưng có một điều dị-biệt là xe đò chỉ đưa hành khách đến một nơi nhứt định, còn sóng điện cao-tần thì mang âm-thanh truyền đi trong một lúc, khắp cả mọi hướng.

Hình - ảnh ngây ngô trên chỉ giúp ta hiểu thế nào là sóng-điện cao-tần và thế nào là sóng-điện hạ-tần tức âm-thanh với cặp mắt chuyên-môn, các kỹ-thuật gia khi đem « âm-thanh hành-khách » để đặt lên « sóng điện cao-tần—xe-đò » thì họ gọi đó là BIẾN - ĐIỆU. Vậy muốn nghe sóng-điện mà ta nhận được thì sóng-điện đó phải biến-điệu. Nhưng làm thế nào để biến-điệu ?

Trong việc tổ-chức một đài phát thanh, chúng ta thường nhận thấy có hai cơ sở riêng biệt : một trung tâm cao-tần và một trung-tâm hạ-tần. Thí-dụ như Đài Phát-Thanh Sàigòn có trung tâm hạ-tần ở đường Phan-đình-Phùng và trung-tâm cao-tần ở vùng Phú-Thọ.

Trung-tâm hạ-tần có nhiệm-vụ tạo ra những sóng-điện hạ-tần tức âm-thanh. Nếu có dịp đến viếng cơ sở nầy, chúng ta sẽ thấy rất nhiều phòng vi-âm. Đây là những phòng to rộng chừng 50 thước khối đến cả ngàn thước khối. Phòng nhỏ dùng để phát tin tức và phòng to dùng để phát âm-nhạc. Điểm đặc - biệt của các phòng nầy là vách, trần và sàn đều được cách-âm với dụng-cụ như : gạch hấp-âm, ván ép soi lỗ hay những thớ bằng gương. Các chất nầy có tính hấp-thụ âm thanh và không ánh tiếng dội. Đồng thời, muốn giữ phòng thật kín để tiếng ồn ở bên ngoài không lọt vào, vách tường thường làm bằng hai lớp gạch, cửa đóng với hai ngăn và được dồn gòn, chêm góc thật sát mí.

Trong phòng vi-âm, việc trang bị rất là giản dị. Chỉ dùng một hay hai máy vi-âm Trên tường có treo một chiếc đồng hồ và các đèn màu báo hiệu. Chính tại phòng nầy, các xướng-ngôn-viên sẽ đọc tin tức và các văn nghệ

sĩ sẽ biểu diễn ca, nhạc, kịch. Mỗi phòng vi-âm lại có một cửa kính trông thẳng qua một phòng máy để cho diễn viên và chuyên-viên cùng thấy dấu hiệu của đôi bên. Chuyên-viên cũng gọi là hòa âm viên là người có phận sự điều hòa sức mạnh của âm thanh phát ra từ phòng vi âm. Một bàn máy với nhiều nút vặn sẽ dùng để tăng mạnh hay giảm nhẹ lời nói và tiếng nhạc. Nhờ máy vi âm, các tiếng nầy được đổi ra thành sóng điện hạ tần. Sóng điện nầy rất yếu, cần được phóng to bằng một thứ máy gọi là máy khuếch đại.

Sóng điện hạ tần đã phóng to không đem truyền thẳng mà gởi theo đường giây ngầm hay bằng một phương tiện khác để đưa đến trung-tâm cao tần.

Như ta đã biết, sóng điện không sẵn có trong thiên nhiên để xử dụng ngay, nên ta cần phải có phương tiện để chế tạo : đó là máy phát thanh. Vậy, trung-tâm cao tần là một cơ sở để chế ra sóng điện cao tần dùng vào việc mang đi thật xa sóng điện hạ tần tức âm thanh. Cơ sở nầy lại chia ra hai nơi riêng biệt : các nhà cửa để che đựng các thứ máy móc và một sân rộng để đặt trụ cao dăng giây trời.

Kích thước của máy phát-thanh thường thường rất to nếu đem so sánh với chiếc máy thu-thanh mà ta thường đặt trong một góc phòng. Ngày trước, một máy phát thanh mạnh từ 20 đến 50 ki-lô-uát, dùng đèn cao đến 5 tấc tức 50 phân mét, có thể choán một bề mặt từ 20 đến 40 thước vuông. Nhờ khoa học ngày nay tiến triển, các dụng cụ đã được thu gọn lại và toàn cả một bộ máy chỉ choán độ phân nửa diện-tích khi xưa. Trong máy phát thanh sẽ có những bộ phận chánh như đèn phát sóng điện, đèn phóng to và đèn biến điệu, tức là dùng sóng điện hạ tần, để đặt lên sóng điện cao tần. Sau khi sóng cao tần được biến điệu được phóng to thêm, liền đưa đến giây trời.

Giây trời là dụng cụ cuối cùng trong một hệ thống phát thanh, dùng để truyền sóng điện đi tỏa khắp trong không gian. Giây trời làm bằng những trụ sắt có thể cao đến cả trăm thước thường được đặt ở một nơi rộng rãi, ít cây-cối và xa thành phố. Sự dăng giây trời cao hay thấp, dùng một hay nhiều trụ là tùy theo kỹ-thuật phát thanh. Dùng một trụ giây trời để truyền sóng điện đi tất cả mọi hướng, dùng hai trụ để nhắm truyền mạnh sóng điện đi về Nam-Bắc, hay Đông-Tây hay hai phương vị nhứt định. Sau cùng có cách dăng dùng bốn trụ để nhắm về một hướng chọn lựa mà ta định đem sóng điện đi thật mạnh về hướng đó.

Từ giây trời sóng điện cao tần có biến điệu sẽ truyền đi khắp không gian để đến nhà bạn, nhà tôi và nhà của tất cả mọi người. Trong một bài tới, chúng ta sẽ có dịp để biết nguyên tắc thu sóng điện và làm cách nào để thu đúng làn sóng ta đã chọn.

NGỮ VỰNG

VIỆT	PHÁP	ANH
Sự truyền âm thanh	Transmission du son	Sound transuission
Viễn thông	Télécommunication	Telecommunication
Vô tuyến truyền thanh	Radiodiffusion	Radio broadcast
Máy vi âm	Microphone	Microphone
Màng-rung	Diaphragme	Diaphragm
Sắt nam châm	Aimant	Magnet
Cuộn giây	Bobine	Coil
Chấn động	Vibration	Vibration
Điện tuyến	Ligne téléphonique	Telephone line
Sóng-điện cao-tần	Haute fréquence	Radio frequency
Sóng điện hạ-tần	Basse fréquence	Audio frequency
Làn sóng trung bình	Ondes moyennes	Medium wave
Làn sóng ngắn	Ondes courtes	Short wave
Sóng mang	Porteuse	Carrier
Biến điệu	Modulation	Modulation
Trung tâm cao tần	Centre de Haute Fréquence	Transmitting station
Trung tâm hạ tần	Centre de Basse Fréquence	Studio

Phòng vi âm	Studio	Studio
Cách âm	Insonorisation	Sound insulation
Gạch hấp âm	Tuile acoustique	Acoustic tile
Ván ép	Contre plaqué	Playwood
Thớ bằng gương	Laine de verre	Fiber glass
Ánh tiếng dội	Réverbération	Reverberation
Xướng ngôn viên	Speaker (theo tiếng Anh)	Announcer
Hòa âm viên	Opérateur de studio	Studio operator
Máy khuếch đại	Amplificateur	Amplifier
Máy phát thanh	Emetteur	Transmitter
Giây trời	Antenne	Antenna

★ AI SINH THÚY-KIỀU ?

Em (hỏi chị).— Đố chị ai sinh ra cô Kiều ?

Chị.— Vương bà chớ ai.

Em.— Trật rồi.

Chị.— Thế thì ai ?

Em.— Con hổ.

Chị.— Láo !

Em.— Đây nầy, chị đọc truyện Kiều xem: « Hổ sinh ra phận thơ đào ». *Vậy chẳng phải con hổ sinh ra cô Kiều là gì !*

T. L. L,

★ MẤT 10 XU.

Thấy đứa bé đứng bên lề đường vừa khóc tức tưởi vừa nhìn xuống rảnh nước như tìm kiếm một vật gì.

Một người đi đường thương hại vội đến hỏi

— Tại sao cháu khóc ?

— Cháu làm rớt 10 xu dưới nước nầy nè !

— Thôi, nín đi, chú cho 10 xu khác đây.

Năm phút sau người ấy lại đi qua con đường cũ vẫn thấy con bé còn đứng nhìn dưới nước mà khóc.

Ông nọ ngạc nhiên lại hỏi.

Đứa bé vừa khóc vừa đáp :

— Nếu cháu không đánh rơi 10 xu kia thì bây giờ, cháu có tới 20 xu lận ! »

Ngày Sinh Nhựt

PHAN tùng MAI

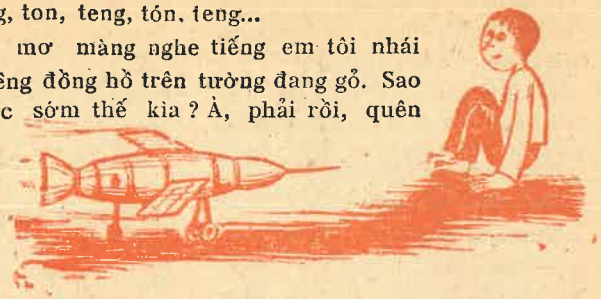

TENG, tèng, ton, teng, tón, teng...

Tôi đang mơ màng nghe tiếng em tôi nhái nho nhỏ theo kiểng đồng hồ trên tường đang gỏ. Sao hôm nay nó thức sớm thế kia ? À, phải rồi, quên chứ. hôm nay là ngày sinh nhật của nó mà. Thảo nào, không thì dễ gì nó thức vào giờ nầy, dù là ngày thường phải đi học, huống chi là ngày chúa nhựt như hôm nay.

Tôi tò mò hi hí mắt nhìn xem nó đang làm gì. Ánh sáng yếu ớt của buổi sáng sớm len lỏi qua khe cửa mờ mờ soi gương mặt nó, cho tôi thấy trên ấy một nét vui lớn dần lên theo nhịp sức sáng. Mắt nó mở to nhìn vào vệt ánh sáng ở khe cửa. Có lẽ nó mong nắng mau lên để ngày (sinh nhựt của nó) chóng bắt đầu. Tôi muốn nói với em tôi rằng dù sao mặt trời cũng sẽ lên với cái lối chầm chậm và tự đắc từ ngàn xưa của nó. Nhưng rõ ràng là em tôi muốn cướp thời gian. Đấy, nó lăn qua, lăn lại mãi, chắc là có ý làm cho tôi thức dậy, rồi cả nhà sẽ thức dậy, thế là một ngày mới (đánh dấu bằng sự hoạt động của cả nhà) ngày sinh nhựt của nó bắt đầu. Biết thế, tôi tinh nghịch cứ vờ như say ngủ, nằm im lìm. Thấy « kế hoạch bất thành » nó liền nghĩ ngay cách khác. Nhẹ nhẹ tụt xuống giường xong nó ra phòng tắm đánh răng để gây tiếng động, một tiếng động rất « hợp pháp », có thể gọi cả nhà dậy mà không bị quở mắng.

Từ nhà tắm, tiếng bàn chải cọ e-dê trên hàm răng nho nhỏ của nó rụt rè lan ra khắp nhà, Nhưng, vô ích quá, mọi người vẫn thở đều đều, tuy thế nó

không dám gây tiếng động to hơn. Thấy tình cảnh nó cũng tội nghiệp, tôi vội giúp nó :

— Chuột, chuột !

Quả nhiên sự giúp đỡ của tôi có hiệu lực ngay. Tôi vừa la xong thì mẹ tôi trở mình hỏi :

— Cái gì thế Hai ?

Tôi mỉm cười :

— Thưa mẹ, chẳng biết chuột nó cắn cái gì nghe xạt xạt, hình như ở dưới nhà tắm đó.

Tôi vừa nói xong mẹ tôi lật đật tung màn ra đi xuống nhà tắm. Xấp hàng mới mua của bà đang ngâm dưới ấy mà.

Một lúc sau tôi nghe tiếng mẹ tôi hỏi :

— Thu mầy làm gì đó ?

Tiếng em tôi sợ sệt :

— Dạ... con đánh răng...

Thế là xong. Cả nhà thức dậy. Ngày mới của em tôi bắt đầu rồi đấy.

Mọi người có vẻ phiền vì hôm nay là ngày chúa nhựt mà phải dậy sớm quá. Họ cằn nhằn nhiều đến nỗi tôi phải nhắc to lên rằng hôm nay là ngày sinh nhựt của thằng Thu, Ba má tôi xem có vẻ hơi hối hận vì đã quên như thế. Rồi để cho có vẻ hăng hái hơn, ba tôi cười nói lớn:

— À, may quá nhỉ, sinh nhật nó lại trùng ngày chúa nhật, ba sẽ rảnh mà làm cho nó vui hơn.

Má tôi cũng tỏ vẻ yêu con không kém, bà hối tôi lấy giấy viết để biên mấy món cần dặn chị bếp đi chợ. Hôm nay cả nhà sẽ mừng thằng Thu bằng một bữa tiệc bánh xèo.

Thằng Thu có vẻ sung sướng lắm, nó ngồi nhìn tôi viết từng món lên giấy, mắt nó long lanh như đang nhìn mấy chiếc bánh vàng tươi nằm trong dĩa rau xanh.

Nhưng ba tôi lại cho chuyện ăn uống là xoàng quá, chẳng có gì là trọng đại để tỏ dấu yêu con Theo ông thì phải mua cho nó một món đồ chơi đáng giá để nó... kỷ niệm.

Thế rồi ba má tôi lại bỏ ra nửa tiếng đồng hồ để nghe lẫn nhau giảng giải về cách yêu trẻ và cách xử dụng ngân quỹ gia đình thế nào để cho một gia đình, có mười con như gia đình tôi, khỏi thiếu hụt. Má tôi vì vừa phải đọc các món cần mua cho tôi chép, vừa cãi với ba tôi nên rốt cuộc phải thua. Nhưng má tôi không đầu hàng vô điều kiện đâu nhé. Bà chỉ đồng ý là vì ba tôi sẽ để bà (thủ quỹ của gia đình) chọn món đồ chơi đó.

Lúc chúng tôi đang sửa soạn để đi, ba tôi lại đưa thêm ra một ý kiến tai hại :

— Phải để thằng Thu ở nhà, ta nên dành cho nó một ngạc nhiên khi nhận được món quà !

Má tôi gật gù nói nhỏ :

— Và đừng cho nó buồn vì thấy có nhiều món đồ chơi khác đẹp hơn, lạ hơn. Hôm nay là sinh nhật của nó, đừng để nó buồn.

Rồi cả nhà kéo nhau đi, riêng thằng Thu phải ở nhà một mình để chờ lãnh cái ngạc nhiên

mà ba tôi muốn cho nó.

★

Đồ chơi cho trẻ em ở chợ bao giờ cũng nhiều! Ồ, thật là đủ cả các phát minh tối tân nhất. Nào dĩa bay, hỏa tiễn liên-lục-địa, phi cơ phản lực, tàu ngầm nguyên tử v.v... đủ cả.

Đứng nhìn đồ đạc nhiều quá, đến có thể rối mắt lên được, má tôi hỏi tôi :

— Thằng Hai thấy nên mua cái gì cho nó ?

Tôi thấy nếu tôi chọn là vô lý, vì không phải tôi cho mà cũng không phải tôi sẽ được món đó nên tôi ngần ngại trả lời :

— Thưa... con không có ý kiến vì... không phải con cho !

Ba tôi có vẻ tức giận :

— Nhưng ít ra với hai chục tuổi đầu mầy cũng có ý kiến rằng nên cho một đứa bé mười tuổi (như thằng Thu) một món quà gì vào ngày sinh nhật của nó chứ ?

Tôi nhìn đồ đạc một lúc xong thưa :

— Nếu con mua thì con sẽ chọn chiếc tàu chạy bằng đèn sáp. Cái đó lâu hư mà thằng Thu lại có vẻ thích nhất.

Thấy món ấy có vẻ rẻ tiền, má tôi hơi hài lòng. Nhưng Thúy, đứa em gái kế tôi, có phận sự trông nom về vệ sinh cho một lũ em tám đứa, vội dẫy nẩy lên :

— Không được đâu. Thằng Thu hay nghịch nước lắm rồi, bây giờ mua cho nó chiếc tàu để nó có cố nghịch nước nhiều hơn à ?

Má tôi đề nghị :

— Hay là mua cho nó chiếc xe tăng phun lửa vậy.

Nhưng ba tôi phản đối ngay :

— Không được, thứ đó tôi lắm, mau hư lắm. Tôi nghĩ nên mua cho nó chiếc dĩa bay chạy bằng « pile » có vô tuyến điều khiển, cái đó mở ra ráp vào được, như thế sẽ tập cho nó khéo tay. Vả lại thứ đó chơi lâu chán lắm.

Ba tôi bao giờ cũng là người hùng biện nhất trong gia đình và bất cứ cuộc tranh luận nào ông cũng nhất định dành phần thắng, nên cuối cùng ý kiến của ba tôi được toàn thể chấp nhận.

Tôi thấy hơi kỳ, không ai nghĩ đến ý thích của thằng Thu, mọi người chỉ nghĩ đến tiện cho mình mà thôi. Tuy thế tôi cũng thở ra nhẹ nhõm người, vì mừng thấy vấn đề được giải quyết một cách nhanh chóng khác thường.

Xong, chưa hết đâu ! Còn phải mua nữa. Mà mua đối với má tôi là để nghị trả một phần ba giá người bán nói, là phê bình lề lối buôn bán của người ta và là...đi khắp cả chợ hỏi giá để nghe người bán hàng «gởi gấm» :

— Nếu bà thấy không có chỗ nào bán dưới giá nầy thì bà làm ơn lại mua hộ tôi nhé !

Chả biết má tôi có nhớ câu ấy không, nhưng sau khi đi hai vòng chợ má tôi trở lại mua của người ấy.

Mười một giờ hơn rồi, theo má tôi thì còn sớm chán, nhưng chúng tôi cũng về vì...chẳng còn ai đủ sức đi nữa.

★

— Bánh xèo sao trắng toát thế nầy ?

Má tôi hét to lên, có vẻ giận dữ. Chị bếp rụt rè thưa rằng tại má tôi không có biên món «càri» để bỏ vào bột nên chị không mua.

— Không được, không ai được quên một chi tiết nhỏ nhặt nào để làm cho ngày sinh nhật của thằng Thu kém tưng bừng, má tôi muốn bảo thế. Nhưng chị bếp đã quên là tại má tôi đã quên, nên má tôi đành nín lặng.

Thật tôi không tìm được một cảm giác ngon lành nào trong chiếc bánh xèo trắng toát như thế bao giờ. Riêng thằng Thu thì có vẻ ngon miệng lắm. Điều đó dễ hiểu quá, nó đang vui vì sắp được một món đồ chơi lạ kia mà. Rồi các niềm vui của nó lại tan đi khi bưng hộp đồ chơi ra và được biết còn phải ráp vào mới chơi được. Như thế người có thẩm quyền nhất về máy móc trong nhà là ba tôi (ba tôi là cơ-khí-viên kia mà) bắt đầu ngay công tác ráp máy.

Em tôi không ngủ trưa được nữa, nó ngồi đợi ba tôi hoàn thành chiếc dĩa bay. Nhưng...có lẽ vì ba tôi chỉ là sĩ-quan cơ-khí của phi cơ mà thôi nên ông lui-cui mãi cả buổi mà vẫn chưa xong công việc.

Một giờ.... Hai giờ.... Ba giờ....

Khi ba tôi ráp xong chiếc dĩa bay thì thằng Thu đã ngủ thiếp đi rồi. Nghe tiếng «tắc tắc» của chiếc hộp điều khiển và tiếng «rè rè» của chiếc dĩa bay chạy trên gạch nó giựt mình dậy.

Tôi tiếc ngay cho giấc mộng đẹp (không biết có không) của nó trong giấc ngủ đó. Thấy ba tôi vẫn say sưa theo trò chơi, quỳ gối trên gạch điều khiển cho chiếc dĩa bay chạy tới, chạy lui, quẹo bên phải, bên trái, tôi vội nói dối gạt nó :

— Có lẽ ba còn thử lại, chưa xong đâu. Trong khi chờ đợi em đi xem «xi nê» với anh như mọi chúa nhật khác nhé.

Tôi biết câu tôi nói sẽ làm nó thất vọng một ít, nhưng thà như thế hơn là để nó đòi món đồ chơi ba tôi đang thích. Ngày sinh nhật của nó không để nó buồn hay bất cứ ai (như ba tôi chẳng hạn) buồn.

Nhưng làm sao tránh khỏi vì ngày ấy không có vẻ gì quan trọng như thằng Thu dự tưởng cả. Nó vẫn buồn đến khi vào rạp nhìn lên màn ảnh : người ta đang chiếu một cuốn phim nói về ngày sinh nhật của một đứa bé của một gia đình 10 con, trong đó nhân vật đóng vai anh nó đang kể :

— « Teng, tèng, ton, teng, tón teng...»

Tôi đang mơ màng nghe tiếng em tôi nhái nho nhỏ theo kiểng đồng hồ trên tường đang gỏ....

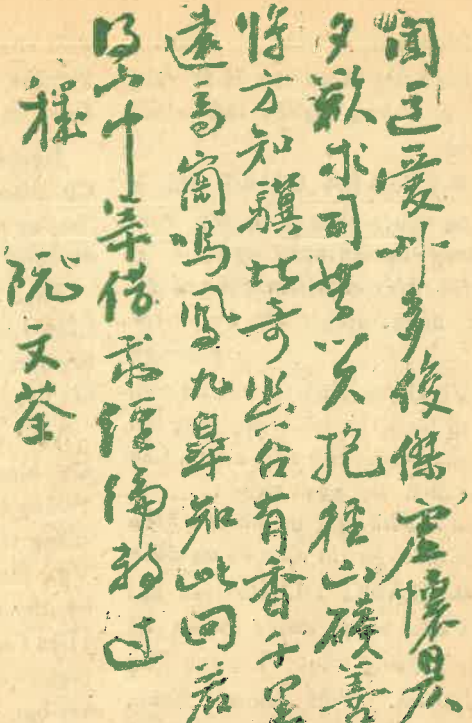

Rơi đầu vì một BÀI THƠ !

✦ LƯƠNG-TRỌNG-MINH

✦ Năm 1908, nhân - dân Quảng-Nam nổi lên xin thuế. Chớp nhoáng trong mấy tháng, vết dầu loang lan rộng khắp Trung kỳ. Dịp may đã đến cho tham-quan ô lại của triều đình Huế dương thời. Chúng bèn đổ tội cho cụ PHAN CHU TRINH là người cầm đầu xúi giục. Thực-dân phong kiến bèn kết án cụ : «Xử tử phát Côn Lôn, ngộ xá bất nguyên».

Khi lính dẫn cụ Phan ra cửa thành Huế, cụ xuất khẩu thành thi :

«Luy luy thiết tỏa xuất đô môn
Khẳng khái bi ca thiệt thượng tồn.
Quốc thổ trầm luân dân tộc trụy
Nam nhi hà sự phạ Côn Lôn»

Cụ HUỲNH - THÚC-KHÁNG dịch :

«Xiềng xích lang thang ra cửa Đông
Ngâm-nga ngợi hát lưỡi còn không ?
Giống nòi mòn mỏi non sông đắm
Ai dễ Côn Lôn ngã tấm lòng»

Phan chu Trinh coi thường cảnh tù đày vì cụ cho đó là công lệ của những người làm cách-mạng.

✶ CAO BÁ QUÁT khi ở trong ngục, chân xích, tay cùm nhưng ông vẫn ngạo mạn :

«Một chiếc cùm lim chân có đế
Ba vòng xích sắt bước thì Vương»

Và khi ra pháp trường để chịu án tử hình, ba hồi trống vang lên tử thần đang chờ trước cửa, Cao Bá Quát vẫn ngạo nghễ :

«Ba hồi trống giục mồ cha kiếp
Một nhát gươm đưa bỏ mẹ đời»

✶ ĐẶNG DUNG sau khi nửa đêm nhảy xuống thuyền để giết Trương Phụ. Trương Phụ tẩu thoát. Việc không thành, chí lớn chưa toại. Sau, Đặng-Dung tử tiết, niềm trung liệt ái-quốc đã cô đọng trong bài thơ «Thuật hoài» mà trong ấy có vài câu xuất sắc :

«Thời lai đồ điếu thành công dị
Vận khứ anh hùng ẩm hận đa»

Cụ Trần trọng Kim dịch :

«Bần tiện gặp thời lên cũng dễ
Anh hùng lỡ bước ngẫm càng cay»

✶ NGUYỄN - VĂN THUYÊN là con trai của đệ nhất công thần Trung quân Nguyễn văn Thành, khi vua Gia Long đang trị vì.

Nguyễn - văn - Thuyên thi đỗ Cử-nhân khi còn trẻ tuổi lắm, thường hay làm thơ và thích giao-du cùng thi-sĩ bốn phương.

Thuở ấy, ở Thanh-Hóa (Ái-Châu) có Nguyễn văn Khuê và Nguyễn đức Nhuận, 2 người đã nổi tiếng là hay chữ.

Vì « đồng thanh tương ứng » nên Nguyễn văn Thuyên mới « đồng khí tương cầu » với hai chàng tao - nhân mặc - khách ấy. Văn Thuyên hứng bắt tử làm một bài thơ sai tên Nguyễn - trương-Hiệu (người nhà Nguyễn - hữu-Nghi) đem đi để mượn nhịp cầu kết-bạn giao-duyên.

Bài thơ như sau đây :

Văn-đạo Ái-Châu đa tuấn kiệt
Hư-hoài trắc tịch giục cầu tỳ
Vô tâm cửu bảo Kinh - sơn, Phát
Thiện tướng phương tri Ký-Bắc kỳ
U cốc hữu-hương thiên-lý viễn
Cao cương minh - phượng cửu cao trì
Thử hồi nhược đắc sơn-trung-tể
Tá ngã kinh - luân chuyển hóa kỳ. »

Cụ Trần-trọng-Kim dịch :

Ái-châu nghe nói lắm người hay
Ao-ước cầu hiền đã bấy nay
Ngọc-phát, Kinh - sơn tài sẵn đó
Ngựa kỳ Ký-Bắc biết đâu thay
Mùi hương hang tối xa nghìn dặm
Tiếng phượng gò cao suốt chín mây
Sơn-tể phen này dầu gặp-gỡ
Giúp nhau xoay đổi hội-cơ này

Bài thơ thật là tuyệt tác.

Nhưng chỉ có hai câu kết quan-trọng, có ý-nghĩa súc-tích đá động đến thời thế.

Phải chăng tác-giả dụng ý hay là cảm hứng rạt-rào của Thi - Nhân đã nhường chỗ cho « khẩu-khí - suông » của một cậu ấm thiếu-niên ngông cuồng.

Không dè Nguyễn-Trương-Hiệu không đưa bài thơ này cho Nguyễn-văn-Khuê và Nguyễn-đức-Nhuận, mà lại đưa cho Nguyễn-hữu-Nghi xem. Hữu-Nghi xúi Hiệu đi cáo với Lê-văn-Duyệt.

(Đây, tôi xin để dấu - ngoặc, nói về ba chữ : « SƠN-TRUNG-TỂ » trong hai câu kết của bài thơ trên : Trong văn - học sử Trung-Hoa, đời Lương-Vũ-Đế (502 — 549) có ông Đào-hoàng-Cảnh, học-thức uyên-bác nhưng không tham-chính, chỉ muốn ẩn-dật.

Mỗi lần, Vua muốn hỏi tiên sanh về quốc-kế dân-sinh, thì sai sứ-giả vào núi để tìm, chẳng khác nào ông Tể-tướng ở Sơn-trung, cho nên người đương thời tặng Đào-hoàng-Cảnh một danh hiệu là SƠN - TRUNG - TỂ - TƯỚNG).

Theo sự tích Sơn-Trung-Tể, thì 2 câu thơ của Nguyễn văn - Thuyên thật tà khinh-thế ngạo-vật và cũng là lợi-khí tuyên - truyền một cuộc âm-mưu khởi loạn, xoay lại tình-thế nước nhà.

Nguyễn-văn-Thành (thân sinh của Nguyễn-văn-Thuyên) và Lê-văn-Duyệt lại đã có mối hiềm khích với nhau từ lâu.

Lê-văn-Duyệt xuất thân trong đám hoạn-quan-Còn Nguyễn-văn-Thành thì con nhà quí tộc, xuất thân trong đám sĩ-phu. Khi vua Gia-Long lên ngôi hoàng đế, đều phong chức lớn cho 2 ông nhưng ông Thành vì ỏc giai-cấp quí-tộc quá nặng cho nên khinh-rẽ ông Duyệt. Duyệt hậm hực, căm-tức vô cùng nhưng chưa có dịp trả thù. Duyệt bèn nắm lấy bài thơ

của Nguyễn văn Thuyên là con trai Nguyễn văn Thành mà tâu với vua. Sau đó, Nguyễn - văn - Thuyên bị bắt bỏ ngục.

Nguyễn-văn-Thành đành ngậm ngùi rơi lệ...!

«Non nước, nước non ngao-ngán nỗi
Cỏ hoa, hoa cỏ ngẩn ngơ chiều»

Thật là ngao ngán! con bị bỏ ngục, cha cũng bị huyền chức luôn.

Ít lâu sau, vì «tức tối chẳng được minh oan», Nguyễn - văn - Thành uống thuốc độc tự tử, còn Nguyễn văn Thuyên thì cũng bị xử chém!

Ô hô!! Rơi đầu ... vì một bài thơ!!

★

★ Viết đến đây! tôi liên-tưởng đến bài thơ "Phê-đơn" của Bà HUYỆN THANH QUAN:

Phán cho cô Nguyễn thị Đào
Sông sâu nước chảy, cắm sào chờ ai ...?

Chữ rằng: «Xuân bất tái lai»
Lấy chồng thì lấy, lấy trai thì đừng».

Vì sự hiểu lầm của cô Nguyễn thị Đào (hai mươi mấy cái xuân-xanh) cho nên ông huyện Thanh Quan phải bị cách chức về vườn.

Phải chăng cô Đào đã hiểu lầm mỹ ý của bà huyện Thanh Quan muốn cho mình tái giá vì chồng đi biệt xứ:

«Dốc bồ thương kẻ ăn đong
Vắng chồng thương kẻ nằm không một mình»?

Than ôi! vì một bài thơ, mà chồng một Nữ sĩ làm quan bị cách chức, cũng vì một bài thơ mà một Thi sĩ trẻ tuổi bị rơi đầu! Tác phong của một bài thơ thật ghê gớm vậy thay! Thỉnh thoảng chúng ta nên ôn lại những bài học lịch sử vô ngần quí giá ấy. Phải không, các Bạn?

★ **LÝ LUẬN SAY**

— Mắt ông trông kém là tại ông hay uống nhiều rượu đấy!

— Ông nói sai bét, những khi tôi uống rượu, mắt tôi nhìn vật gì cũng thành hai kia!

T.L.L.

★ THÁI-THÚC-DIỄN

(Tiếp theo PT số 21)

Đ Ó đó, cơ hội đưa đến cho tôi một Ông Đạo-diễn «quái kiệt». Ông xòe bàn bàn tay cứng rắn ra bổ-xua tôi, miệng cười ngoại giao để lộ vài chiếc răng vàng. Tôi nhìn thẳng vào đôi mắt một mí của ông. Ông tỏ ra thao thao bất tuyệt:

— Bồ mà! anh chưa biết tôi chắc! hà... hà... Quận Nhì ai còn lạ mặt tui!

— Biết! biết lắm! nghe danh Ngài từ lâu sông chưa được cái hân hạnh tiếp xúc...

Tôi còn nhớ mãi chiếc đầu bàn chãi, nét mặt phong sương tỏ ra người có thiện chí, đầy nghị lực, nước da màu bánh ít, dày-dạn nắng mưa.

— Tui biết quay phim từ lâu, cái dạo mà Việt Nam chưa có ai quay cả. Tui ưa nghề nầy lắm, tôi đã hy sinh nửa đời người cho nghệ thuật thứ bảy.

— Anh quay được mấy cuốn?

— Kể ra không hết! nhưng négatif còn cất kỹ chưa phải lúc đưa ra?

— Bây giờ tôi có một sáng kiến! Ông Đạo diễn đưa tôi một tập giấy và ghé mồm rỉ vào tai tôi...

— Hàm! được, tốt...

— Tôi phải đảm nhận cái «thiên chức» ấy, anh cũng biết tui chớ! Tất cả bọn họ là trong tay tôi! Mà mình phải làm một cái gì phọt-mi-đáp cho người ta biết chớ! Anh coi hồi đó, tôi hy sinh cho đến nỗi phải đi làm thợ chiếu bóng cho một hãng Tây ở Sè-goòn. Mất ba năm ...

— Ba năm! làm ô-pê-ra-tơ?

— Hy-sinh mà! Phim dễ ợt

anh ơi : ráp nối, tôi tháo số dách «cú ruột» mà ! Dạo đó phim xấu hay đứt quãng, mà phim câm nữa ! dễ ợt hè !

— Hùm, đúng !

— Rồi tôi nghiên cứu về «xoông», mất thêm ba bốn năm chi nữa đó phải chi đừng có trận giặc thứ hai nầy thì ...

— Anh nghiên cứu bằng cách nào ?

— Trời sách vở thiếu gì, mà tui vô tiếng thì số dách. Anh coi mấy dĩa hát hiệu ... XX, nghe trong veo, anh chịu chưa ?

— Chịu ! nhưng nghe nói là kỹ sư Đức vô mà !

— Đúng, nhưng mình làm công à ... cộng tác với nó... Trời! tui nói thiệt người mình khôn lắm, khôn trở trời mà lên lận ! Thì ... cái ấy anh cũng thông-cảm cho chớ ?... hi ..hi...

— Hùm !

— À, bữa nào anh rảnh mời anh lại studio tôi coi cho biết, tôi có một cái studio vô tiếng còn «ấm» hơn cả của đài Pháp Á nữa! Mà lại có một bộ máy vô, à ... hách-sì... ma-gné-to... hách-sì gì đó của Đức vô song ! Nè... còn tài tử anh khỏi lo... tuyển là thần kỳ đồng nữ quái cả, tui nắm đuôi tụi y như ... lấy tơ vậy !..

— Quí hóa quá ! Tôi chưa từng thấy ai như anh.

— Júit (Juste), chuyện nào chớ chuyện nầy hốt đa anh ! Hốt 100/100.

— Bao giờ bắt đầu ? Coi ngày chưa ?

— Ngay tức thời !

— Ý !

— Nói vậy chớ để tính coi sao ...

Ông Đạo diễn thật là một đạo-diễn «quái kiệt». Hôm sau, ông cho chở đến phim trường một lố phong cảnh vẽ trên vải ... Kể ra nét bút cũng thần tình, nhưng nếu các tấm phông nầy để cho một gánh hát cải lương nào xài thì rất đúng điệu ... Nhưng xi nê thì ...

— Ê bồ ! thuê mất 30 ghim đó. Tôi chạy đổ mồ hôi mới kiếm ra đó ! Để co sống vẫn hơn nhưng tiền tàn mà Bồ !

Chúng tôi bắt đầu quay mà chỉ quay về khuya, vì phải lấy tiếng trực tiếp, đợi lúc tiếng xe hơi và các thứ tiếng động khác dịu dần...

Tài tử cũng lần lần thu hồi vào lúc 1, 2 giờ đêm làm việc cho đến sáng bạch mới ngưng.

Ban đầu tụi tôi chưa rõ năng lực của ông Đạo-diễn, tụi tôi nghe ông chỉ huy và sắp đặt công việc phát ớn luôn. Nên về sau thường phát biểu một vài ý kiến mục đích xây dựng. Được cái là trước mặt các tài tử, Ông Đạo-diễn có quyền «quái kiệt» nhưng nếu lui về vị trí thân mật. Ông cũng chịu khó học hỏi với tụi tôi.

Đạo diễn chưa bao giờ ở trong nghề, tài tử mới chập chững vào làng, tuy thiện chí vẫn sẵn nhưng tự ái quá cao lắm khi chúng tôi phát ớn chán. Tôi nhắc lại ông không phải đề chỉ trích, nhưng để nhớ lại một giai đoạn làm phim hi hữu nhất.

Mãi về sau ông Đạo diễn quái kiệt bỏ nhỏ vào lỗ tai tụi tôi :

— Ê Bồ ! qua mới học xi-nê nghe hông ? Có chi bồ nhắc dùm ngheo ?

Ban đầu, ông quát tháo oai hùng, trong khi tài tử tập dượt, tụi tôi nhận định với con mắt «thợ». Ông chỉ là một nhà dàn cảnh cải lương không hơn không kèm. Kế nhích qua xi-nê cũng được đó, song lướt chậm chút xíu nữa thì hay. Hoặc nếu ông biết tự mình đặt mình vào đúng chỗ như «phụ đạo diễn» hay là «chạy ngoài» thì ông sẽ trở nên đắc lực.

Tài tử có người khó tánh vô cùng. Nhứt là một vài nữ viên được báo chí tâng bốc lại càng làm già.

Tội nghiệp ông Đạo của tôi, ông quát tháo, ông năn nỉ, rút cục ông khóc muỗi... Mà khi ông khóc thì tụi tôi thấy tội nghiệp vô cùng.

Một hôm, quay một cảnh bị bỏ dở từ hôm trước vì thiếu điều kiện, lúc đó đã 2 giờ sáng rồi. Ông Đạo và chúng tôi ngồi chờ nữ tài tử đến mòn con mắt. Tất cả các vai khác đều có mặt trang điểm xong xuôi. Chỉ còn nữ-kỳ... cục là chưa tới ! Ông Đạo vọt ra xe hơi, đi hút tìm, rồi trở về với xe không...

Ông ngồi vò đầu, mặt đỏ ngầu thiếu đường khóc, thì có tiếng xe đỗ. Nữ quái kiệt đã đến ! Ông mừng quá xoa tay chạy ra :

— Cô Ava ơi ! cô làm anh em họ đợi từ 10 giờ đến giờ !

Ava nũng nịu : Em đau đầu thì làm sao đã nào ?

— Thôi mời Ava vô đi cho trang điểm cho rồi !

Ava bước vô ngồi lại bàn điểm trang bỗng nhăn mặt ! Ông Đạo lơ lãng : «Lại gì nữa đó !

— Ava đói quá ! Ước gì có một vài chiếc xăng-uých cho Ava thì cám ơn lắm !

— Xăng-Uých ! ba giờ sáng rồi ai mà bán ! A được,.. để tôi đi.

Lát lâu ông Đạo trở về, khệ nệ ôm một gói tướng, đến đặt trước mặt Ava. Ava thò cái ngón tay có móng dài và nhọn như vuốt beo, thoa một thứ vẹt-ni tìm bầm khêu lớp giấy nhựt-trình thì bỗng tất cả nghe một tiếng rú của Ava Việt-Nam :

— Chèn đét ơi ! gì vậy ?

— Bánh mì thịt ! chê hả ?

Cả đoàn đều cười ! Ông Đạo cũng cười nhưng cười duyên rồi nhỏ nhẹ xoắn xít :

— Nè Ava, giờ nầy đâu có xăng-uých, tôi phải chạy lên tột Tân-Định kiếm mua cho được

thử bánh mì thịt nầy...

— Không phải Ava chê bánh mì thịt đâu ! Ava quên cái quần sa-teng mặc bữa hồm. Ava bữa nay mặc quần đen mà hôm trước mặc quần trắng, Ava sợ có bề gì hông ?

— Trời ơi, bộ cô muốn giết tôi sao chớ ?

— Làm sao bây giờ ?... A, hay ông Đạo về nhà lấy dùm Ava đi, Ava móc ở trong tủ kiếng, ông Đạo cứ về nói Thím em đưa cho... Đi cho rồi, còn chần chờ gì nữa ?... Ava bị trang điểm lỡ rồi, nếu đi khi trở về lại phải trang điểm nữa...

Ông Đạo lắc đầu nét mặt chán nản vô cùng, quay lại hỏi tụi tôi một câu rất ngớ ngẩn :

— Ô hê ! có Bồ nào có quần sa-teng cho Ava mượn đỡ không hè !

Cả đám cười. Có tiếng nói :

— Có quần nhưng cho mượn rồi ... mặc xí lip sao ! Thôi chịu khó đi lấy cho Cô cho rồi đi cha !

Ông Đạo vọt ra xe. Ava chờ ông ta đi khỏi, cười và nói với tụi tôi :

— Ava muốn phá chả chơi cho bỏ ghét ! Ai đời đến mời Ava đi đóng mà đấm cửa ầm ầm như kêu nhà cháy vậy !

Ông Đạo trở về, hất hơ hất hải, tay xách chiếc quần sa-teng trắng đưa cho Ava. Ava cầm lấy, nhìn kỹ một chút rồi nói :

— Ông Đạo cầm sao nhầu hết rồi vậy nè ! Cho em mượn cái bàn ủi đi.

Ông Đạo nhìn chiếc quần như nhìn một cái xác chết của một người thân cật, mất dài ra... Bỗng ông vụt đứng dậy, đi lấy một chiếc mền và một chiếc bàn ủi... Cắm cẩn thận dầu dây vào lỗ chuyền ...

Ava ủi kỹ lưỡng chiếc quần sa teng. Bỗng chiên, Ava tắc-lưỡi hỏi ông Đạo :

— Cái lai quần bị bùn dính đen thui để vậy có được không ông Đạo ?

Ông Đạo vội vàng dằng lấy chiếc quần, chạy ra ngoài.

Tụi tôi tưởng ông đem nó đi ném vào thùng rác và tuyên bố «treo giò» cái buổi quay nặng-nhọc ấy ...

Ông lại trở vào với chiếc quần.. Dấu nước lấm lem hoen-ố !

Thì ông đã đi giặt cái lai bị bùn làm dơ.

— Ủi lại đi Ava, sạch rồi !

— Ava cám ơn ông Đạo vô số kể !

Tụi tui khúc khích cười. Có kẻ nói :

— Với ông Đạo quái kiệt nầy phải có tay kỳ nữ tài tử nầy trị mới nổi ! Nhưng không hiểu kiếp trước ông có nợ nần chi với Ava mà bây giờ phải đi giặt quần dùm ! Thiệt là !...

— Ông Đạo ăn ở như vậy mà tài tử chớ gì mà không mến ông chớ ?

Có một lần ông Đạo quở tài tử quá mạng trong một màn khá cụp lạc. Màn ấy trình bày một ông chủ «xanh-xít đít đui» đang tiếp xúc một cô gái mơn mởn đào tơ, (vay chính) đến vay tiền về nuôi mẹ già ... Ông «xanh xít» tỏ ra, rất (ngoại giao) nên bị cô ta cho ông vay một tát tai ... Ông Đạo la quá nên tài tử đóng vai ông «xanh xít» nổi dóa, vì tự ái bị tổn thương thì ít; nhưng có lẽ là vị (anh ta nói nhỏ với tụi tui sau nầy) cứ đến pha cụp lạc «động chạm» quá trớn là anh ta bị ông Đạo «chỉnh» ngay. Ông Đạo làm cho anh ta cụt hứng không ít, từ đỏ mặt, anh ta trở nên xám xịt... rốt cuộc anh ta dóa lên cự nự :

—Thì ông đóng trước cho tụi tui bắt chước đi coi nào, la hoài hè !

Tự ai bị tổn thương, ông Đạo muốn tỏ cái «quái kiệt» của mình, sa sầm nét mặt nói :

— Được, anh em coi tôi đóng đây nè !

Ông ngồi vào bàn và tụi tôi chăm chú theo dõi từng cử-chỉ của ông. Ông vừa đóng vừa chỉ : «Vậy nè... rồi vậy nè... rồi vậy nè...» Chúng tôi cảm thấy ông ngượng ngượng nghịu nghịu cười chết đi được, nhưng chứ vậy nè, vậy nè là để che đậy sự ngập ngừng...và để kịp suy nghĩ đến các động tác sau...

Cha «xanh-xít» giở máy điện thoại vậy nè.. Ava ngồi phía nầy vậy nè. Cha cười tình vậy nè.. rồi bước qua phía bên nầy nè, kéo ghế ngồi đối diện với Ava vậy nè.. Cha giả vờ với tay lấy cập hồ sơ để chạm nhẹ vào tay Ava... Anh nhớ chưa ? Rồi à rồi.. cha nói như vậy nè..» Chà sao cô trông như một bức tượng Vénus vậy ..» Cha vừa nói vừa xít lại gần Ava vậy nè. Trong khi đó Ava nép lần vào bàn, trước sự «tấn công» của Đạo diễn biểu diễn. Hiểu chưa, nhớ chưa ?... Cha xanh xít nói : Bàn tay của cô em đẹp quá xá. Tui biết coi chỉ tay... để tôi xem thử nào... coi năm nay cô... (Ông Đạo vừa nói vừa nắm tay Ava).

Tất cả những động tác của ông Đạo cố nhiên là miễn cưỡng, ngượng nghịu, không «thực» một chút nào, ông chưa phải là diễn viên được... nhưng một tiếng «Bốp» vang dậy chát chúa ! Tụi tôi chưa biết chuyện chi... nhìn kỹ thấy ông Đạo bật ngửa, đứng ngây người... tay trái xoa vào má.. nhìn chòng chọc vào Ava.. cặp mắt kiếng (không kiếng) tụt xuống cởi trên đầu mũi..

Chính lúc ấy điệu bộ của Đạo diễn mới y như một anh chàng bị bạt tai thật, từ động tác nhỏ cho đến nét mặt đều được diễn tả một cách «sống» đặc biệt. Anh

«kép» hoan hô, vỗ tay bồm bộp. Tụi tôi cũng vỗ tay khoái chí :

— Ông Đạo đóng tài tình quá, quái kiệt là phải !

Riêng Ava cười như nắc nẻ và ông Đạo đáng lẽ xoa tay đồng cười như chúng tôi, thì mặt ông vân dài ra. nhìn Ava như muốn ăn thịt. Tụi tôi cũng ngạc nhiên ngưng tiếng cười thì nghe vang lại :

— Ava ! sao đánh mạnh quá như vậy !

— Có vậy mới hay, mới đúng chớ !

— Đúng cái cóc khô họ, hay cái cóc khô họ...

Ông Đạo «quái kiệt» xoa xoa cái má vừa đi vừa càu nhàu :

— Anh T. vào dượt lại xem nào !

Anh T. vô nói với Ava :

— Nè, kỳ tài tử, chờ khi nào quay thật hãy đánh mạnh nghen !

Khéo không rụng bộ râu cá chốt, dán lại mất công lắm...

Cả hai tài tử cùng cười, nheo mắt nhìn nhau.

(Còn nữa)

★ BÀ CHỈ NÉM CÁI ÁO LẠNH

Hai vợ chồng người nọ mới dọn lại đấu ở. Ông chồng rất hiền lành, bà vợ lại quá to-tướng hung-dữ. Một buổi sáng ông láng giềng chuyện trò với anh nọ:

— Đêm qua bên nhà anh có chuyện gì thế ? Tôi đang ngủ phải giật mình thức giấc vì những tiếng rầm rầm, rồi la hét, chửi rủa om-sòm. Rồi tôi còn nghe một tiếng «bịch» như có vật nặng rơi.

— Chả có gì cả, anh à ! Tánh vợ tôi gắt gỏng như thế đấy! Rồi để cho bà giận nó lại lấy áo choàng lạnh của tôi mà ném ra cửa sổ...

— Thật à ? Chỉ có một cái áo rơi mà lại nghe một tiếng « bịch » như thế sao ...?

Người nọ ấp-úng :

— Thật mà... ! Chính cái áo của tôi bị ném ra cửa sổ đấy thôi và... và có tôi trong cái áo ấy nữa !

CHÚNG TÔI XIN ĐỀ NGHỊ Bộ Quốc Gia Giáo-Dục

SỬA ĐỔI VÀI ĐIỂM TRONG

CHƯƠNG TRÌNH SỬ ĐỊA

CHÚNG tôi nghĩ rằng trước khi nói đến việc sửa đổi chương trình một môn học — Sử-Địa — nên nói đến một vấn-đề tiên-quyết là lúc nầy có nên nói đến việc sửa đổi chương-trình trung học không. Sở-dĩ vấn-đề tiên-quyết nầy được đặt ra là vì trong hội-nghị do Bộ Quốc-Gia Giáo-dục tổ-chức vào cuối niên-học vừa qua, có vị giáo-sư nhận thấy rằng chương-trình mới — có vẻ soạn thảo một cách công-phu, có vẻ cách-mệnh đối với các chương-trình cũ vẫn cần được sửa đổi ở một, vài điểm ; nhiều vị lại cho rằng chương trình mới ấy chỉ áp-dụng chưa được một năm, có phần lại chưa được áp-dụng (chương-trình Đệ-Nhị, Đệ-Nhất chẳng hạn), thì làm sao có thể bàn ngay đến việc sửa đổi chương-trình liền được : cần có thời kỳ «rà máy» mới thấy rõ ưu, khuyết-điểm.

★ NGUYỄN.HỮU.THỨ

Ý ấy kể cũng đúng, song chúng tôi lại nghĩ rằng có điểm chỉ đứng về phương-diện lý-thuyết mà nói; xem khó lòng áp-dụng được. Một trong những điểm ấy lại chính là chương-trình Sử-Địa. Vả chăng, đặt-biệt trong năm nay, ngày khai giảng sớm hơn trước, nhưng lại rất chậm đối với chương-trình mới, và ngày bắt đầu nghỉ hè lại rất sớm — 1 tháng tư

năm 1960, nên thời gian học thật sự tại các trường công-lập chỉ độ sáu tháng, Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục thế nào cũng phải đề-cập đến việc hạn-chế chương-trình tức là nhất thời nói đến sự thay đổi chương - trình. Chúng tôi thấy rằng đây là một cơ-hội tốt để chúng tôi phát-biểu ý-kiến, mong rằng Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục lưu tâm mà quyết định những sự thay đổi — có thể tạm thời, có thể vĩnh-viễn— về chương-trình trung-học. Chớ nên, chúng tôi nghĩ rằng bây giờ mà nói đến việc thay đổi chương trình không phải là sớm mà cũng đúng thời nữa.

MỘT SỰ THAY ĐỔI VỀ CHƯƠNG-TRÌNH SỬ-ĐỊA ĐÁNG MỪNG : TÁNH CÁCH BẮT BUỘC CỦA MÔN SỬ - ĐỊA VỀ THI VIẾT.

Cuối niên-học nay, chế-độ thi sẽ mới đối với học-sinh trung-học đệ-nhất-cấp, tú - tài phần nhất ; trong chế-độ mới này, sử-địa sẽ là môn thi viết bắt buộc ở tú-tài phần nhất ; ở trung-học đệ nhất cấp, sử địa và công dân giáo-dục sẽ được bắt thăm để thi viết. Đó là sự thay đổi quan-trọng đáng để ý. Trước đây, thường học-sinh đợi xem thi viết có khá không rồi sẽ học vấn-đáp, trong đó có môn sử địa. Chương-trình môn này dài, bài học hầu như mênh-mông, sự hiểu biết của học-sinh cần phải rộng ; thế mà học-sinh cả năm học không chăm, không thuộc, làm thế nào trong năm, bảy giờ học xong được. Thành thử lúc vào thi, thí-sinh rất sợ và dùng tất cả những phương-pháp có thể dùng để thoát qua chướng ngại vật này. Các giám-khảo đều không lấy làm thỏa-mãn và lắm lúc vì thương hại hay vì lý-do khác, cho một điểm không đến nỗi tai hại cho thí-sinh ; đó là chưa kể các điểm tốt mà giám-khảo cho tuy không xứng. Nay thi viết sử-địa, học-sinh phải lo học, chứ nếu vào thi mà để giấy trắng thì dầu người thân-thích mình tìm được bài của mình nhờ nhớ mặt chữ, cũng không có can-đảm cho vài, ba điểm ; tóm lại, vì muốn đỗ và không thể dùng phương-pháp «nhân-tạo» nào để có điểm nên học sinh phải cố-gắng học và hiểu sử-địa, tức là dầu muốn dầu không, trình-độ hiểu biết cũng nhân đó mà được nâng cao. Ích lợi của sử-địa trong đời không phải ít, nên việc Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục buộc học-sinh thi viết sử-địa là một việc nên tán thưởng.

MỘT KHUYẾT - ĐIỂM CỦA CHƯƠNG - TRÌNH MỚI : DÀNH QUÁ ÍT GIỜ CHO MÔN SỬ ĐỊA.

Nếu chỉ thi sử-địa về vấn-đáp mà thôi, giáo-sư tùy theo giờ mà tóm tắt lại ; lúc vào vấn-đáp, học-sinh trả lời qua loa hay dùng mánh-khoé gì đủ điểm trung bình là được. Nếu thi sử-địa viết, học sinh phải có đủ ý mà trình bày một bài tử-tế nên giáo-sư phải dạy cẩn thận. Hiện nay, các sách giáo-khoa về sử-địa ở các lớp đi thi hay không chưa đầy đủ, chưa hoàn toàn nên giáo-sư phải trình bày một cách dài dòng văn-tự chứ không thể tóm tắt được.

Giáo-sư có thể làm công việc ấy trong thời gian định ở trong chương-trình mới không ? Muốn rõ, chúng ta chỉ cần so-sánh với chương - trình cũ. Trong chương - trình nầy (cũng được sửa đổi rất nhiều lần), mỗi tuần học-sinh từ đệ-thất đến đệ-tam học ba giờ sử-địa, chia ra như sau : một giờ ở Việt-sử, một giờ Thế-giới-sử và một giờ Địa-lý. Tại các lớp Đệ-nhị và Đệ Nhất có một giờ Việt-sử, một giờ Thế-giới-sử và hai giờ Địa-lý. Tại các lớp từ đệ-thất lên đệ-tam, giáo-sư có thể dạy hết chương - trình trong thời-gian hạn-định (trong thực - tế cũng có rất nhiều giáo-sư dạy không hết chương-trình). Trái lại, tại các lớp Đệ-Nhị và Đệ-Nhất, tuy với bốn giờ, các giáo-sư không làm thế nào mà dạy xong chương-trình cả. Chúng tôi chắc rằng những vị nào đã dạy các lớp ấy phải công-nhận điều nầy. Chương-trình mới có gì thay đổi về sử-địa ? Từ nay, tất cả các lớp đều có hai sử-địa mỗi tuần ; tại các lớp không đi thi (thất, lục, ngũ, tam), không có thế-giới-sử, giáo-sư có thể dạy hết chương-trình. Trái lại, tại những lớp có đi thi, có môn thế-giới-sử mà chương-trình Việt-sử, thế-giới sử cùng địa-lý có thay đổi nhiều lắm đâu, nghĩa là giáo-sư phải dạy một chương-trình nặng gần như cũ (nói chung cả ba môn) trong thời-gian chỉ bằng nửa trước và giáo-sư phải dạy thận-trọng hơn vì đây là môn có thể thi viết. Vị nào muốn thấy các điểm thay đổi, chỉ cần đem so sánh hai chương-trình cũ và mới và sẽ nhận thấy rằng chúng tôi nói không sai sự thật. Chúng tôi chỉ đem chương trình đệ-nhất làm thí-dụ :

Về *Việt-sử*, chương-trình vẫn như cũ : Việt-Nam từ 1884 đến ngày nay.

Về thế-giới-sử, có rút bớt ít nhiều, song chung ra, chương-trình vẫn như cũ.

Trước đây, dạy hai chương-trình sử nầy, ít có giáo-sư dạy hết chương - trình được vì về thế-giới-sử, trong giai đoạn hiện kim, thế-giới có biết bao biến-cố quan trọng, chỉ đem kể những việc chính, chứ không cần giải thích cũng đủ hết thì giờ rồi. Như vậy, với hai giờ

mà chương-trình mới dành cho lớp đệ-nhất, giáo-sư ngày nay không thể dạy xong chương-trình Việt-sử và Thế-giới-sử rồi, huống hồ là còn phải dạy môn địa-lý nữa. Về môn nầy, chương trình cũ dành những hai giờ như chúng tôi đã trình bày trên; chương-trình mới có khác là bỏ hẳn nền kinh tế chung cho thế giới như thực phẩm, nguồn năng lực... tức độ 1/3 chương trình; phần bỏ đi lại đem vào chương trình Địa lý Đệ-tam. Trái lại, trong chương trình Đệ Nhất lại thêm vào những cường quốc Á Châu là Ấn Độ, Nhật Bản, Trung Hoa. Thì giờ dạy ba nước nầy có lẽ cũng bằng thì giờ dạy nền kinh tế thế giới đã bị bỏ đi. Tóm lại, chương trình mới cũng cần một số giờ bằng chương trình cũ; hai giờ mỗi tuần. Nay Bộ Quốc Gia Giáo Dục lại bắt dạy trong hai giờ một chương trình cần dạy trong bốn giờ mỗi tuần làm thế nào mà giáo sư dạy cho xong được? Đó là chưa nói đến việc vào vấn đáp có giáo sư lại hỏi đến địa lý từng khu vực nữa.

Để kết luận đoạn nầy *chúng tôi mong rằng Bộ Quốc giáo dục xét lại số giờ dạy mỗi tuần và cho thêm ít nhất mỗi tuần một giờ ở những lớp đi thi: Đệ Tứ, Đệ Nhị và Đệ Nhất.* Đây không phải là một lý thuyết, một đề nghị không thiết thực vì nếu không được thêm giờ, không một giáo sư nào có thể dạy hết chương trình, dầu là tóm tắt hết sức (mà tóm tắt quá thì trình độ học sinh đã kém sẽ kém hơn nữa).

MỘT KHUYẾT-ĐIỂM KHÁC: CHƯƠNG TRÌNH MỚI CHƯA HẲN LÀ MỘT HỆ-THỐNG TƯ-TƯỞNG LIÊN TỤC.

Để các nước khác cũng có thể thừa nhận bằng cấp của chúng ta chương trình trung học phải đào tạo những học sinh có kiến thức tương đương với học sinh các nước. Chẳng hạn, hiện nay chưa có thỏa ước văn hóa giữa Việt Nam và nhiều nước khác như Hoa kỳ, Úc... Tại những nước đó, khi có học sinh ngoại quốc như ở trường hợp như Việt Nam đến học, người ta cùng buộc kê những môn cùng số giờ đã học nếu học sinh Việt Nam theo học một môn về văn chương, nhất là về Sử Địa, thì các trường trung học Việt Nam sẽ phải kê đúng theo chương trình, nghĩa là về sử thế giới, chỉ học trong ba, trong bảy năm, và mỗi tuần chỉ 40 phút thôi. Chúng tôi nghĩ rằng như thế có điều bất tiện cho học sinh Việt Nam. Thật ra, chỉ học trong 40 phút trong ba năm mà học sinh trung học có những bảy năm thì học sinh Việt Nam thua học sinh các nước về kiến thức chung. Vì thế, chúng tôi mong Bộ Quốc Gia giáo dục xét lại điểm có nên để học sinh tất cả các lớp học thế giới sử như cũ không; vấn đề nầy cũng đã được đề cập đến trong một vài hội nghị giáo dục, song xét lại cũng không thừa.

Điểm cuối cùng mà chúng tôi xin bàn đến là nội dung của chương trình mới về Thế giới sử. Có nhiều đoạn quan trọng bị bỏ qua, như cuộc cách mệnh giành độc lập của Hiệp chủng quốc Bắc Mỹ; tiến triển của chế độ đại nghị Anh trước 1789... Còn rất nhiều điểm nữa cần được xét đến.

Chúng tôi viết bài nầy với hy vọng rằng Bộ Quốc Gia Giáo Dục lưu tâm đến một vài đề nghị của chúng tôi để việc dạy Sử Địa được dễ dàng hơn.

NỮ QUYỀN

Sau chiến tranh, để kêu gọi dân chúng tiết kiệm điện, chính phủ Anh-Quốc cho treo những tấm biển vẽ hình một đứa bé đưa tay lên sắp sửa tắt điện, với những lời chua bên dưới : « **Má quên tắt đèn rồi** ».

Liền ngay sau khi những tấm biển ấy được treo lên, một nữ nghị-sĩ đã lớn tiếng giữa Quốc-Hội, phản đối nhiệt liệt, cho rằng câu ấy là một lời sỉ nhục phụ nữ.

Một nam nghị sĩ hỏi :

— Xin quý đồng nghiệp cho biết phải sửa đổi như thế nào?

Nữ nghị sĩ đáp :

— Nhân danh tất cả phụ nữ nước Anh, tôi đề nghị đổi câu chú thích trên bản yết thị, mà viết ra thế này : « **Ba quên tắt đèn rồi** ».

— 26 tháng 10 —

Cố gắng, hy sinh, kỷ luật, kiệm cần,
Toàn dân nhất trí canh tân nước nhà.

CÔ GÁI ĐIÊN

TRUYỆN TÀU CỦA TỪ-VU ★ BẢN DỊCH CỦA VI-HUYỀN-ĐẮC

VII

(Tiếp theo PT số 21)

Tôi kể-tục nói tiếp :

— Cô Hải-Lan ạ, tôi có cái cảm-giác rằng, cứ sống đơn-độc, lẻ loi như thế nầy mãi-mãi, chẳng có lấy thêm một người nào để chuyện-trò, hôm sớm, tôi dám đoan quyết, một người can-đảm đến đâu, rồi cũng đến chết mòn trong cái không-khí tro tàn, khói lạnh nầy, thôi !

— Tiên - sinh nói không sai lão-gia thì thường - thường vắng mặt, mà thái-thái cũng luôn-luôn đi chơi; nếu một hai khi có ở nhà, thái-thái chỉ chăm lo thêu-thùa hay cho lũ chim ăn.

— Thế, không bao giờ có khách lại chơi hay sao ?

— Thưa không.

— Thiệt tình, một thiếu - nữ, vừa trẻ trung, vừa có nhan - sắc như cô, cô làm thế nào mà sống nổi trong cái hoàn - cảnh cô-tịch nầy, kia chứ ?

— Tiên-sinh dạy rất đúng, ấy lúc đầu, tôi chưa quen, tôi thấy hết sức buồn khổ, nhưng, tiểu-thư đãi tôi rất hậu, và coi tôi như tình ruột thịt, tôi không thể không đáp lại cái thịnh-tình đó, thế rồi, lâu dần, tôi hiểu tiểu - thư hơn, và tôi yêu tiểu-thư. Tôi thấy tôi phục-vụ tiểu - thư, không những đó là một niềm vui, mà còn là một thứ quang-vinh cho tôi.

— Thế cô lại đây được bao lâu rồi ?

— Thưa tiên - sinh, tới nay, vừa được hai năm ạ... Nhưng, tiên-sinh hỏi tôi như vậy để làm gì, kia ạ ?

— Tôi hỏi cô như vậy, không có ý gì khác, tôi muốn được biết rõ, có phải tháng tháng cô có lĩnh một số tân - kim hay không ? Nếu có, tôi muốn nhờ cô giúp tôi một tay trong cái nhiệm-vụ của tôi, và, mỗi tháng, tôi xin đưa cô sáu trăm phật - lăng...

— Tôi có lĩnh tân-kim, nhưng, thưa tiên - sinh, nếu việc tôi hộ ông có thể giúp ích một phần nào cho tiểu-thư, bất luận việc gì, tôi cũng xin vui lòng làm.

Cô trù-trừ một lát rồi lại nói tiếp :

— Nhưng có một điều, tôi xin thưa trước, là, về thuốc - men, cùng là cách chữa bệnh, tôi chẳng biết một tý gì cả.

— Cái đó không cần đâu, cô ạ, nói tới việc y-trị thì ngay tôi, tôi cũng không phải là một ông thầy thuốc đâu.

Nhất-nhất về thuốc men, chúng ta sẽ do sự chỉ-dẫn của y-sư Xa-lạp-Mỹ mà thừa-hành.

— Nhưng, tiên - sinh sẽ bảo tôi làm những gì, mới được kia chứ ?

— Tôi chỉ cần cô sẽ vui lòng, y theo lời tôi, và có khi cô sẽ đi theo tôi ra ngoài, ngay cả những lúc đêm hôm, khuya khoắt nữa, cô đã rõ chưa ?

— Tại sao kia ạ ?

— Vì tại, rồi đây, cả hai người chúng ta đều phải luôn-luôn đi kèm tiểu-thư, mỗi khi tiểu-thư bước chân ra khỏi nhà.

— Nếu vậy thì được, tôi xin vâng. Tuy-nhiên, có một điều, tôi e, không biết thái - thái có ưng cho như thế không ?

— Điều đó, cô chớ ngại, tôi sẽ đi thưa chuyện với thái - thái, chứ.

— Thế thì được lắm.

— Vâng, tôi xin cảm ơn cô... và như vậy là chúng ta đã ấn-định hẳn-hoi đối với công-việc mà chúng ta sẽ thực hành... Một lần nữa tôi xin cảm ơn cô.

— . . . . . .

Hải-Lan không thốt ra một lời nào nữa, cô chỉ gật gật và để lộ một vẻ mặt tươi-cười, điềm-mỹ. Tôi cũng vui-vẻ nhìn cô và nói tiếp :

— Vâng, thế thì, ngay sáng sớm ngày mai, xin cô giữ cho một cuốn «nhật ký» trong đó, cô ghi rõ cho tất cả hành-vi và cách sinh-hoạt từng ngày, từng giờ, của tiểu-thư. Nói tóm lại, là nhất cử, nhất động, cùng là ngôn-ngữ, cử-chỉ, và sự biểu-tình của tiểu-thư, cô đều ký-chú rất tỷ-mỷ, rất minh-bạch cho.

— Ô, nhưng, mỗi khi tiểu-thư ở ngoài, thì tôi biết thế nào mà ghi-chép, kia ạ ?

— Đối những việc xảy ra ở ngoài, đã có tôi, tôi sẽ nói cho cô rõ, còn ngoài ra, cô, mắt thấy, tai nghe được cái gì, xin cô cứ ghi chép cái đó cho tường tận, là được.

— Tôi xin nhất nhất y theo lời của tiên-sinh... Thưa, có còn điều gì nữa không ạ ?

— Thưa không. À, mỗi khi tôi cần nói với cô, thì tôi phải làm thế nào, cho tiện ?

— À, dễ lắm, tiên sinh cứ bấm cái nút chuông thứ ba, màu vàng kia, ở phòng chứa sách này, tôi sẽ xin đến ngay.

— Vâng, được, cảm ơn cô.

Sau đó cô quay gót, đi ra khỏi.

★

VIII

Ngay ngày hôm sau tôi xuống nhà xe lái xe đi quanh mấy vòng để cho quen với cách xử dụng khi cần tới khỏi bị bỡ ngỡ. Thứ nữa, tôi đi tìm thái thái và xin phép bà cho Hải Lan giúp tôi một tay trong việc săn sóc và y-trị cho tiểu thư, Bà hỏi tôi :

— Nhưng sao tiên sinh lại phải cần tới Hải Lan làm gì ?

— Dạ, thưa thái-thái, chúng tôi còn niên thanh quá, mà trong những khi cần phải tiếp-cận với tiểu-thư, thiệt tình, có nhiều điều bất tiện...

— Theo ý tôi, ta cũng chẳng nên quá câu-nệ, vì tiên-sinh làm việc trên danh-nghĩa của một vị y-sinh, kia mà... Nhưng, tiên-sinh trù-liệu như vậy cũng càng tốt, vả, Hải-Lan rất thông-minh, linh-lợi, nó lại là một người mà em nó tin-cẩn nhất... Thôi được, tiên-sinh hãy điều-đình với Hải-Lan đi riêng tôi, tôi không thấy có lý-do gì, không ưng-chuẩn việc đó.

Tôi trở về buồng riêng, trong lòng hết sức vui-vẻ. Sau khi đi tắm rửa, tôi đi ngủ một giấc cực ngon lành, rồi, ăn cơm xong, tôi thay quần áo thiệt tề-chỉnh, ngồi ở sô-pha, vừa hút thuốc, vừa đọc sách, để chờ xem sự động-tĩnh của chiếc xe hơi màu xanh.

Trong mấy giờ đầu, tôi ngồi đợi như vậy với cả một sự an-tĩnh, nhưng, từ mười một giờ trở đi, tôi bắt đầu thấy nóng ruột; tôi không thể nào đọc nổi được nữa; mỗi một tiếng động nhỏ nào cũng làm cho tôi chú-ý, luôn-luôn, tôi nhìn qua cửa sổ, ngoài trời, trăng, sao, sáng vằng-vặc chiếu xuống cái biệt-thự vắng-lặng, heo-hút này, bóng cây thưa, nhạt, trải ra khắp mặt đất ; thảm cỏ xanh rờn, lay động dưới làn gió hiu hiu thổi, trông không khác một cái mặt hồ gợn sóng ; xa xa, những pho tượng đá, có vẻ như khoác trên thân những làn sa mỏng ; ngần ấy cảnh tượng lại càng làm tăng thêm cái vẻ linh-lạc, cô cựu của cái dinh cơ này.

Chuông đồng hồ gõ một tiếng lanh lãnh, tôi cảm thấy toàn thân như ớn lạnh, nhưng tôi vẫn kiên tâm ngồi chờ. Một lúc sau, tôi thấy sốt ruột, sốt gan, bồn trồn, nóng nảy y như một gã si tình đương chờ đợi người bạn lòng, mãi chẳng thấy đến cho. Tôi bèn cố dằn lòng, đem cái tâm tình của mình thử phân triết xem sao ? Liệu có phải tôi lo cho cái số tân-kim bốn ngàn phật lăng kia không ? Nhưng quả thiệt, trong cái thành phần tâm lý của tôi, không vì đồng tiền, mà chính là vì sự hiếu thắng cùng là sự hiếu kỳ.

Tôi đi đi, lại lại, ở trong phòng trước mặt tôi, trên bức vách là bức ảnh của tiểu thư Thê-tư Lăng tôi bèn ngưng thị, nhìn tấm hình. Một vị thiên kim tiểu thư, đoan trang kiều diễm nhường ấy, mà phải mang lấy cái bệnh tinh thần khốc hại kia, thì thiệt là vô cùng tàn nhẫn ! Bỗng tôi phát hiện thấy ở đầu mày, cuối mắt cô, có một sức phủ-mỵ dễ làm đắm mê lòng người, sức phủ-mỵ nầy là riêng của cô, bẩm sinh đã có, chứ không do sự di truyền, vì, trên dung-quang của tổ-mẫu cô, tôi tuyệt-nhiên không nhận thấy nó. Nhân đó, tôi có cái cảm-giác, chức-trách mà y-sư Xa-lạp - Mỹ

giao cho tôi, quả là một quang-vinh. Tôi sẽ tranh-đấu kịch - liệt với cái bệnh ma tàn-ác kia, để cố dành lại cả sắc đẹp, lẫn hạnh-phúc cho tiểu-thư Thê-tư-Lăng. Nghĩ như vậy, tôi thấy một thứ dũng-khí, bỗng chồi dậy trong tâm não tôi, và tôi tưởng chừng như, đây là một sứ-mệnh thiêng-liêng mà định-số đã dành cho tôi, để tôi quyết-tâm cứu-vớt cái trang phấn-đại, đương tuổi thanh-xuân hớ-hớ kia, ra khỏi cái vực sâu, hang thẳm của bệnh - tật. Nhòm qua cửa sổ, ra ngoài trời, trăng, sao đang sáng tỏ, tôi, ngẫu-nhiên, thiết thệ với trời cao lồng - lộng rằng, dẫu sao đi nữa, tôi cũng xin tận-tâm hoàn-thành nhiệm-vụ của tôi.

Thế rồi, ba giờ sáng đã đến lúc nào, tôi cũng chẳng để ý, trong tòa nhà vắng-lặng, không có một tiếng động. Tôi thấy vô cùng mệt mỏi. Thế là đêm nay, tôi lại chẳng làm được việc gì cho ra trò. Tôi bèn cởi áo đi nằm và ngủ thiếp đi lúc nào không biết.

Nhưng, cũng từ đêm hôm đó trở đi, tôi tìm thấy cả một sự hứng thú trong công tác của tôi, và hôm sau, tôi hỏi lại cô Hải Lan xem động tĩnh của tiểu thư ra sao ?

Hải lan liền trao cuốn nhật ký cho tôi.

(Còn tiếp)

✶ ĐẠI NGU

Em (hỏi anh).— Anh à, sao nước Tàu ngày xưa gọi là Đại-Ngu?
Anh.— Tại họ nhà vua ấy là Ngu.
Em.— Vậy nếu là họ ngốc thì sao ?
Anh.— Thì đặt là Đại-Ngốc chớ sao !

✶ SANG MÁU

Đứng trước vành móng ngựa vì tội trộm bị bắt quả tang, anh Tư Vành bàu chữa cho mình:

— Thưa quan tòa, trước kia tôi là kẻ lương thiện, cho mãi đến ngày tôi bị tai nạn và được tiếp máu. Nay tôi dám quả quyết rằng người ta đã sang cho tôi máu của kẻ trộm vậy.

T.T.L.

CÁC THI-SĨ CUỐI CÙNG CỦA THẾ-HỆ LÃO THÀNH

II.— cụ THƯỜNG-TIÊN

✶ DIỆU-HUYỀN

CON của cụ LÊ-QUANG-CHIỂU, tác - giả quyển « *Quốc âm Thi hiệp tuyển* », và bà TRẦN-NGỌC-LẦU, một Nữ Thi Sĩ danh tiếng ở Nam Việt (1862-1937), ông Thường Tiên Lê quang Nhơn sinh tại làng Long Châu, tỉnh Vĩnh Long năm 1883. Đỗ bằng Thành Chung năm 1904, năm sau ông được đổi ra làm việc tại tòa Khâm sứ Huế. Nơi đây ông được biết và kết bạn thân với Thi sĩ NGUYỄN-VĂN-XIÊM, ông này sau sang Pháp nổi danh một thời ở Paris, tác giả tập thơ « Heures perdues », và chết ở bên đó. Năm 1906, ông Thường Tiên được đổi về làm việc tại tòa Bố Vĩnh Long, nơi đây là chỗ nhau rún, ông được gần gũi với mẹ và chịu ảnh hưởng văn thơ của Bà rất nhiều.

Bài thơ sau đây, ông làm năm 1908 hồi ông 25 tuổi, đang là công chức :

Đã biết công danh phải để lòng
Mà ta ôm ấp mộng non sông.
Áo xiêm lòe loẹt thêm ràng buộc
Hồ hải mênh mông mặc ruổi giong.
Mỗi tháng lãnh lương tiền ít chục
Mặn năm cạo giấy nhọc đôi tròng
Thà không xu nhỏ nằm co duỗi
Rước gió nhìn trăng thế cũng xong.

Tư tưởng lãng mạn của thi-nhân, chính ông hấp thụ nơi bà NGỌC LẦU, bà mẹ nữ sĩ đã nổi tiếng cùng một lượt với bà SƯƠNG NGUYỆT ANH, con cụ Nguyễn đình Chiểu. Năm 1910, ông Thường Tiên được đổi về Sàigòn. Lần nầy ông có dịp kết bạn thân với nhiều nhơn vật đã có tên tuổi trong các giới thi ca và chính trị : Gilbert Chiếu, Hồ biểu Chánh, Thượng Tân Thị, Nguyễn an Khương (Thân sinh Ô. Nguyễn an Ninh), Bùi-quang-Chiêu v.v.. Và cũng lúc ấy ông kết duyên với một nữ sĩ kiêm nhạc sĩ, quả phụ của một ông Tây kho Bạc ở Hà Tiên, bà nầy làm thơ cũng hay mà đánh đàn tranh cũng tài tình. Thi sĩ Thường Tiên thường xướng họa với giai-nhân tri kỷ, và chính nguồn thi hứng khởi nguyên mãnh liệt từ bấy giờ. Nhưng chỉ được mấy năm rồi bà nầy cờ bạc nợ nần, Thi sĩ đành lìa bỏ bà, để cưới vợ khác.

Năm 1929, ông Thường Tiên xin nghỉ việc, và nhờ có ruộng đất khá nhiều nên khỏi lo về sinh kế, ông chuyên hẳn về Thi Văn. Thơ ông làm trong thời gian nầy rất nhiều, hầu hết là thơ tình cảm, và cũng có nhiều bài thiết tha về quốc sự. Năm 1945, ngày 13-3 cuộc đảo chánh xảy ra ở Long Xuyên là nơi ông đang ở. Mặc dầu đã 62 tuổi, Thi sĩ Thường Tiên là người đã lãnh sứ mạng vác lá cờ vàng đi dẫn đầu cuộc biểu tình của dân chúng hoan hô « Độc Lập ».

Nhưng sau đó nửa tháng, thấy cuộc Độc Lập nầy chỉ là một thủ đoạn đế quốc của đám Quân-Phiệt Nhựt Bổn, Thi sĩ có làm bài thơ sau đây :

ĐIÊU-THUYỀN TỰ THÁN

Đã vì nghĩa cả gánh hai chồng
Thẹn với quần thoa, rạng núi sông.
Nghiệp chúa tưởng may trừ Đổng tặc,
Nạn dân còn rủi gặp Tào Công
Kẻ hèn ngón lợi buông trăm kế
Nước đục thoàn câu thả mấy dòng
Vận Hớn đành im trong gió bụi
Mảnh hoa tan tác hận bên lòng.

Và bài ông tặng THANH NIÊN TIỀN PHONG hồi bắt đầu chiến tranh chống Pháp (tháng 10-1945).

Dao găm, chiếc nốp, nón, làm vóng
Bốn mốn tùy thân với tấm lòng
Kháng chiến đành rằng tài tiểu nhược,
Thi gan mới rõ mặt anh hùng
Thà liều với nước xông tên đạn
Khỏi thẹn cho thân mắc chậu lồng.
Tranh đấu tinh thần, lòng sắt đá
Trăm năm chẳng hổ tiếng Tiền phong.

Một Thi sĩ có danh tiếng, là cụ THƯỢNG TÂN THỊ (biệt danh là Phan Quốc Quan) tác giả mười bài thơ vợ vua Thành Thái gởi cho Vua, là một trong những bạn thơ thân nhất của cụ Thường Tiền. Thượng Tân Thị năm nay đã 80 tuổi. Sau lâu năm vắng mặt hai ông già Thi sĩ gặp nhau có xướng họa hai bài thơ sau đây :

Tân đình tái ngộ phước trời dành
Huyết thệ thời xưa há lạnh tanh
Cung kiếm khôn so tài chiến sĩ
Đao binh dễ núng chí hùng anh
Nước tràn vỡ đập tuông bờ cối
Cột ngã xăn tay đứt ngọn ngành
Tuổi hạc ngày xuân vui sống lại
Biết nhau từ thuở tóc còn xanh!

THƯỜNG TIÊN

Gặp gỡ nhau đây họa phước dành
Chuyện xưa nhắc lại nghĩ buồn tanh.
Khôn đau chí khí so hồng hộc,
Chỉ mượn thi hồn tỏ yến anh.
Nước tổ bao giờ mây sạch ngút
Quê cha có thuở ngọn thêm ngành
Dặn lòng tiết vững như tòng bá
Chứng với trên đầu thăm thẳm xanh

THƯỢNG TÂN THỊ

Năm 1946, giữa lúc chiến tranh ác liệt, Thi sĩ Thương Tiên ở tỉnh, có bài TRƯỜNG ĐẠ SẦU :

Nghe tiếng o-o dưới xóm gà,
Bên đồn trống điểm trở canh ba
Rập ràng ngoài nọi hơi ve trỗi
Lờ lẹt trên sân bóng nguyệt tà.

Lửa, đạn xông pha thường những trẻ,
Nước non xơ xác thẹn riêng già
Lạnh lùng ngọn gió hiu hiu thổi
Sương đọng cành hoa mấy giọt sa

Đêm giao thừa 1955, Thi sĩ Thường Tiên ngồi trong nhà nghe ngoài đường có tiếng hành khất bi thương, Thi sĩ động lòng cảm tác :

TIẾNG HÀNH KHẤT

Ông bà cô bác chị anh ơi !
Thương hại cho thân sống dập-dồi.
Đỡ dạ cơm thừa chan nước mắt
Phơi lưng áo rách toát mồ-hôi
Hỡi ai xa-mã trong thời loạn,
Đoái kẻ phong-sương gốc buội ngồi.
Cũng kiếp con người trong xã-hội,
Kẻ vàng phết cửa, kẻ khô môi !

Thơ của Cụ Thường-Tiên có khuynh-hướng khá nhiều về quốc gia xã-hội, cho nên tuy là điền-chủ, nhưng cụ giao hết cả hoa lợi ruộng đất cho bà vợ ở Vĩnh-Long, để cụ sống cuộc đời thanh-bần cô độc ở Sài-gòn, mặc dầu cụ cũng đã có con cháu thành-đạt cả và được địa-vị giàu sang.

Bài thơ sau đây tả rõ được tâm-sự của cụ :

ĐÓA HOA CÔ ĐỘC

Đóa hoa cô-độc giữa trần-ai
Nắng táp mưa tuôn sắc ủ-hoài.
Trơ-trọi cánh chiều cơn gió tối
Lạnh-lùng nhụy hứng hột sương mai

Ngày dài mảng lóng hơi quyên thét,
Đêm lạnh buồn nhìn bóng nguyệt phai.
Trinh bạch trau giồi thân mỏng-mảnh,
Tấc riêng nhẫn-nhủ bạn cầm-đài.

Có một thời-kỳ cụ rất nghèo, làm bài thơ NG ÈO, giọng thơ trào-lộng, chua chát :

Cây khô tưới nước vẫn khô queo,
Nghèo đến nơi mô cũng vẫn nghèo.
Liệng chó bể nồi đời khéo cợt,
Rán sành ra mỡ thế nên eo.
Dạn-dày gắng giữ hơi đài-các,
Rồn-rảng đành thua bọn cá-kèo.
Sáng sớm xơi xôi cho đỡ đói,
Ra vào ngắm cảnh dạ buồn teo!

Cụ Thường Tiên năm nay 77 tuổi, sức đã yếu lắm rồi, tuy vậy cụ vẫn còn làm thơ được và tuy Thi hứng không còn dồi dào sinh lực nữa nhưng lời thơ vẫn diêu luyện và sáng suốt.

Cũng như cụ Ưng Bình ở Huế, kế tiếp được truyền thống thi gia của Đức-ông Tuy Lý Vương, cụ Thường Tiên Lê quang Nhơn ở trong Nam đã tiếp nối nguồn thơ trong suốt và thanh tao của Nữ Thi sĩ Ngọc Lầu.

Cũng như Cụ Ưng Bình ở Huế là Hội chủ HƯƠNG BÌNH THI XÃ, cụ Thường Tiên là Hội chủ NAM PHONG THI XÃ ở Saigon.

Bên cạnh cụ Á-NAM TRẦN TUẤN KHẢI người Bắc, hai cụ ƯNG BÌNH THÚC GIA THỊ (Huế) và THƯỜNG TIÊN LÊ QUANG NHƠN (Saigon) có thể được coi như là đại diện của lớp Thi nhân cổ lão đáng tôn kính, còn sống ở giữa Thế kỷ này.

Kỳ sau : Nữ Thi Sĩ Cao-Ngọc-Anh.

✶ THỌ

Sau bữa tiệc no say, ba chàng nọ còn ngồi nán lại chuyện trò với nhau. Họ bàn về vấn-đề trường sanh, ai cũng nói là người trong gia-tộc mình khi già, già lắm mới chết chớ không ai chết sớm.

Người thứ nhất nói :

— Các anh biết không, gia-tộc tôi giữ kỹ-lục về tuổi già. Như là Dì tôi đến 110 tuổi mới mất và Dượng tôi chết lúc 120 tuổi.

Người thứ nhì phì cười :

— 120 tuổi à ? Có gì là lạ ! Đây, như bà tôi mất vào năm bà được 125 tuổi đấy ! Quá chưa ?

Rồi họ nhìn người thứ 3, nãy giờ ngồi đó làm thinh mà nghe, đang mỉm một nụ cười khinh bỉ, họ hỏi :

— Còn gia tộc của anh thế nào ?

— Gia tộc của tôi đấy à ? Thường thôi, chưa một ai chết cả ! Mẹ của bà cố tôi, bà cố tôi, bà ngoại của ông ngoại tôi vẫn còn sống, chưa ai chết cả !

C.

CA - KỊCH Việt-Nam

✯ TCHYA

CA là vẻ biểu diễn của thở ra bằng âm thanh, nghĩa là bằng lời hát. Ca hát là một nhu cầu của lòng người, một thứ nhu cầu tự nhiên, không vụ lợi, không vụ danh, một nhu cầu sui dục con người, mỗi khi bị xúc động bởi hoàn cảnh bên ngoài, thì lại tỏ trạng thái tâm lý của mình bằng khiếu âm nhạc Tạo Hóa đã phú cho, tức là cổ họng.

Cổ họng mới đúng là « cây đờn muôn điệu », mà Thế Lữ hằng mơ ước, cổ họng là nhạc khí sẵn có của loài người, có thể bắt chước được đủ muôn ngàn thứ tiếng. Bởi đó, mỗi lần thấy tâm hồn rung động bởi những cảm xúc hoặc vui sướng, hoặc buồn rầu, hoặc vẩn vơ man mác, con người bèn cất tiếng hát vang. Hát từ lúc còn ấu trĩ thơ ngây, rồi tới buổi gần đất xa Trời, cũng vẫn còn thích hát. Đứa trẻ con hát mà ông già cũng hát, cô thiếu nữ ca mà bà cụ bảy tám mươi tuổi cũng còn ca.

Ca với hát cũng như nhau, song ca là tiếng hấp thụ của người Tàu, còn hát thì là tiếng thuần túy của người Việt. Dần dần, người ta quen mồm nói : hát tuồng, hát bộ, hát chèo, mà không nói ca tuồng, ca bộ, ca chèo cũng như nói : ca Huế, ca cải lương, mà không nói hát Huế, nhưng lại có khi dùng «hát cải lương», từ khi kịch cải lương cũng đóng trò như hát bộ.

Nghệ thuật ca có lẽ khởi xuất từ một thời xa lắm. Bên Trung Quốc, đời Đông Chu, đã có những kẻ đóng trò cho vua xem, ở nước Tấn và ở nước Sở, thường gọi là Ưu, Ưu là người hát tuồng. Tỷ dụ như Ưu Thi, Ưu Mạnh, chẳng hạn.

Nghề hát tuồng ở nước ta thì mãi đến đời Trần mới có, song những lối hát cổ của Việt Nam có lẽ đã xuất hiện từ ngày xưa. Xét trong lịch-sử, thì đời Hồng-Bàng tương đương với đời Viên hiên thị bên Tàu, vào khoảng 2800 năm trước Tây lịch. Từ thủa đó cho mãi tới Bắc thuộc lần thứ nhất, 111 trước Tây Lịch, người Việt Nam ca hát ra làm sao, hiện nay chúng ta không có một tài-liệu gì chính-xác trong thời kỳ thượng cổ đó cả.

Kể từ Bắc thuộc trở đi, cho đến đời Mai-hắc-Đế 722 và đời Bố Cái Đại Vương 791 sau T.L có lẽ dân tộc ta bắt đầu có những câu ca dao và tục ngữ.

Tục ngữ, cũng gọi là ngạn-ngữ, hay phương ngôn, là những câu nói thu gọn lại để khuyên răn và chỉ bảo người đời. Nhưng tục ngữ không có liên hệ gì với vấn đề thi ca cả. Liên hệ tới thi ca là ca dao, tức là những bài hát ngắn lưu hành trong dân gian, tả tình tình và phong tục của kẻ bình dân.

Ca dao có nhiều loại. Một loại là «đồng dao», là những bài hát ở xứ đồng quê, thích hợp với những người làm ruộng, vừa cấy cấy gặt hái, vừa hát lên để quên mệt nhọc, hoặc để trai gái tỏ-tình và đùa cợt với nhau. Loại nầy gồm những câu hát ví, hát giả gạo v.v...

Loại thứ hai là «phong-dao», nghĩa là những câu hát thuộc về phong tục của nhân dân. Cả hai loại, gồm thêm những câu hát tả tình tả cảnh, không chương khúc, nhưng đủ mọi vẻ, mọi thể, gọi chung tất cả là «ca-dao».

Thoạt đầu tiên, chưa hẳn đã có lối «ca dao» bằng lối lục bát hay song thất. Người Việt Nam hấp thụ tinh thần *Kinh-Thi*, thì cũng bắt chước thể văn trong *Kinh Thi* mà đặt ra những câu hát ngắn ngủi, khúc chiết, đến ngày nay vẫn còn truyền tụng. Đó là thể «nói lối», mỗi câu chỉ có độ 4 hay 5 chữ mà thôi.

Tỉ dụ như bài hát ông trăng :

Ông giăng ông **giăng**
Ông **dằng** *bứt* **tóc**
Ông **khóc** *ông* **cười**
Mười *ông một* **cỗ**

Đánh nhau **lỗ đầu.**

Lối đặt vần rất tự do, khi ở chữ thứ nhất, khi ở chữ thứ hai khi ở chữ thứ ba, khi ở chữ thứ tư, miễn là có vần thì thôi. Có lúc lại không cần vần, mà chỉ cần thứ tự hợp lý, là được :

Mùng một lá **trai**
Mùng **hai** *lá lúa*
Mùng ba câu **liềm**
Mùng bốn lưỡi **liềm**
Mùng năm **liềm giật**
Mùng sáu **thật trăng**
Mười rằm **trăng** *náu. v.v...*

Từ đời Mai Hắc Đế và Bố Cái Đại Vương trở đi, mới có sự tiếp xúc với đời Đường bên Tàu. Thơ Đường tràn sang nước ta, rồi cũng vì ảnh hưởng âm luật Đường thi mà nảy nở ra văn lục bát và song thất.

Ca dao của ta cũng biến đổi, thành những thể năm chữ, sáu chữ, bảy chữ, hoặc những thể pha trộn. Những thể đó rất nhiều và rất phức tạp, chỉ xin nêu ra đây vài tỷ dụ mà thôi.

Thẳng hoặc như :

Cấy thưa thừa thốc,
Cấy dầy thì cóc được ăn.

Hay là :

Đồng tiền vạn lịch
Thích bốn chữ vàng
Công anh dan díu với nàng đã lâu.

Hay nữa là :

Thấy em hay chữ,
Anh mới hỏi thử một đôi lời :
Thủa tạo Thiên lập địa, ông Trời tròn ai xây ?

Và đây, một thể rất ngộ nghĩnh:

Quả cam nho nhỏ
Cái vỏ vân vân
Nay anh học gần
Mai anh học xa
Anh lấy em từ thuở mười ba
Đến năm mười tám thiếp đà năm con,
Ra đường thiếp hãy còn son
Về nhà thiếp đã năm con với chàng.

Từ thời nhà Đinh về sau, có lẽ phong trào ca dao ở nước ta đã phồn thịnh lắm. Những điệu hát cổ phần nhiều là những điệu hát Bắc.

Một lối hát thịnh hành ở miền thôn dã, cũng như ở thị thành là lối «*Hát xẩm chợ*». Lối hát đó, về sau, biến ra lối «*Huê tình*» cũng gọi là «*Xẩm cô Đào*». Điệu hát này do ở thể văn lục bát mà đặt ra, nhưng mỗi câu văn lại kéo dài thêm nhiều chữ. Tỷ dụ như câu :

Sáng trăng xuông vằng-vặc cái đêm hôm (thì) rằm
Nửa đêm (tang tình) về sáng (thế mấy) trăng bằng cái ngọn cây tre.

Nguyên văn chỉ là :

Sáng trăng vằng-vặc đêm rằm,
Nửa đêm về sáng trăng bằng ngọn tre.

Sau này, chúng ta sẽ thấy rằng tất cả các điệu hát đều do những thể thơ mà biến ra cả.

Một lối hát cổ kính nữa là lối hát ví von ở nơi đồng ruộng, và hát giã gạo, cùng hát ru em trong gia đình. Điệu hát giã gạo về sau có một thể biến là «hò giã gạo» ở Quãng Bình mà phần nhiều các ca sĩ chốn Thần-Kinh đều thông thuộc. Điệu này cũng rất thịnh-hành ở Quãng - Nam, những người giã gạo chia ra thành từng đôi trai gái để cùng nhau hát đối-đáp.

Đến lối hát ru em, thì có một đặc điểm rất thú vị. Lối hát đó đánh dấu một cách cụ thể cuộc Nam tiến của người Việt-Nam. Hát ru em, từ Bắc Việt đến Thanh-hóa có một làn đặc-biệt, tới Nghệ-Tĩnh lại thêm một làn nữa, từ Bình Trị tới Thừa Thiên và Nam Ngãi, lối hát đó lại biến thể, để rồi vào trong Nam thì lại có một phong vị riêng. Ở Huế, những câu hát ru em rất là ý nhị :

Con chim buồn, con chim bay về cội,
Con cá buồn, con cá lội về sông;
Em buồn, em đứng em trông,
Ngõ thì thấy ngõ, người không thấy người...

Bàn về lối hát ru em, trong cuốn «Văn chương bình dân», ông Thanh-Lãng viết : «Điệu hát ru em có lẽ là điệu hát cảm con người ta hơn cả. Những buổi trưa vắng, hay những đêm thanh, đi về những làng quê, ta thường được nghe não nuột thoảng vào tai một điệu hát nhẹ nhàng, rất êm, nhiều khi rời rạc của người bà ru cháu, hay của thiếu phụ ru con, hay của người chị ru em. Cái buồn của điệu hát ở đây là cái buồn của điệu hát tình. Buồn đây là cái buồn âu yếm, thắc mắc của một tấm lòng...»

Những buổi hội họp đình đám, hoặc trong những ngày tế lễ, hoặc trong dịp vui vẻ ngày xuân, nhân dân lại có thú hát trống quân và hát quan họ.

Hát trống quân nguyên thủy là lối hát theo nhịp trống đánh trận. Bởi đó mới gọi là «trống

quân». Về sau, nhân dân học điệu hát đó và mỗi khi có dịp ca xướng, thì lại tổ chức những cuộc đối thoại và hát theo nhịp trống. Nhất là trong ngày Tết Trung Thu, trăng sáng và khí hậu êm dịu, điệu hát trống quân được rất nhiều người cổ võ, kèm theo với điệu múa lân, cũng gọi là múa sư tử.

Hát quan họ không được phổ biến như hát trống quân, nhưng cũng rất thông dụng ở đất Bắc, nhất là mấy vùng Từ-Sơn, Nội-Duệ, Yên-Thế, Cầu-Vồng. Hát quan họ cũng có tên là hát đúm. Chữ đúm là một biến thể của chữ đám. Hát quan họ tức là hát đám. Hát quan họ là lối hát tự tình của đôi bên trai gái, nhưng cũng là một cách phô trương tài nghệ để lấy giải thưởng.

Theo ông Thanh-Lãng, trong cuốn Văn Chương Bình Dân thì "tục hát quan họ thực là có nhiều cái lạ lùng». Ông Toán Ánh lại nói như sau đây về lai lịch của môn hát hồn nhiên ấy :

"Đi hát với nhau, họ phục tài nhau, họ mến lượng nhau, họ kết bạn với nhau, nghĩa là họ giao nguyền để hát với nhau mãi mãi hết xuân nầy đến xuân khác, dù bọn hát có nhiều người thành gia thất.

Kết bạn với nhau tựa như một chuyện cưới xin trong làng quan họ, chỉ khác nhau một điều là không phải lấy nhau. Một bọn trai muốn kết bạn với một bọn gái, phải nhân ngày hội ở làng bọn gái, mang đồ lễ đến đình lễ thần và ra mắt quan viên làng. Buổi lễ thần đó có đốt pháo, có ăn uống như một ngày cưới. Như thế là phụ huynh ở làng *bọn quan họ gái* đã công nhận cho bọn trai kết bạn với con em làng mình. Bấy giờ lại đến lượt bọn quan họ gái phải đến yết kiến thần làng bọn con trai. Cũng đốt pháo và mời nhau chè chén trước khi hát».

Sau đây là một khúc hát quan họ :

Bên con trai :

Ngồi tựa vườn đào
Thấy người thục nữ ra vào lòng
những văn-vương
Gió lạnh đêm trường
Nửa chăn để đó, nửa giường
để đó chờ ai ?

Bên con gái :

Ngồi tựa vườn đào
Thấy người tri-kỷ ra vào em
những ngẩn-ngơ
Tháng đợi năm chờ
Nỗi niềm tâm sự bây giờ biết
ngỏ cùng ai ?

Đại loại thể văn thơ trong lối hát quan họ là một biến thể của văn lục bát, cũng như văn thơ trong điệu trống quân theo hẳn thể lục bát :

Trống quân trống quít trống còi
Tôi không lấy nó, nó đòi lấy tôi.

Còn lối hát ru em, thì tức là biến thể của lục bát và cả song thất nữa.

Đó là những lối hát ở trên bộ. Người Việt Nam ta lại còn những điệu hát cổ ở dưới sông. Những điệu nầy gồm các giọng hát đò đưa và giọng hò.

Giọng đò đưa là một điệu hát theo nhịp con chèo đập vào mặt nước, trong khi bơi thuyền. Có lẽ lối hát nầy chịu ảnh hưởng của điệu Sở từ, vì điệu Sở từ tức là điệu thơ của dân vùng Đông Nam nước Tầu, thường chèo thuyền mà hát. Sau khi Khuất Nguyên chết, người nước Sở có tục làm lễ mò xác Khuất Nguyên vào giữa ngày Đoan Ngọ, tức là mùng 5 tháng 5 âm-lịch. Trong ngày lễ đó, dân cư tổ chức những cuộc bơi chải, vừa đẩy thuyền vừa hát. Mỗi một nhịp chèo lại đánh dấu bằng một chữ đệm. Chữ đó là chữ "Hè».

Trong bài phú Tiền Xích Bích của Tô-Đông-Pha, chúng ta thấy có đoạn văn : *«Ư thị, ẩm tửu lạc thậm, khấu huyền nhi ca chi. Ca viết :*

Quế trạo hề lan tương,
Kích không minh hề tố lưu quang.
Diểu diểu hề dư hoài
Vọng mỹ nhân hề thiên nhất phương.»

Có kẻ dịch là :

Bấy giờ uống rượu thêm vui
Vỗ dây thuyền hát một bài hồ khoan.
Hát rằng : «lái quế, anh ơi, chèo lan,
«Vỗ bầu không sáng mà đề theo làn nước trong.
«Bảng khuâng lòng những hỏi lòng
«Đợi người bạn ngọc thế mấy ngóng trông phương trời...»

Điệu hát đò đưa ngày xưa của người Việt Nam thường lấy chữ «Hồ Khoan» để thay chữ «Hè». Lâu dần, tiếng "Hồ Khoan» rút ngắn đi mà hóa ra «Hò», rồi những khúc hát trên sông đều gọi là "hát hò". Lối hò nầy về sau được gia nhập vào môn hát chèo mà hóa ra câu hát "Vỉ». Bắt đầu thì theo thể văn lục bát,

nhưng về sau, trong điệu hò Huế và điệu hò Lục tỉnh, văn lục bát lại pha lẫn với văn song thất và văn nói lối nữa. Tỷ dụ như câu hò này chẳng hạn:

Một giòng nước trong,
Năm bảy giòng nước đục;
Một trăm người tục,
Một chục người thanh.
Biết ai gan ruột gởi mình
Mua tơ thêu lấy tượng Bình-nguyên Quân ...

Hoặc như câu:

Đèo mô cao cho bằng đèo danh-vọng
Ngãi mô trọng cho bằng ngãi phu thê
Đôi ta đã nặng lời thề

Đôi lứa mình, dẫu có mần răng đi nữa, cũng không hề phụ nhau.

Đó là hai câu hò Huế. Hò Huế chia ra «hò mái nhì» và «hò mái dầy», dài hơn điệu hò Phương Nam, và phảng phất, tâm hồn hoài cổ của dân tộc Chiêm-Thành.

(Còn nữa)

✱ NGƯỜI MỸ LÀM TIỀN

Một tờ báo Mỹ xuất bản năm 1875, có đăng một bài sau đây:

«Hiện giờ chúng tôi có nuôi 10.000 con mèo. Cứ tính đỗ đồng, mỗi con mèo cái đẻ mỗi năm 12 con mèo con, Da mèo bán được mỗi tấm là 3 cắc. Cứ mỗi ngày 100 người lột da được 5000 con mèo, như vậy, mỗi ngày chúng tôi còn lời được ít nhất là 10.000 Mỹ Kim. Nhưng làm cách nào nuôi mèo? Nuôi bằng gì? Chúng tôi đã giải-quyết vấn đề đó rất dễ dàng: Chúng tôi nuôi một triệu con chuột. Chuột đẻ 12 lần nhiều hơn mèo. Như vậy chúng tôi có thể cho mỗi con mèo ăn mỗi ngày 4 con chuột. Nhưng nuôi chuột bằng gì? Thì chúng tôi cho chúng nó ăn thịt những con mèo mà chúng tôi đã lột da. Tóm lại, phương pháp của chúng tôi rất giản dị: Nuôi mèo bằng thịt chuột, Nuôi chuột bằng thịt mèo, và chúng tôi bán được thường-xuyên mỗi ngày 5000 tấm da mèo với số lời mỗi ngày 10.000 Mỹ Kim, mà không tốn kém gì cả!

B.T.

✱ Phóng sự của NGUYỄN-THU-MINH

L. T. G.— *Các nhân vật trong truyện này nếu có trùng tên với quý vị nào, chẳng qua chỉ là tình cờ. Chúng tôi tuyệt nhiên không có ý ám chỉ một ai.*
Mong quý độc giả hiểu cho.

(Tiếp theo P. T. số 20)

CUỘC chuyện trò đang đến hồi trầm-buồn, ý-nghĩa hơn giữa tôi và Thành, bỗng Tư Nguyễn vươn vai, ưỡng ngực nói:

— Hai cậu đã định đi chưa? Nếu chưa thì mình xin lỗi đi đẳng này có tí việc rồi chốc nữa gặp nhau ở V.C. vậy.

Thành nghe thế vội hỏi, với vẻ ngạc nhiên:

— Sao vậy? Ngồi chơi nói chuyện một chốc nữa rồi cùng đi cả thể, cho vui, hay chúng mình có làm phiền gì cậu không?

Tư Nguyễn vội xua tay, lắc đầu đáp:

— Ồ! Có gì đâu mà phiền với không. Giữa chúng mình thì phiền cái mẹ gì. Chỉ vì mình lỡ có hẹn... mà!

Tôi vờ cười đùa để khỏi mất lòng bạn và cũng là để Tư Nguyễn khỏi có những ý-nghĩ kém vui về câu chuyện vừa rồi giữa tôi và Thành đã đối với anh ta:

— Cậu, lúc nào cũng có hẹn... cả. Ngồi chơi một tí nữa không được sao ?

Tư - Nguyễn với dáng - điệu lưỡng-lự muốn ở lại nhưng có lẽ đã lỡ nói là có « hẹn » nên buộc lòng phải bắt tay chúng tôi ra đi một mình.

Tư - Nguyễn đi rồi, tự dưng lòng tôi cảm thấy buồn buồn và hối hận đã không giữ bạn lại. Điều này, hình như Thành cũng cảm thấy như tôi.

Để đánh tan không khí không mấy vui này, tôi mở đầu lại câu chuyện :

— Mình nghe tụi nó nói cậu sắp lập gia đình phải không ?

Thành nhìn tôi, mỉm cười, gật đầu :

— Đúng vậy, cậu nghe đứa nào nói ?

— Thì một vài anh em vừa cho biết.

Lần này Thành làm ra vẻ thắc mắc như chuyện có thật ; nhưng đã có người biết, trong lúc Thành cố ý giấu, khiến tôi hơi phân vân về câu nói đùa của tôi vô cùng.

— Sao chúng nó hay tài thế không hiểu. Thật là « trong nhà chưa tỏ, ngoài ngõ đã hay » là vậy... !

Tôi nghe Thành nói thế càng tin chắc hơn, hỏi :

— Cậu nghĩ kỹ việc cậu thực hiện đấy chứ ? và mình cũng xin chia mừng cùng cậu đấy. Chúng mình bê bối nhiều rồi. Nên nghĩ đến ngày mai... một chút Thằng nào thằng nấy gần ba mươi mấy tuổi đầu cả rồi chứ ít sao.

Lần này, Thành nhìn tôi cười lớn. Xong, lại thở ra một cái thật dài nghe rất chán chường :

— Tớ không ngờ ngay với cậu mà cũng tin một cách dễ dàng như vậy. Mình đã thề « không lấy vợ » mà !

Tôi cười, an ủi :

— Cuộc đời lắm thay đổi... Con người cậu hôm nay không là ngày mai và ngày mai không còn là ngày xưa ! Cậu nên lập gia đình cho rồi. Thằng Hoàng đã an phận, bây giờ đến lượt cậu, rồi đây sẽ đến phiên mình.

Miệng tuy nói thế, nhưng trong thâm tâm tôi — thú thật — chưa hề dám nghĩ và có lẽ Thành cũng chẳng hơn gì. Tôi định nói ý nghĩ này ra với Thành xem sao, nhưng đã thấy Thành nhún vai nói với giọng trầm trầm, buồn hơn bao giờ hết :

— Này, mình không hiểu sao cậu có thể nghĩ cho mình điều ấy. Có lẽ cậu chưa rõ Con người mình nhiều. Sở dĩ mình còn bê tha mãi như thế là mình chán đời lắm rồi ! Con người mình đã hoàn toàn hư hỏng.

Tôi định mở lời an ủi, khuyên can Thành, Thành vội lắc đầu tiếp lời, không để tôi kịp nói ra :

— Có lẽ cậu cho tớ là một thằng điên, thằng khùng khi nghe câu chuyện này... câu chuyện về tớ. Và cậu nhớ cho rằng, cậu là người duy nhất, thân nhứt ngồi nghe tớ kể rõ về cuộc đời tớ hôm nay. Tớ không buồn lắm đâu. Sở dĩ, tớ cho cuộc đời tớ cũng như bỏ đi là vì nhiều lẽ.

Con người của mình nó tồi tệ lắm ! Thời cuộc mười mấy năm qua đã giết chết cuộc đời mình rồi. Cậu nghĩ, gia-đình mình bây giờ chẳng còn ai cả, ai còn ai mất không biết, ở đâu không hay. Còn cái thằng Người của mình, thiếu thốn, kém về mọi phương - diện. Thà, con người mình trưởng thành trong khốn khổ đi để chịu đựng, an phận với cảnh sống ấy, đằng này mình không thế. Muốn làm thằng làm không được, muốn làm thầy, ông, làm không xong. Muốn làm kẻ đi buôn, không có vốn. Muốn làm kẻ thư-sinh cũng không thể được nốt. Ba mươi tuổi đầu học hành gì bây giờ ? Ai nuôi cho mà ăn học. Đấy là những điểm mà mình khổ nhất chán nản nhất !

Một khi đã không ra gì ở cuộc đời thì chết đi e tốt hơn hết. Nhưng, khổ nỗi chết cũng không được, thiên-hạ cho mình là một kẻ ngu... bắt mình phải sống để mà chịu đựng sự đen tối của cuộc đời. Con người của mình càng ngày càng lùi trong khi xã-hội mỗi ngày mỗi tiến !...

Nói đến đây, đôi mắt Thành đỏ ngầu, những giòng nước mắt ứa quanh tr[illegible], và không thể nói thêm được nữa.

Tôi nghẹn ngào, nhìn Thành mà ứa nước mắt theo. Tôi cũng không còn đủ can đảm để nghe Thành kể thêm nữa.

Giây phút nặng nề, đau buồn ấy trôi qua trong vắng lặng.

Hai chúng tôi ngồi đối diện, nhìn nhau không nói nên lời !

Nghĩ lại cuộc đời trang lứa chúng tôi, đáng lẽ phải vui vẻ, hy vọng, yêu đời hơn ai hết thì trái lại, đầy chán nản, đau buồn ! May là vẫn còn một niềm tin để sống dù niềm tin ấy hoàn toàn vô vọng ! Riêng tôi, tôi vẫn nghĩ là thế ! Nhưng với Thành, thú thật là tôi không dám quả quyết gì cả.

Cuộc đời tuy đẹp đẽ thật đấy !.. Ngày mai rất huy hoàng về trên đất nước !

Thì than ôi ! Trang lứa chúng tôi e chìm trong bóng tối mất rồi. Càng nghĩ đến tương lai bạn, tôi càng lo ngại quá ! Và ngay cả cho tôi, rồi đây không hiểu sẽ đi về đâu ? Nếu vẫn còn một số người không chịu buông tha những cuộc truy hoan, lo làm giàu trên những thể xác, tâm hồn những kẻ bệnh hoạn !...

Đang miên man với bao ý nghĩ, bỗng có tiếng ai ở ngoài sân gọi vào, tôi và Thành lúc bấy giờ mới định tâm để tiếp đón tiếng gọi ấy.

Chẳng ai xa lạ, chính là Tư Nguyễn đã trở lại và có thêm Hoàng đến chơi nữa.

(Còn nữa)

Mình ơi!

HAI CÔ BẠN LÁNG-GIỀNG

★ DIỆU-HUYỀN

HÔM Rằm tháng 9 vừa qua, Ông Tú Bà Tú đi dự đàn cơ tại một nơi tĩnh mịch ở Long-Thành. Cùng dự đêm cầu cơ ấy, có hai ông bạn Bác-sĩ, một ông Kỹ-sư hóa-học, hai bà Bác-sĩ, vợ chồng một ông Giáo-sư Đại-học và ba cô Nữ-sinh vừa thi trượt Tú-tài kỳ nhì. Cuộc cầu cơ bắt đầu từ 10 giờ đêm đến 4 giờ sáng mới mãn.

5 giờ, bà Tú và ông Tú ra bãi biển hóng gió. Trên trời, mặt trăng còn sáng tỏ, giống như một lỗ ánh sáng khoét tròn nơi góc một tấm thảm xanh đậm bao la. Trên cái lỗ ấy là cả một bí mật huyền vi. Mặt biển xào xạt dịu dàng. Những gợn sóng nhuộm trăng đua nhau kéo vào

bờ, bò đến chân đôi vợ chồng ông Tú.., đùa nghịch như những con rắn thần ngoan ngoãn. Gió mát rượi thấm nhuần trong cơ thể...

Bà Tú đứng tần ngần một lúc lâu. Ông Tú muốn chọc vợ liền ngâm hai câu thơ của Nguyễn-Du :

Lại càng ngơ ngẩn tâm thần,
Lại càng đứng lặng tần ngần chẳng ra !

Bà Tú mỉm cười kéo chồng ngồi xuống bãi cát. Bà đăm đăm nhìn ngôi sao Mai sáng ngời như một hạt kim-cương, bà lầm bầm bên cạnh chồng :

— Ngôi Kim-tinh đêm nay đẹp quá, Mình nhỉ !

— Đêm nào nó chả đẹp !

Một lúc lâu, ông khẽ bảo :

— Anh nhớ mấy vần thơ của Thi-sĩ Pháp Alfred de Musset :

Etoile, qui descends sur la verte colline,
Triste larme d'argent du manteau de la nuit,
Toi qui regarde au loin le pâtre qui chemine,
Tandisque, pas à pas, son long troupeau le suit,
Etoile, où vas-tu donc dans cette nuit immense ?
Cherches-tu sur la rive un lit dans les roseaux,
Ou bien, vas-tu, si belle, au milieu du silence,
Tomber comme une perle au sein profond des eaux ?
. . . Ah ! Si tu dois mourir, bel astre, et si ta tête
Doit dans la vaste mer plonger ses blonds cheveux,
Avant de t'en aller, un seul instant, arrête !
Etoile de l'amour, ne descends pas des cieux !

— Mình dịch cho em nghe đi.

— Thơ hay quá, anh dịch không nổi.

— Cứ dịch đại, miễn là đủ ý thôi.

— *Sao ơi, ngươi rời bước xuống cánh gò xanh,*
Hỡi giọt lệ sầu của chiếc áo đêm thanh,
Ngươi nhìn kẻ chăn cừu đang đi xa muôn dặm,
Theo sau chàng, một bầy cừu bước đi chầm chậm,
Sao ơi, đêm thăm thẳm, ngươi đi đâu ?
Phải ngươi đang tìm một khe suối trong bờ lau ?

Hay trong đêm tịch mịch u-sầu
Ngươi muốn rơi vào lòng biển sâu
Hỡi viên ngọc trong canh thâu?
Sao đẹp ơi, phải ngươi muốn
chôn vùi trong làn sóng
Mớ tóc vàng long lanh ảo-mộng ?
Thôi, ngưng một lát cuộc hành-trình,
Hỡi ngôi sao của Ái-tình,
Hãy ở lại trên trời xanh !

Sao Kim-tinh ông ánh sáng-ngời, như thiếu nữ thẹn thùng chớp mi mắt ngọc.

Bà Tú đôi mắt vẫn không sao rời khỏi ngôi Sao Mai, âu yếm đặt bàn tay dịu mềm trên vai chồng :

— Có đúng thật Thi-sĩ Lý-Thái-Bạch hiện đang ở trên Sao Kim-tinh kia, như người giáng-bút xuống nói lúc nãy không, hả Mình?

Ông Tú mỉm cười :

— Chúng ta làm sao biết được! Có điều anh ngạc nhiên là lần nầy không phải là lần đầu Lý-Thái-Bạch giáng bút làm thơ, nói ở Sao Kim-tinh. Hồi anh ở tù, trong lao đã có lần cầu cơ, do chính một anh chàng Cộng-sản là cu Thiệu, cầm cơ. Hắn không tin cơ, cho là dị đoan, bỏ láo, hắn cầm thử cơ, ai dè Thi-sĩ Lý-Thái Bạch nhập cơ, xưng danh rõ-ràng, làm cu Thiệu hoảng hồn ! Lần ấy Lý Bạch cũng nói là ở Sao Kim tinh. Anh không phải Cộng-Sản, nhưng anh vẫn không tin. Không tin vì anh cho là vô-lý.

— Lúc nãy anh bác - sĩ Đồng cầm cơ với anh kỹ-sư Hiền, Lý-Bạch lại về làm thơ, Mình có tin không ?

Kính viễn-vọng Paris (Pháp)

— Anh vẫn...bán tín bán nghi.

— Em cũng vậy.

— Có điều ngoài trí tưởng - tượng của anh, là bác sĩ Đồng cũng như kỹ sư Hiền không có học chữ Nho, không bao giờ thích thơ, bất cứ là thơ Việt, thơ Tàu, hay thơ Pháp, thế mà lúc nãy hai ông cậu để ngón tay trên mặt cơ, cái cơ chạy rong-róc, viết cả một bài thơ chữ Hán ! Chuyện lạ như thế, có ông Trời hiểu được ! Xong cuộc cơ rồi, hai anh chàng coi bộ như vừa ở trên trăng rớt xuống !

— Mình à, cũng có lẽ trên ngôi Sao Mai kia có một giống người Thi-sĩ ở chăng ? Như mình nói hôm nọ, về Thiên-văn-học...

— Về thiên văn học, theo những kết quả của các khám phá cuối cùng do kính Viễn vọng và những bài toán thiên văn học đã cho chúng ta biết thì Kim-tinh (Sao Mai) và Hỏa tinh rất có thể là hai thế giới sống ... có người ở (có lẽ là những người khác hơn chúng ta) và ... «văn-minh», «tiến bộ» như chúng ta hoặc hơn chúng ta. Sao Kim-tinh, như mình đang nhìn kia, chỉ là một ngôi sao, bé nhỏ như một viên ngọc, nhưng ngó trong kính Téléscope thì nó không phải là viên ngọc nữa. Người ta đã thấy chung quanh nó có một lớp mây dày đặc, mịt-mờ...

— Cũng như lớp mây bao-bọc quả Địa cầu của chúng ta đây phải không ?

Kính viễn-vọng Palomar (Mỹ) lớn nhất hiện nay ở thế-giới

— Phải. Người ở Kim Tinh ngó xuống Trái Đất, chắc là cũng thấy một lớp mây bọc kín như thế. Nhưng kính Téléscope vẫn nhìn suốt qua được, nhờ một thứ ánh-sáng lạ lùng, mà các nhà Thiên-

văn học gọi là «Ánh-sáng Trò» (*Lumière cendrée*), một ánh-sáng lờ mờ, huyền-ảo, màu xam xám như màu tro.

Nhà Bác-học GRUITHUISEN, Giám đốc đài Thiên văn-học Munich (Đức) hồi đầu thế-kỷ XIX cho rằng ánh sáng ấy có lẽ là «đèn đuốc sáng trưng của nhân - dân Kim - Tinh mở hội liên - hoan thường - xuyên để ăn mừng những cuộc lễ về tôn-giáo hay chánh-trị gì đó chăng ?» Có lẽ đó chỉ là câu nói đùa. Có điều chắc chắn là GRUITHUISEN đã thấy rõ trên mặt địa cầu Kim-Tinh có nhiều cây cỏ xanh um ràng rịt như rừng núi xứ ta vậy.

Kính viễn-vọng GREENWICH, (Anh) nơi lấy giờ quốc-tế G.M.T.

— Mình ơi, Kim-Tinh cách Trái Đất ta mấy triệu cây số ?

— Lúc nó xoay vào giữa Mặt Trời và Địa cầu, thì nó cách ta 41.000.000 ki-lô-mét, nghĩa là nó ở gần ta hơn hết (trừ Mặt Trăng là vệ-tinh của Trái-Đất, chỉ xa Trái Đất 384.000 kí-lô-mét). Nhà Bác-học E. ROSS, ở đài Thiên-văn Yerkes, đã chụp hình được Kim-Tinh, và thấy có một lớp «bụi vàng» phảng phất trên mặt hành tinh ấy. Nếu có người ở, thì người ở trên Sao Mai nhẹ hơn chúng ta : thí dụ như ta nặng 60 kí thì người trên đó chỉ nặng 51 kí thôi, vì sức nặng của Kim-Tinh là 0.85 lần sức nặng của Địa-cầu. Sao Mai nhận lãnh ánh sáng của Mặt Trời 2 lần nhiều hơn Trái Đất chúng ta. Theo nhà Bác-học MOULTON thì nhiệt - độ của Kim Tinh là 90 độ ở nhiệt đới và 0 độ ở Băng cực. ghĩa là khí hậu ở đấy cũng gần như của ta. Sao Mai quây chung quanh mặt Trời là 225 ngày, nghĩa là gần 7 tháng 15 ngày của ta.

— Nếu thế thì ở Trái Đất, chúng ta được 100 tuổi bằng ở Kim-Tinh 162 tuổi ?

— Phải rồi, Theo CAMILLE FLAMMARION, một nhà Thiên-văn-học trứ danh của Pháp, thì ở Kim Tinh «cây cối» cũng có thể có đời sống như người, biết «suy nghĩ», biết «nói», vì người ta nhận thấy Sao Mai có nhiều hình thức sinh tồn biến đổi mãi mãi. Cho đến đỗi hiện nay có một số nhà Bác-học ở Mỹ quả quyết rằng các dĩa bay bí mật (*Flying saucers*) thỉnh thoảng xuất hiện trên vòm trời Địa cầu là ở trên Kim-Tinh bay xuống... Anh đã đọc quyển « *Les Mystères des Soucoupes Volantes* » của FRANK SCULLY nói về các bí mật của Dĩa bay, thấy nhiều điều tiết lộ lạ lùng, khó mà tưởng tượng được, với trí óc hẹp hòi của chúng ta.

Thế-kỷ XVIII, nhà Bác-học EMMANUEL SWEDENBORG đã ức đoán rằng ở Kim-Tinh có lẽ có một loài người chỉ sống để chơi bời, ca hát và có nhiều thứ máy móc ly kỳ thỉnh thoảng vượt ra ngoài vũ-trụ. Trên ấy, cũng có đàn bà, con gái, nhưng họ không mặc quần áo, hoàn toàn khoả thân, theo như Thần Thoại Hy-Lạp vậy ! Văn sĩ FONTENELLE (Thế-kỷ XVIII) thì cho rằng giống người ở trên Sao Mai chỉ sống về ái-tình, hoặc đi chăn

cừu, chăn dê ở các sườn núi rồi hát ca tiệc tùng vui vẻ, chứ không làm gì khác cả. Một nhà Thiên-văn-học Hòa-Lan, thế-kỷ XVIII CHRISTIAAN HUYGHENS, cũng ức đoán như thế. Nhưng trái lại, một số bác-học nguyên-tử lực của Mỹ trong mấy năm vừa qua, cho rằng người ở Sao Mai đã đến một trình độ khoa học rất cao và họ đã tìm ra nhiều thứ kim khí lạ để chế tạo ra nhiều máy móc lạ, như dĩa bay chẳng hạn, có thể vượt qua dễ dàng các vùng từ lực (magnetic fields)... để xuống quan sát trên không phận của Trái Đất.

Hiện nay, nhà bác-học VON BRAUN, cha đẻ của các Vệ-tinh nhân tạo Mỹ, quả quyết rằng khoa học hiện nay sẽ có thể dùng Mặt Trăng làm địa điểm căn cứ để thám hiểm lên Sao-Mai ... Người ta có thể nghi-ngờ rằng biết đâu các nhà "Bác học" ở Sao Mai (Kim-tinh) đã đi trước ta, và đã dùng căn cứ Mặt trăng để thả dĩa bay xuống thám thính Địa cầu?

Dù sao, hiện nay khoa học toán số và Thiên văn học đang chăm-chú đến Kim-Tinh, bởi lẽ nó có nhiều điểm giống với Trái Đất, về phương diện cấu tạo vật chất và không khí.

Tuy nhiên, kính Téléscope mạnh nhất trên địa-cầu hiện nay, như kính Palomar ở Mỹ, cũng chưa phân biệt được thật rõ rệt đời sống trên mặt Sao Mai, vì lớp mây dày đặc bao bọc nó. Còn ngôi sao thứ hai, gần quả Đất, người bạn láng giềng số hai của chúng ta là Hỏa Tinh, thì các nhà Thiên văn học đã chụp hình được rõ-ràng hơn. Bên đây là 6 tấm ảnh do kính Téléscope của Hàn-Lâm-viện Thiên văn học Pháp đã chụp được trên mặt Hỏa Tinh.

Hỏa tinh đã xuất hiện trong Vũ trụ trước Địa cầu. Nó cũ hơn quả Đất của chúng ta mấy chục triệu năm. Trên mặt đất của Hỏa tinh có những vùng rộng lớn lờ-mờ, như là Đại-dương vậy. Những vùng khác thì thay đổi màu sắc tùy theo mùa. Như ở Trái đất ta về mùa hè thì trên Hỏa tinh các vùng kia có màu xanh lá cây, qua mùa Đông của ta thì trên đó đổi ra màu nâu đậm. Các nhà Thiên văn học cho rằng đó có lẽ là các rừng núi, cây cỏ, các đồng bằng, thung-lũng, thay đổi màu sắc từng mùa như ở dưới ta. Có một vùng tuyết mỏng, nhưng tuyết cũng tùy theo mùa, chứ không có thường xuyên. Có dưỡng khí, có thán khí. Bên đây

là bản đồ của một phần Hỏa tinh do nhà Thiên văn học SCHIAPARELLI người Ý, đã theo trong kính Téléscope mà phát họa ra. Chúng ta thấy rằng trên ấy có nhiều mương hay là sông ngòi. Cũng có thể là các thành-phố và đô-thị rộng lớn.

Các nhà Thiên-văn-học đã đo các «đường mương» ấy, dài từ 400 đến 5700 kí-lô-mét. Nhà Bác học PERCIVAL LOWELL cho rằng đó là hệ thống dẫn thủy của nhân dân Hỏa-tinh để đem nước từ vùng băng tuyết đến các vùng nhiệt đới. Đứng trên Hỏa tinh ngó xuống Trái Đất, thì người trên ấy thấy Trái Đất chúng ta là một ngôi sao nhỏ tý cũng như ở đây chúng ta ngó lên Hỏa-tinh vậy.

— Mình à, em không hiểu lắm. Thí dụ như có người ở trên Kim tinh và Hỏa tinh thật thì làm thế nào họ « hiện hồn » về « cơ », như chúng mình thấy lúc nãy?

— Những chuyện huyền bí ấy chúng ta chỉ thử tìm lời giải trong khoa học mà thôi chứ chúng ta cũng không dám quả quyết được. Mình nên nhớ rằng hồi nhà thiên văn học CAMILLE FLAMMARION nghiên cứu tường tận các hành tinh của Thái dương hệ và viết những quyển sách có danh tiếng về khoa ấy vào khoảng 1920-1926 thì các nhà thiên văn chưa khám phá ra được Hành Tinh Pluton. Hành tinh nầy mới được khám phá hồi năm 1930 mà thôi. Camille Flammarion cũng

Bản đồ Hỏa-Tinh, do nhà Thiên-văn-học SCHIAPARELLI họa theo các hình ảnh thấy trong kính Télescope ở Milan (Ý).

chưa biết rằng 1959 đã có hỏa tiễn lên đến đường quỹ đạo của Trăng và đang sắp sửa đổ bộ xuống cung Trăng. Một bước tiến bộ vỹ đại như thế thật là ngoài sự tưởng tượng của chính các nhà Thiên văn học của đầu Thế kỷ nầy, chứ đừng nói là của thời đại khoa học tiên phong của COPERNIC, GALILÉE, NEWTON...

Như thế, trong năm sáu chục năm nữa, khi mà hai đứa mình tóc bạc răng long, mắt mờ miệng móm thì biết đâu nhờ khoa học mà Trái Đất nầy sẽ chánh thức giao thông được với Hoả Tinh, Kim Tinh ? Hoặc giao thông bằng cá nhân vật chất (par individualité matérielle), hoặc bằng một phương pháp từ lực (procédé magnétique) vô cùng mạnh mẽ ? Hiện nay, một người ở Paris và một người ở Saigon có thể nói chuyện với nhau bằng VÔ TUYẾN ĐIỆN Chỉ nghe tiếng nói mà không thấy người, thì sự giao thông bằng TỪ LỰC ĐIỆN (FLUIDE MAGNÉTIQUE) giữa người trên Trái Đất và người trên Kim tinh hay Hỏa Tinh sẽ không còn là chuyện mơ hồ huyền hoặc nữa chăng ?

Nói đến đây, đồng hồ đã năm giờ sáng. Ông Tú chỉ bà Tú xem một ngôi sao vừa xuất hiện ở phương đông :

— Mình ngó kia kìa, ngôi sao nhỏ bằng hột cát mà ánh sáng màu da cam, đang lấp lánh nơi vòm trời mình kia. Mình thấy không ?

— Ở đâu, Mình ?

— Kìa kìa, bên chòm mây ưng-ửng ở phía Tây đó.

— À em thấy rồi. Ngôi sao đó là ngôi sao gì, hả Mình ?

— Hỏa tinh đấy. Hồi khuya nó ở gần sao Bắc-đẩu. Giờ nó sắp lặn đấy.

— Nó bé hơn sao Mai nhỉ ?

— Phải, chúng ta thấy nó bé nhỏ hơn Kim Tinh vì nó ở xa hơn. Kim Tinh cách ta 41 triệu kí-lô-mét. Còn Hỏa Tinh cách đây ba năm, ngày 11 tháng 9 d.l. 1956, nó đi gần quả đất nhất, chỉ cách có 56.640.000 kí-lô-mét mà thôi.

6 giờ, Mặt Trời vừa lú lên bầm tím, hôm nay như không được vui vẻ. Một ánh nắng xám tràn-hòa trên mặt biển. Một làn mây bay qua, che mất một nửa gương mặt ủ-ê. Bà Tú cũng rầu-rĩ, nhìn mặt Trời, lầm bầm :

— « Buồn ơi ! Chào mi ! »

y-học phổ-thông

Vệ sinh trong thời kỳ thai nghén

CÓ nhiều bà mẹ **săn sóc tỉ mỉ đứa bé** từ khi mới lọt lòng, lo lắng tới cả những câu chuyện phải đề phòng rất xa xôi, thì lại không nghĩ tới đứa bé trong thời kỳ thai nghén, không biết rằng khi mình bắt đầu có thai, đứa nhỏ đã cần được chăm chú đến rồi. Những bà mẹ đó vẫn cứ thản nhiên sống theo lối sống quen thuộc, nhiều khi gây thêm cho người mệt nhọc vì những việc thù tiếp, xã giao, giải trí, làm lụng... Các bà đó thận trọng pha sữa cho con, tính toán thêm bớt từng phân độ nhỏ bé, đã không ngờ rằng trong thời kỳ thai nghén, mình uống rượu, dùng nhiều cà phê đặc, ăn những thức ăn khó tiêu, như thế đã dẫn độc cái thai gấp mấy mươi lần pha nhầm một phân độ sữa. Ấy thế mà, bà có biết đâu, cái thai khi còn trong bụng mẹ yếu ớt nhiều hơn là khi đã được sinh ra. Trong thời gian chín tháng thai nghén, các bà cần phải mỗi ngày mỗi nghĩ,

mỗi để ý tới nó. Chỉ một cớ tức mình nho nhỏ, một cái ngã không đâu cũng đủ ảnh hưởng tới thai... Nếu nghĩ tới đó, chắc các bà cũng thấy tại sao ta cần phải thận trọng rất nhiều trong thời kỳ thai nghén. Mà sự thận trọng này không có gì khó khăn vất-vả. Chỉ có một số những lời khuyên đơn giản, dễ thực hành mà đôi khi các bà không ngờ tới hoặc vô tình đã quên lãng đi.

Nếu các bà muốn có một đứa trẻ mụ-mẫm, khoẻ mạnh, nếu các bà muốn lúc sinh đẻ được dễ dàng, chót lọt, nghĩa là như ta thường nói, được «mẹ tròn con vuông» thì xin các bà hãy theo những lời dặn sau đây.

★ KHÁM THAI

Khi bắt đầu nghi mình có thai, xin mời bà đi khám ngay. Bà có thể tới một nhà hộ sanh, phòng mạch của một bác sĩ hoặc tới một nhà thương công nào đó. Thầy thuốc khám nghiệm sớm chừng nào hay chừng ấy, sẽ khuyên bà những điều cần thiết để tránh những cái khổ lớn về sau như sanh non, đẻ khó, ra huyết nhiều v.v... và tránh cho đứa bé những bệnh di truyền bất trị.

Như vậy, việc đi thăm thai là cần thiết và cũng là bổn phận của các bà có thai. (1)

★ ĂN UỐNG

Người ta thường nói người có thai phải ăn cho bằng hai người! Câu nói này không có giá trị nào về phương diện y-học. Tuy vậy cũng không phải hoàn toàn là sai.

Các bà có bầu cần phải ăn uống cho vừa đủ, đừng có ăn no quá, mà cũng không thể chịu đói được, nghĩa là ăn uống cho điều hòa, có độ lượng.

Thức ăn phải lành, làm kỹ, nấu chín. Nên ăn nhiều rau, cải, trái cây, uống nhiều sữa, (mỗi ngày 2, 3 ly). Sữa, và đậu chứa nhiều chất vôi, trái cây có sinh-tố, tất cả đều cần cho người thai nghén. Thịt, cá, trứng, gan là những thức ăn bổ, cũng rất cần.

Nên tránh dùng những thịt muối, thịt ướp, đồ hộp, các loại sò huyết, những thức ăn quá cay, chua. Cữ rượu mạnh, trà đặc, cà phê. Rượu vang cũng chỉ nên dùng rất ít.

Tránh những thức ăn quá mặn.

Nếu nước tiểu của bà đục, nghĩa là có chất lòng trắng trứng

(1) Xin xem bài «Đi thăm thai» đăng trong Phổ-Thông số 21.

thì bà phải cử hẳn không được ăn muối, các thứ nước chấm, thịt, cá, các thức ăn có bỏ muối như dò, chả, nem v.v...,như vậy gần như là bà phải ăn nhạt. Bù lại bà có thể ăn thêm hoa quả, các đồ ngọt. Nếu bà không chịu khó kiêng cử như thế, nước tiểu sẽ dơ hơn nữa, và bà có thể mắc chứng động kinh, còn gọi là chứng giật thai, (éclampie) là một chứng bệnh tối nguy hiểm cho những người có thai, có thể làm chết cả mẹ lẫn con được.

✱ ÁO QUẦN

Các bà không cần mua sắm gì nhiều lắm cho tốn tiền. Chỉ cần mặc cho đủ ấm, đừng để bị lạnh. Một người có thai phải mặc áo quần rộng rãi để cho cử động được thoải mái, để cho các cơ quan trong người nhất là cơ quan tiêu hóa và cho dạ con được phát triển dễ dàng không bị đè ép. Sự phòng ngừa này ở thời thượng cổ đã đi xa hơn nữa cho nên tiếng la tinh « incincta » chỉ người đàn bà có thai, còn có nghĩa là không đeo thắt lưng.

Các bà đừng buộc bụng hay nịt ngực chật quá. Để giữ gìn thai và tránh việc sảy con, từ tháng thứ ba có thể dùng một thứ thắt lưng đặc biệt (gọi là ceinture de grossesse) mua tại các hiệu bào chế thuốc thái Tây

Các bà phải bỏ hẳn giày hoặc guốc cao gót, chỉ đi dép hay giày thấp gót mà thôi.

✱ LÀM LỤNG NGHỈ NGƠI

Nên tránh không làm việc gì nặng nhọc quá. Nếu xưa nay bà vẫn làm công việc nặng nhọc thì lúc nầy cũng cần được nghỉ hoặc đổi sang những việc nhẹ-nhàng hơn.

Hằng ngày có thể đi lại vận-động như thường, nhưng phải cho có chừng mực. Phải cẩn-thận trong lúc đầu và lúc gần sanh, vì sơ ý những lúc ấy là khó tránh khỏi cái hại hư thai hay đẻ non.

Mỗi ngày đi bộ, thật thong-thả độ một giờ hay nửa giờ cho ăn mau tiêu và khỏi táo (bón). Đừng đi cho đến lúc mỏi mới nghỉ, vì như vậy không những không lợi mà còn có hại. Tránh đi xa, đừng đi xe đạp, xe ngựa, những xe hay sóc. Ngừng bơi lội và từ tháng thứ bảy thì không nên đi xe lửa nữa.

Cứ dọn dẹp nhà cửa như

thường nhưng không nên làm việc nặng quá và đừng cử động một chỗ quá lâu.

Nên sống một cách giản dị. Bớt đến những chỗ đông người, bớt đi coi hát, chiếu bóng vì vừa mệt người lại vừa hứng lấy vi trùng.

Nên ngủ sớm và ngủ thật lâu. Nên dậy muộn. Hơi thấy mỏi mệt là cần phải nghỉ ngơi ngay. Sáng sáng có thể tập thể thao nhưng nên hỏi qua ý kiến của thầy thuốc.

Hết sức tránh những lao lực quá độ, hoặc thể xác hoặc tinh thần.

✱ TẮM RỬA

Mỗi tuần lễ gội đầu một lần và mỗi ngày phải tắm một lần. Giữ gìn bộ sinh dục sạch sẽ luôn luôn, vì đó vi trùng nguy hiểm dễ tới, hại cho tử cung và buồng trứng. Nên lau rửa bề ngoài sáng, chiều bằng nước pha loãng thuốc tím. Không được bơm rửa ở trong nếu không có lịnh của y sĩ.

Một tháng trước khi sanh nhớ lau rửa vú bằng rượu 60 độ có pha một nửa glycérine (mua ở các hiệu bào chế) để tránh cho vú khỏi nứt nẻ.

Vấn đề tắm rửa đã gây nên nhiều thảo luận. Có người cho rằng tắm rửa thì vi trùng sẽ dễ vào bộ sinh dục. Có người thì cho da dẽ được mềm hơn. Sự thực tắm rửa cốt cho da thịt sạch sẽ, cho mồ hôi dễ thoát ra ngoài. Trước khi đi ngủ nếu tắm nước nóng 37 độ trong một hai phút thì giấc ngủ sẽ ngon lành, ảnh hưởng rất tốt cho cái thai, miễn là đừng để bị lạnh.

Dù sao nên nhớ đừng tắm nóng quá, đừng tắm lạnh quá. Có thuyết cho tắm nóng quá sẽ đẻ non mà tắm lạnh quá làm cho nước tiểu có nhiều lòng trắng trứng hơn (1)

Về mùa hè một người có thai cũng có thể đi tắm bể được, miễn là phải tắm nhanh đừng có bơi hay làm những cử động mạnh nào.

✱ THUỐC MEN

Không được uống thuốc hay chích thuốc mà không hỏi ý kiến của thầy thuốc.

Nên đi thăm thai thường luôn, đúng ngày giờ hẹn và mỗi lần nhớ đem theo một chai nước tiểu lấy lúc bụng đói.

Cần phải thử máu và khám

(1) Tài liệu của bác sĩ Paul Morin ở Paris,

phổi để tránh bệnh giang mai, bệnh lao.

Nếu có răng đau, phải đến cho một nha sĩ chữa ngay.

Bón uất rất hiểm nghèo trong thời kỳ có thai. Vi trùng ở lại trong ruột để nọc vào máu hại cho bào thai và cả cho người mẹ. Ráng tập đi tiêu mỗi ngày, ăn nhiều rau, đậu, uống nước cam hay nước chanh tươi và vận động chân tay nhiều thêm.

Nếu thấy có huyết ra, dù là ít cũng phải đi nằm ngay và mời thầy thuốc đến coi.

Trong thời kỳ thai nghén, người hay bần thần khó chịu, buồn nôn, bón uất. Nếu thấy nhức đầu, ù tai, mửa nhiều, chân sưng to lên (phù) thì không còn lưỡng lự gì mà không đi thăm bệnh ngay.

Đó là sơ lược tất cả những điều cần thiết mà một người có thai không thể nào không biết tới.

Xin các bà hãy vui lòng theo với tất cả thiện chí của mình. Khi cái thai còn ở trong bụng mẹ nó theo bầm chất của người mẹ, nên người mẹ phải biết giữ mình và dưỡng thai, để đến lúc sanh được mẹ tròn con vuông.

Có thai không phải là có bệnh, xin bà đừng thấy trong mình biến đổi mà sợ sệt, song cũng chớ có thờ ơ. Nên vì thân mình và vì đứa trẻ đang nằm trong bụng mà các bà gắng theo phép vệ sinh trên đây rồi các bà sẽ vui mừng sanh ra được một đứa con khoẻ mạnh, xã hội thêm một công dân hữu dụng và loài người lại thêm được một «nòi giống tốt».

★ LANH TRÍ KHÔN

Có tiếng gõ cửa mạnh, đứa tớ trung tín ra mở :
— Thưa ông, ông hỏi việc gì ?
Ông khách nghiêm nghị đáp :
— Tôi tìm chủ của chú !
— Dạ, ông kiếm có việc chi ạ ?
— Về một món nợ...
Đứa tớ nói ngay :
— Chủ tôi đã đi vắng từ chiều hôm qua...
Ông khách vẫn nói tiếp :
— ...mà tôi đến để trả đây !...
— ... và đã trở về hồi sáng nầy rồi ạ !...

SÁCH MỚI XUẤT BẢN

★ THẦM LẶNG

Tiểu thuyết của **Tần-Vũ và Trúc-Duyên** (Định-Tường), 115 trang khổ nhỏ, giá 30 đồng.

★ PHÁP-VĂN TRUNG-HỌC.

(Của **Cao-văn-Phái**, Nhà xuất-bản THANH-ĐẠM, 353, Trương-minh-Giảng Saigon).

Sách dạy Pháp-văn lớp đệ-tứ, theo chương-trình mới của Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục. Có những câu hỏi sau mỗi bài chọn lọc của các Văn-nhân Thi-sĩ Pháp. Có giảng ra Việt ngữ những chữ khó. Có Conjugaison, thème, traduction v.v... Rất dễ học — 120 trang giá 30 đồng.

★ HOA TRANG TRẮNG

Thơ của **Phương-Cầm**. In và xuất-bản tại ĐÀ-NẴNG.
24 bài. In đẹp. Không đề giá bán.

★ VĂN HỮU NGUYỆT-SAN số 2.

«Phần đặc biệt về sân khấu» do Văn-hóa Vụ Bộ Thông-Tin ấn hành.

Một công trình nghiên-cứu rất đầy đủ về bộ môn sân-khấu. 184 trang — giá 15 đồng.

★ SĂNG ĐỘI MIỀN NAM số 1 và 2

Cơ quan văn-nghệ của Nha Kiến-Thiết. Nhiều hình ảnh rất đẹp, ấn loát tuyệt xảo, do nhà Kim-Lai ấn-quán thực hiện. Chủ nhiệm : ông Võ Đức Diên, kiến-trúc-sư.

★ TRANSISTOR (Lý thuyết và thực hành).

Của Kỹ-sư Lưu-văn-A và Trần-Phương-Châu. (Trường vô tuyến-điện Tấn-Phát, 50 Nguyễn-Huệ Saigon, xuất-bản.

Sách về kỹ thuật vô tuyến-điện đề cập đến các tiến triển mới nhất của vô tuyến-điện từ ngày máy Transistor được chế tạo thay cho các đèn Radio. Những bài học đầy đủ và rõ ràng, rất có ích cho những bạn chuyên tìm hiểu về Radio, 70 trang— giá 38 đồng.

✱ KHẢO-LUẬN TIỂU-THUYẾT TRUNG-HOA.

Tác-giả : Nguyễn-Huy-Khánh, Tựa của Nguyễn-Hiến-Lê

Nhà xuất-bản Khai-Trí, 62 Đại-lộ Lê-Lợi Saigon.

Sách gồm có 3 chương : Chương một, khảo luận về quá trình diễn biến của Tiểu-thuyết Trung-Quốc. Chương hai, đặc biệt dành riêng cho mấy bộ Tiểu-thuyết giá trị của đời nhà Minh : *Thủy-Hử, Tam-Quốc, Nhạc-Phi, Tây-Du, Kim-bình-Mai, Kim-Cổ kỳ-quan* Chương ba, nói về những tiểu-thuyết hay nhất ở đời nhà Thanh : *Hồng Lâu Mộng, Nho Lâm ngoại sử, Liêu Trai Chí Dị.*

Ngoài công phu kê cứu chứng nhận một hiểu biết sâu rộng, tác giả còn phân tách và xác định rõ rệt giá trị nghệ thuật và tư tưởng của những pho kiệt tác kia.

Một quyển sách có giá-trị đặc-biệt về Văn - học-sử Trung . Hoa, nhưng cũng giúp rất nhiều cho sự hiểu-biết đầy-đủ của chúng ta về các Bộ tiểu thuyết quý báu nhất của Tàu mà hầu hết người Việt-Nam nào cũng đã đọc say mê.

Sách in đẹp, rõ-ràng, dày 290 trang - giá bán 50 đồng.

✱ GIẢNG-LUẬN VỀ TẢN ĐÀ NGUYỄN-KHẮC-HIẾU.

✱ GIẢNG LUẬN VỀ CHU-MẠNH-TRINH

Tác giả : *Bùi-Giáng*, Giáo-sư Việt-văn, nhà xuất bản Tân-Việt.

Sách luyện thi Trung-học đệ nhứt và đệ-nhị cấp, gồm có các phần Tổng-luận, Tiểu-sử, bình giảng thơ văn và luận-đề.

Soạn rất công phu.

✱ DÒNG SÔNG ĐỊNH MỆNH

Truyện dài của *Doãn-Quốc-Sỹ*.

Nhà xuất bản *Tự-Do*, 25-27-29 Sài-gòn. Võ-Tánh. 120 trang — giá 22 đồng.

✱ HOA MƯỜI PHƯƠNG

Tập thơ của : Định Giang — Hồng-yến Điệp-minh-Hoàng — Kim-Tuấn — Nguyễn mạnh Tư — Như Lan — Phan minh Hồng — Thanh-Nhung — Tô-Giang — Trần Thảo Lư — Tuyết Linh — Từ Thạch — Võ hữu Quyền — Vương đức Lệ — Kiều-Thệ-Thủy - Trường - giang xuất bản.

Tất cả 70 bài thơ của 14 bạn trẻ, trong số đó có *Tuyết-Linh* và *Thanh-Nhung* ở (Nha-Trang), *Như-Lan* ở (Gia-định) thỉnh-thoảng có thơ đăng trong PHỔ-THÔNG. Giá bán : 45 đồng.

Truyện dài của Cô VÂN-NGA

(Tiếp theo P. T. số 21)

NÃY giờ mắc vui mừng tíu líu, tôi quên mất những lề-lối đãi khách, nên vội bảo các anh :

— Các anh tắm rửa cho mát nha. Tôi đã sắp sẵn khăn lông và xà-bông thơm trong buồng tắm rồi.

Thường thường, ở nhà quê, bổn phận của chủ nhà phải lo cho khách đến chơi được đủ tiện nghi như ở nhà họ vậy. Trước hết, khách phải được tắm rửa mát mẻ, kế đó khách nằm ngã lưng nơi bộ ván ở mé trước có trải chiếu hoa, có gối tai bèo thêu oanh, thêu yến, để đợi chờ mâm cơm thịnh soạn đang làm dưới bếp sắp dọn ra.

Đến phiên Thanh đi tắm, tôi đích thân sang nước cho đầy lu và mở rương lấy chiếc sà-rông tơ và tấm khăn lông lớn là hai vật kỷ niệm của ba tôi mua cho tôi ở Tân Châu trước khi người mất, mà tôi tưng tiu cất giữ mấy năm nay, ra để cho Thanh dùng.

Nghĩ cũng lạ, ái tình thật mầu nhiệm lắm thay. Nó là cái chi chi mà làm cho người ta sung sướng, cũng như đau khổ, vì đã nghĩ đến người hơn mình. Thử xét lại người mình yêu, trước kia mình không biết đến là ai; ở đâu, mình cũng không rõ, mặt mũi thế nào mình cũng chưa biết, khi mình sanh ra mình có biết họ là ai đâu và họ cũng không hề biết đến mình nữa. Ấy vậy mà khi đã biết, đã yêu, mình sẽ thuộc hoàn toàn về người ta, bỏ cha bỏ mẹ; bỏ cả quê hương xứ sở để theo họ và cuộc đời của mình từ đấy về sau sẽ là của họ, của một người mới đây còn lạ quắc lạ quơ mà mình lại thương yêu, kính trọng hơn hết những người thân thích, ruột thịt của mình.

Anh Thanh vào buồng tắm thấy tôi còn đang chà bàn chải răng trong phấn đánh răng cho anh, liền bảo tôi :

— Sao em xách nước chi cho nhọc, anh tự lo lấy cũng được mà.

Tôi luống cuống nói :
— ...Tôi...làm quen rồi.

Thanh đứng chận nơi cửa buồng tắm :

— Má đi đâu vắng nhà hả em ?

Tôi biết câu hỏi nầy chàng vẫn để dành riêng cho tôi cái tiếng má mà chàng gọi mẹ tôi, nghe rất tự nhiên, và tôi cảm thấy hả dạ làm sao. Tôi cúi đầu xuống, má nóng ửng lên :

— Dạ má đi Giồng-riềng chiều mai mới về.

— Còn anh Ba ?

— Ảnh qua bên Hà-tiên rồi.

Thanh gật đầu và nói thêm :

— Vậy thì anh sẽ ở đây chờ má, rồi mới trở về chợ vào ngày sau.

Tôi ngước mắt lên nhìn Thanh sửng sốt, muốn mở lời giữ anh ở lại nhưng ngại miệng chẳng nên lời. Thanh dường như hiểu ý và ngọt ngào bảo tôi :

— Anh về thu xếp công việc ít lâu, thăm viếng cha mẹ xong rồi lại trở vào. Em có bằng lòng chăng ?

Tôi cười gượng, lách mình bước trở ra. Thanh tắm xong, ra bàn trước ngồi uống trà với các bạn. Nhà có chuối khô, tôi đem ra cho các anh dùng, ai cũng hoan nghinh hết.

Chúng tôi trò chuyện vui vẻ cho đến khi đồng hồ trên tường gõ một tiếng. Đã một giờ khuya rồi mà chúng tôi vẫn ngỡ còn sớm.

Em Năm tôi che miệng ngáp dài :

— Các anh hồm rày đi ghe mệt đứ, chắc cũng muốn nằm nghỉ cho khỏe ?

Lời đề nghị ấy được đa số tán đồng :

— Ờ, khuya rồi, tụi mình đi ngủ là vừa. Ngày mai còn bơi xuồng đi trong vùng cho biết. Anh Thanh buồn ngủ chưa ?

Tôi nhìn chàng chăm chú, sợ mất chàng dù chỉ từ đây đến sáng. Có ai đã từng yêu, từng đau khổ trong cảnh nhớ nhung, tất hiểu thế nào là sầu tương tư dằng dặc của một người đối với một người. Nó là một sự ràng buộc vô hình, dính như keo và quện như sơn, không bứt dứt, không cắt rời được, nó ám ảnh trí óc ta, nó đục khoét tâm hồn ta, nó gây sự thổn thức trong tim ta, nó làm cho ta sầu mơ mộng hão và không cho ta xa rời hình ảnh của người yêu.

Càng yêu lắm, càng mất nhiều, càng làm cho ta đau khổ thắm thía thêm mãi mãi. Bài học yêu đương, tôi mới được vỡ lòng, mà tôi không ngờ đã ghi sâu vào lòng tôi những nét hằn rõ rệt như một chiếc bình thủy tinh vừa nứt rạn ra. Khi vắng mặt Thanh, tôi buồn dã dượi, biếng làm, biếng ăn, biếng ngủ mà không biết tại vì đâu, nhiều khi muốn khóc thật to, thật nhiều nhưng không tìm ra một duyên cớ của sự khổ đau, nay thấy lại mặt chàng tôi tự nhiên hiểu rằng hai tâm hồn chúng tôi đã liên cảm nhau trong mộng tưởng và bây giờ tôi không sao có thể rời xa chàng được. Chính giờ phút ấy, nhìn vào mắt người yêu, tôi mới nghe tiếng con tim tôi đập rộn ràng chưa từng có và lòng tôi như mở hội, miệng tôi muốn thốt ra, không thể dè nén được, và chỉ một mình chàng nghe mà thôi, những nhớ nhung, sầu tủi cùng sự cảm mến triền miên của lòng tôi đối với chàng.

Tôi sợ Thanh rời xa tôi lúc nầy. Chàng đi nằm bây giờ là tế ra đã vô tình lắm ru ? Tình chàng chả nhẹ kém thiết tha hơn tình tôi ? Và sự yêu thương cực điểm đang đốt cháy hừng hực bên lòng tôi không phải cũng là ngọn lửa lòng của chàng sao ?

Tôi muốn kéo dài vô cùng tận những phút đối diện với chàng. Thời gian hãy ngừng lại, không gian đông bẳn đi, và nhân thế hãy rời xa cả, để chàng và tôi, chỉ đôi tôi thôi, được sống vào một thế giới riêng biệt của Ái tình mà trong đó chẳng có dĩ vãng cũng như tương lai, chỉ toàn một hiện tại thơ mộng với nguồn hoan lạc vô cùng tận của một tình cao thượng và vĩnh viễn đời đời.

Các bạn Thanh lần lượt đi ngủ, Thanh vẫn ngồi hút thuốc. Ánh đèn sáng chỉ còn rọi chập chờn trên vách hai bóng người.

Ngoài sân, mãnh trăng hạ tuần vừa mọc lên như chiếc lược cài bằng bạc gài trên chòm tóc lù-xù của một ngọn cau già. Vườn cây lổ chổ những đợt sáng lờ mờ. Xa xa, qua màn sương loãng, những nóc nhà thoi thóp bên bờ ruộng in thành hình những nấm mối đen sậm trên một khuông-cảnh mù mù của đồng quê xa tít.

Thanh khe khẽ gọi tôi :

— Em !

— Dạ.

— Em chưa buồn ngủ ?

— Thưa chưa.

Chúng tôi lại im lặng. Thời khắc trôi qua nhẹ nhàng quá. Tôi chờ đợi, một sự chờ đợi rất êm-dịu, xem chàng sẽ nói gì với tôi, và tôi sẽ trả lời sao cùng chàng. Trong cuộc đời, chỉ có giây phút chờ đợi của hai ngõ lòng sắp cởi mở cho nhau mới hồi hộp một cách thích thú đê mê, mới ngượng ngùng một cách đắm say như trong đêm tân hôn, nơi phòng họa chúc, đôi vợ chồng mới bắt đầu làm quen nhau.

Bên vách, một con cắt kè thong thả buông ra những tiếng kêu nặng nề ỳ ạch. Tôi mấp máy môi nhẩm đếm xem chẵn lẻ.

Thanh tinh ý, biết được tư-tưởng của tôi, liền cất tiếng đếm tiếp theo vừa đủ cho tôi nghe và bảo rằng :

— Cắc-kè kêu chẵn mười tiếng tức là được điềm lành, buổi hội ngộ hôm nay sẽ hứa hẹn nhiều hạnh phúc vuôn tròn.

(*Còn nữa*)

ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

★ DIỆU-HUYỀN
và BẠCH-YẾN

★ **Bạn Trần văn Thi — Đà nẵng**

Cám ơn thư của bạn và nhứt là đoạn thư bạn nhắc lại hồi tôi làm chủ bút báo « Tổ Quốc » ở Saigon hồi tháng 9-1945, bị Dương bạch Mai mời lên Công An và sắp sửa cho đi mò tôm, nếu không có ba tấc lưỡi để tự bào chữa cho mình !

Hôm nào bạn có dịp đi Saigon, mời bạn ghé lại tòa soạn, chúng ta sẽ nói về vụ Khái Hưng bị thủ tiêu. Thân mến,

N. V.

★ **Cô Công tằng tôn nữ thị Tuyết-Ngọc — Huế — hỏi :**

«Có một người bạn trai gửi tặng em hai cánh hoa Pensées ướp với nước hoa (hay nước mắt?) cùng với một bài thơ tả về mùa Thu. Thưa cô, như thế anh ấy có ý gì đối với em ? Luôn tiện cô cho biết những thứ hoa mà người ta thường tặng cho nhau như : (Rose, violette, Pensée v.v...) có ý nghĩa gì ? hoa nào biểu hiệu cho sự nhớ nhung, tình bạn, tình yêu...?»

ĐÁP :

Mỗi một cánh hoa. một màu sắc, đều tượng trưng cho một ý nghĩ, một câu nói thầm kín.

— **Hoa Tương Tư** (Pensée) : biểu hiệu cho sự nhớ nhung tha thiết.

— **Hoa tim** (violette) : không nên cho ai biết cuộc tình duyên của chúng ta.

— **Hồng** (Rose) { màu trắng : Tình yêu sầu muộn.
hồng : Thề non hẹn biển,
đỏ : Tình yêu đậm đà

— **Mai** (Abricotier), trắng hồng : tình yêu không được đáp lại

— **Hạnh Đào** (Amandier), hồng : yêu nhau vì tính nết.

— **Mồng gà tây** (Amarante), đỏ đậm : không có gì làm cho anh chán em.

— **Cúc nhựt** (chrysanthème), hồng : em không hiểu được lòng anh, — xanh : có một lúc anh đã tin em.

— **Ngải-hương** (Armoise), vàng : tôi đã có chồng rồi, không thể yêu anh được nữa.

— **Sơn-Tra** (Aubépine), hồng hay trắng : anh nên dè dặt hơn một tí.

— **Hải-Đường** (Bégonia), hồng hay trắng : nên giữ tình bạn thân mật thì hơn.

Thược-Dược (Dahlia), trắng : Cám ơn tình quyến luyến của anh — hồng : anh sung sướng được em mến, — đỏ . tình yêu của anh là hạnh phúc của em — vàng : lòng anh tràn ngập hân hoan.

— **Cà độc dược** (Datura stramonium), xanh : em không nên tin những lời người ta nói xấu anh.

— **Tường vi** (Eglantine), trắng : anh đã bắt đầu yêu em, — hồng : Anh yêu em mãi mãi.— vàng : anh sung sướng được yêu em

— **Đinh Tử** (Giroflée), đỏ thẫm : lòng anh không bao giờ thay đổi.— màu lửa : càng ngày anh càng yêu em.

— **Lay ơn** (glaieul) hồng hay đỏ : một cành Lay-ơn cắm trong một bó hoa khác, cành Lay-ơn có mấy hoa là mấy giờ chúng ta sẽ gặp nhau.

— **Lựu** (Grenadier), đỏ tươi : anh muốn em hoàn toàn là của anh.

— **I-mọt-tel** (Immortelle) ; đỏ, trắng, vàng : niềm đau khổ không bao giờ nguôi được.

— **Lài** (Jasmin), trắng : em chưa yêu anh ư ? — vàng : anh muốn em là tất cả của anh.

— **Oải hương** (Lavande), xanh : anh rất yêu và kính trọng em.

— **Liễu** (Dây) (Lierre), xanh . yêu anh, em sẽ chết theo anh.

— **Huệ** (Lis), trắng : tình yêu trong sạch.

— **Cẩm quỳ** (mauve): trắng hay tím : em không hiểu được anh đau đớn đến bực nào

— **Bạc hà** (menthe), trắng hay tím : dù em không yêu anh, nhưng anh vẫn giữ những kỷ niệm tốt đẹp về em.

— **Trinh nữ** (mimosa), vàng : không ai biết rằng anh yêu em.

— **Muy-ghê** (muguet), trắng : em có sắc đẹp thùy mị. Cũng tượng trưng cho hạnh phúc, nếu tặng vào tháng năm Dương lịch.

— **Lưu ly** (myosotis), xanh : em đừng quên anh nhé.

— **Thủy tiên** (narcisse), trắng : em vô tình lắm.

— **Súng** (nénuphar), trắng : em không biết yêu.

— **Cẩm Chướng** (œillet), trắng : tình bạn đậm đà, trong sạch.
hồng : tình yêu nồng nàn.
đỏ tươi : tin tưởng mối tình yêu

— **Cẩm chướng thi nhân** (Œillet de poète) nhiều màu : tình yêu say mê.

— **Cẩm chướng Ấn-độ** (Œillet d'Inde) màu lửa ; vắng nhau xót xa, thương nhớ.

— **Cam** (Oranger), kết duyên lành;

— **Đào** (Pêcher), hồng ; mặc dầu có trở lực, chúng ta càng yêu nhau.

— **Pétunia** : báo tin một cánh thư tình bị bại lộ,

— **Mẫu đơn** ; (Pivoine), trắng hay đỏ ; yêu em và luôn luôn săn sóc đến em.

— **Bách-lý-hương** (Thym) ; Anh sẽ không bao giờ quên em.

— **Uất kim hương** (Tulipe) nhiều màu ; bắt đầu tỏ tình yêu.

★ **Bạn Lương-trọng-Minh — Sàigòn.**

Bạn nói rất chí lý. Nhưng tùy theo trường hợp. — Thân mến.

★ **Bạn Hoàng hữu Hân — Trường Pellerin — Huế.**

Ông Tú, bà Tú chỉ là những nhân vật tiểu thuyết, có hình vẽ trong PHỔ THÔNG số 21 và các số sau.

★ **Bà Thanh Tâm — Saigon**

1) Bà hỏi tại sao nước ALLEMAGNE mà tiếng Việt lại dịch là NƯỚC ĐỨC ? Xin đáp : chữ NƯỚC ĐỨC là phiên âm chữ «DEUTCH» chứ Không phải là chữ Allemagne. Chữ DEUTCH mới đúng nghĩa là nước Đức.

2) Mục *«Đáp bạn bốn phương»* này là do cô Diệu-Huyền và tôi trả lời cho các bạn, chứ không phải riêng một mình tôi.

★ **Bạn Bùi Kim Lân — đường Duy tân — Hội An — hỏi :**

«Người ta thường ví thân con gái như 12 bến nước, may gặp bến nước trong thì nhờ, rủi gặp bến nước đục thì chịu. Tại sao người ta không nói 13 hay 9 bến nước mà lại gọi chỉ có 12 ? và vì sao lại lấy bến nước làm ví dụ. »

ĐÁP : Người ta lấy theo Thập nhị Can : (Tý, Sửu, Dần, Mẹo, Thìn, Tỵ v.v...) để làm ví dụ 12 bến nước, người con gái lúc lấy chồng thế nào cũng phải vào 1 trong 12 tuổi ấy, như chiếc thuyền cập vào 1 trong 12 bến nước, nếu may mắn thì được sung sướng bằng không thì sẽ phải chịu cực khổ.

★ **Em Trần Châu — học sinh — Saigon**

Trên các bao thư thỉnh thoảng em thấy đề :

Ông X...

C/o Ông Y...

Saigon

C/o là chữ viết tắt của *care of* (aux bons soins de) có nghĩa là : nhờ ông Y trao lại giùm.

★ **Ông Lý-Thanh-Bình — đường Mạc-đỉnh-Chi — Saigon.**

«1) Xin ông cho biết ông HẠNG-THÁC đối đáp với Ông KHỔNG TỬ, lớn lên trở thành người gì ? Có danh vọng gì không ?

2) Ông HẠNG-THÁC có dính dấp gì với dòng họ ông HẠNG-VÕ không ?

3) Xin cô vui lòng trả lời những thắc mắc sau đây :

a) Tại sao khi chết trôi, đàn ông trôi sấp, đàn bà trôi ngửa ?

b) Tại sao đàn ông có trái cổ, đàn bà không có ?

c) Tại sao người ta nói mục-đồng không hề bị sét đánh ? Còn con trâu là hiện thân của Bồ Tát, sao lại bị sét đánh chết ?

d) Tại sao lươn và rắn trung nghịch nhau. Xin cho biết thời kỳ lươn lộn lốt để thành chồn đèn ?

e) Xin cho biết những con vật nào nghịch nhau, thí dụ như mèo nghịch chuột, chó nghịch mèo v.v... và tại sao chúng nó nghịch nhau ?

f) Tại sao rắn có loài đẻ trứng (rắn hổ) có loài đẻ con (rắn lục) ?

g) Tào Tháo bên Tàu kiếp trước là ông gì ? sau khi chết đầu thai làm ông gì ?

h) Xin ông cho biết thêm vài ông khác có tiếng tăm thuở xưa

như ông Tào-Tháo ; về kiếp trước, và đi đầu thai của mấy vị ấy ? »

ĐÁP : 1) *Hạng-Thác* sau thành nhà phê bình văn học và Sử học danh tiếng Trung-Hoa.

2) *Hạng-Thác* không dính dấp gì với *Hạng Võ* cả.

3) a— Khoa học không có nói khi chết trời đàn ông nằm sấp, đàn bà nằm ngữa. Nhưng theo lý số của Tàu thì cho rằng đàn ông thuộc dương, đàn bà thuộc âm.

b) Trong khoa giải phẫu không có giải thích tại sao đàn ông có trái cổ nổi ra, đàn bà không có. Nhưng theo lời truyền tụng thì tại vì ông Adam ăn trái cấm cho nên Chúa Trời phạt bắt nuốt trái pomme vào đến giữa cổ thì mắc kẹt ở đó. Cho nên đàn ông ngày nay còn mang cái «cục tội» ấy nơi cổ. Còn bà Eve không ăn nên khỏi bị.

c) Chuyện «*Con trâu là hiện thân của Bồ Tát*» là chuyện huyền hoặc hoàn toàn. Nếu đôi khi trâu bị sét đánh là tại vì trâu có sừng nhọn đang ăn giữa đồng, có thể bị sét đánh trúng. Còn mục đồng thấy trời sấm sét chạy núp nên tránh khỏi.

d) *Con lươn* không bao giờ lộn lốt để thành ra con chồn đèn. Vì lươn là thuộc về loài cá, còn chồn là con vật bốn chân, ăn thịt và có vú. Tự cổ chí kim, ở Đông phương cũng như ở Tây phương, người ta đã đặt nhiều truyền kỳ hoang đường về con Lươn, bởi nó có một sự kiện lạ lùng đặc biệt về sinh vật học. Là từ xưa đến nay, chưa ba o giờ người ta thấy con Lươn có trứng, hoặc đẻ con, và người ta không hiểu nó do từ đâu sinh ra.

Bên Âu-Châu người ta truyền tụng rằng, có lẽ con Lươn do nơi bùn tự nhiên sinh ra chăng ? Bên Tàu người ta lại cho rằng nó đo con chồn đèn sinh ra, rồi khi chết lột da thành trở lại con chồn. Bên ta thì cho rằng con Lươn và con Chạch là ở gốc cây đa sinh nở ra. Sự thật đều sai cả. Vừa rồi có hai nhà sinh vật học *Grassi* (người Ý) và *Schmidt* (người Đan Mạch) đã nghiên cứu và khám phá ra rằng, ở nước ngọt con Lươn không bao giờ có trứng và cũng không sanh đẻ. Cứ đến mùa Thu là những con Lươn đực và Lươn cái lớn tuổi đều tìm các mạch nước mà lội về biển. Vì giống Lươn chỉ sanh đẻ ở nước mặn mà thôi. Chúng nó phải ở biển hai năm, mỗi con Lươn cái đẻ ra ít nhất là 2.000.000 (hai triệu) cái trứng, trứng nở ra lươn con, lớn như ngọn cỏ dẹp, dài độ 2mm. Chúng bơi lần vào các miệng sông, rồi đến cúi mùa Đông, đầu mùa Xuân chúng mới bắt đầu bơi vô nước ngọt (sông. ruộng, ao, hồ v.v..)

Dần dần xương sống mới cứng và lớn lên. Lươn đực sống

được 10 năm, Lươn cái 20 năm mới có khả năng sinh nở và bấy giờ chúng mới tìm đường về biển để... kết duyên tần tấn ! Những con lươn lớn mà người ta bắt đem bán ở chợ đều đã sống được mười mấy hai chục năm rồi. Có lẽ vì đời sống của loài Lươn có vẻ bí mật như thế, nên người ta mới bày đặt ra lắm chuyện hoang đường về nó.

e) Hầu hết các loài rắn đều đẻ trứng (Ovipares) (Rắn Hổ, rắn nước...) nhưng cũng có loại rắn đẻ con (Rắn lục) vì *trứng nó nở trong bụng* (ovovivipares).

f) Theo thiển ý của chúng tôi, chuyện đó không có căn cứ vững chắc, không phải tài liệu xác thật về lịch sử, vậy xin miễn đáp.

Bạn Võ thanh Mỹ — k.b.c. 4324

Chúng tôi chỉ thấy câu : «*Đường đi khó, nhưng không khó vì ngăn sông cách núi, mà khó vì lòng người ngại núi e sông*» trong bài «Mạo hiểm» của Nguyễn Bá Học, chứ không được thấy trong tác phẩm nào của Nguyễn-Trãi.

Em Hùng ở Saigon (Cô Bình Minh trả lời)

Em nên viết thư cho H. biết không nên nói xấu em với một người khác. Nên giữ ôn tồn và nhã nhặn thì hơn.

Bạn Trung-Tiến — Gò-Công.

Đến đám tang, mình *chia buồn* với tang gia, thì đến đám cưới, mình *chia vui* với gia chủ chớ sao ? Cái *buồn riêng* của người ta cũng như cái *vui riêng* của gia đình họ, mình chia xẻ với họ, ấy là tỏ tình thân ái. Còn *Chung vui* là khác, là chính mình *cũng được hưởng* cái vui đó. Ví dụ như hai họ suôi gia đều chung vui. Còn mình ở ngoại cuộc chỉ là bạn thôi, thì mình *chia vui* mới là đúng phép lịch sự.

Bạn N. V. H. — Công dân vụ — Quãng Nam

Theo chúng tôi biết thì quốc phục Việt Nam đã có lâu đời rồi và không thay đổi mấy, hoặc có phân biệt chút ít về chi tiết (rộng, hẹp, dài, ngắn v.v...) là tùy ở mỗi địa phương. Ví dụ như kiểu *áo vá vai* thì trước đây vài chục năm chỉ từ Quãng Trị, Huế, vô đến Nha-trang mới mặc, chứ ở Bắc và Nam không mặc. Hoặc lai rộng hay hẹp cũng tùy địa phương (Bắc mặc lai rộng, Nam lai hẹp v.v...)

Hiện nay, người Bắc vẫn mặc áo rộng lai, dài quá gối, quần rộng, người Nam mặc áo ngắn đến gối, quần không rộng quá. Người Trung thì theo kích thước vừa phải. Về y-phục đàn ông, không biết thế nào cho «hợp thời trang».

✯ **Bạn Thiện Phúc — Huế hỏi:**

«1) Hiện thời trên thế giới nước nào không còn án tử hình.

2) Cho biết những tác phẩm danh tiếng của HOMÈRE, CICÉRON SOCRATE và ARISTOTE.

3) Cho biết tiểu sử của Họa sĩ VAN GOGH.»

ĐÁP 1) Hồi xưa dân tộc nào cũng có luật án tử hình. Người Á-Đông, và người Hébreux thì chặt đầu. Người Hy-lạp, chặt đầu hoặc thắt cổ, hoặc bắt uống thuốc độc. Người La-Mã cũng chặt đầu, hoặc treo cổ trên cây, hoặc đốt cháy, hoặc bỏ vào bao rồi quăng xuống biển. Ở Pháp, chặt đầu hoặc treo cổ, thiêu hỏa. Từ hồi cách mạng 1789 thì máy chém. Ở Anh treo cổ, ở Mỹ ngồi ghế điện. Nhiều nước khác xử bắn. Ở Ý đã bỏ án chết chém, rồi lại tái lập.

2.—

SOCRATE, Triết học Hy-lạp (468-400 tr. J. C.) không có viết một quyển sách nào cả. Chỉ có sách của các môn đệ chép và giảng lại Triết học của ông mà thôi:

PLATON: *L'apologie, le Criton, le Phédon.*

XÉNOPHON: *L'apologie, le Banquet, les Mémorables.*

ARISTOTE, học trò của PLATON, cũng chịu ảnh hưởng rất nhiều của Socrate trong những quyển *La Rhétorique, La Poétique, la Morale à Eudème* ...

3.— **HOMÈRE** Thi sĩ Hy-lạp, xưa nhất và danh tiếng nhất. Không ai biết ông sinh năm nào, chết năm nào. Nhiều nhà phê bình văn học không tin rằng ông có thật. Nhưng bảy thành phố lớn của Hy-lạp tranh giành nhau cái vinh dự là quê hương của ông. Người ta đoán có lẽ thi sĩ sống vào khoảng Thế kỷ thứ IX trước J. C. Từ xưa truyền khẩu lại rằng hai Bộ truyện anh hùng ca ILLIADE và ODYSSEÉ là của HOMÈRE, và nhiều tập thơ của Homère đã bị thất lạc hết chỉ còn lại: HYMNES HOMÉRIQUES, BATRACHOMYOMACHIE

3.— **VAN GOGH** (Vincent) Họa sĩ người Hòa Lan. Sinh: 1858 tại Zundert, chết 1890, tại Auvers sur Oise. Làm công nhà hàng ở Paris, ở London. Bắt đầu vẽ tả chân: «*Les mangeurs de pomme de terre*» những kẻ ăn khoai tây) «*Le vannier*» (thợ đan thúng). Sau đến Paris, hợp tác với các họa sĩ danh tiếng ANQUETIN, TOULOUSE — LAUTREC. EMILE BERNARD vẽ những tranh «*Hoa*» (Fleurs). Bị động-kinh, chữa bịnh ở Auvers, rồi trong lúc bị bịnh hành hạ đau đớn, tự tử bằng một phát súng lục để lại nhiều bức tranh quí giá màu sắc rực rỡ, và nét bút điều hòa, uyển chuyển; *La Chambre de Van Gogh. Le paysan au grand chapeau, l'Homme à l'oreille coupeé, le jardin public d'Arles, v.v...*

✯ **Một bạn đọc ở Huế.**

Tác phẩm gì của ngoại quốc muốn dịch, phải xin phép tác giả.

✯ **Cô Trịnh hồng Loan — Vĩnh Long.**

Nếu bạn cô đến tuổi trưởng thành rồi, bạn cô có quyền tự lựa chọn người bạn trăm năm, nhưng nên đến hỏi thể thức làm giấy tờ hôn thú tại phòng hộ tịch nơi bạn ấy đang ở.

BẠN ĐỌC VIẾT

✯ MỘT ĐỒNG BÀO THIỂU SỐ (Việt Nam mới)

của Vy-văn-Làng, trường Thiếu sinh quân.

Kính gửi;

Ông: Giám-đốc báo «Phổ-Thông».

Thưa ông, tôi là một người dân thiểu số miền thượng-du Bắc-Việt, đã lâu tôi cố tâm tìm tòi trong các tài liệu sách báo nhưng không thấy dấu tích gì về sắc dân này cả.

Xem Phổ-Thông số 16 mục Văn-chương Thái-Lan có những câu thơ trùng với tiếng nói của tôi, tôi đâm hoang mang không hiểu tôi là người phát xuất từ đâu.

Thưa ông, chúng tôi một số dân ngót triệu người. Sống lan tràn khắp miền thượng-du Bắc-Việt, như những quận và tỉnh: Lạng-Sơn, Cao-Bằng. Na-Sầm, Thất-Khê, Kỳ-Lưu, Bắc, Cạn, Bình-Liêu, Định-Lập v.v...

Trong những năm khói lửa vừa qua, những dân này luôn luôn đi đôi sát cánh với người Việt và đã đổ nhiều máu xương trên các chiến trường để dành quyền tự-chủ như ngày nay. Người Pháp đã có ác cảm gắn cho cái danh từ là «Thổ» sự thật chúng tôi là người Tày.

Thưa ông mặc dầu với chính thể Cộng-hòa ngày nay chúng tôi là người Việt nhưng vẫn không tránh khỏi những thắc-mắc về nguồn gốc sắc dân của chúng tôi. Thưa ông, có phải trước kia chúng tôi cũng là người Việt, nhưng vì loạn-lạc chạy trốn vào những vùng xa-xôi hẻo lánh để lánh-nạn, rồi dần dần mất liên-lạc nên mới đặt ra những phong-tục tập quán và tiếng nói khác chăng?

Chúng tôi có nên đưa lên mặt báo những văn thơ, phong-tục ngộ-nghĩnh ấy không?

Xin ông vui lòng giải đáp, tôi thành thật cám ơn.

Một độc giả trung thành nhứt của Báo Phổ-Thông

VY-VĂN-LÀNG

ĐÁP : Xin có lời chào mừng bạn, và mong bạn gởi các tài liệu của bạn về tòa soạn. Rất hoan nghinh.

✯ TÌNH YÊU TRONG HỌC ĐƯỜNG

Của bạn Lê Thiên Vỹ — Hội An

«... Đây là những điều mà cháu nhờ ông giải đáp hộ :

1) Theo cháu biết thì nhà trường rất cấm học sinh yêu nhau. Vậy nhà trường có cấm Giáo-sư yêu học sinh không ?

2) Một giáo-sư đứng đắn có nên yêu học sinh của mình dạy không ?

3) Bộ quốc gia giáo dục có biện pháp gì để thưởng (phạt) một giáo sư yêu học sinh không ?

4) Học sinh yêu nhau rất có hại, nhưng học sinh (nữ) yêu giáo-sư thì có hại hay có lợi cho Thuần phong mỹ tục ?

Trên đây là những điều cháu rất thắc mắc mong quí báo vui lòng trả lời cho cháu biết. Cháu rất cảm ơn.

Đáp : Các điều đó, bạn nên hỏi quý ông giáo-sư của bạn thì hơn.

✯

✯ Về bài của ô. NG..KHẮC-THIỆU trong P.T. số 20

Chúng tôi có nhận được một bức thư của ô. Nguyễn-khắc-Thiệu xin đăng tải sau đây .

Huế 29-9-1959

Kính ông,

Bữa trước đợi mãi không thấy tin tức của PHỔ-THÔNG và bài THI-NHÂN V.N HIỆN ĐẠI của tôi, nên tôi gửi cho NHÂN-LOẠI. Đến khi nhận được thư của Cô Bạch-Yến báo tin rằng ông sẽ cho đăng bài ấy ở số 20, tôi liền có thư cho Nhân Loại để đừng đăng nữa. Nhưng không kịp. Tuy vậy Nhân Loại chỉ đăng có một phần ít bài của tôi. Vậy Phổ Thông đã đăng lại toàn bài thì không có gì bất tiện cả. Dù sao tôi cũng ân-hận điều đó lắm. Mong ông thông-cảm cho..,

Nguyễn khắc Thiệu trường trung học Bồ Đề HUẾ

L.T.S. *Chúng tôi có đăng mấy lời thanh-minh trong số 20, vì chúng tôi muốn tránh sự hiểu-lầm của báo Nhân-Loại rằng chúng tôi đăng lại bài của báo ấy, thế thôi. Chứ tuyệt-nhiên chúng tôi không có ý gì khác.*

Xin ông thông-cảm cho — Đa tạ.

CẢM-ĐỘNG rơi lệ ! HẤP-DẪN cực điểm !
SỐNG như cuộc đời ! BUỒN như thế sự !
Ý đẹp VĂN hay ! MỚI LẠ chưa từng có !

Đã phát hành khắp nơi và đang được hoan nghinh khắp nơi :

« KHÁT TÌNH »

Tình-cảm Thời-đại Tiểu-thuyết

của ĐOÀN-NGỌC

Sách dày đúng 200 trang. In tuyệt đẹp !
Giá phổ thông : 32đ.

TÌM NHÀ HẢO TÂM

✯ Nam sinh đệ tam, 16 tuổi, có chí, có lòng, ở tỉnh xa (con của một thi-nhân có tâm-đạo, chẳng may thọ nạn trở thành tàn phế, gia cảnh sa sút nặng) đang trù-tính lên Saigon học Ban Tú-Tài, nhưng thiếu phương tiện.

✯ Muốn tìm một nhà hảo tâm (người Việt Nam hoặc ngoại quốc) ở Saigon, giúp cho phương tiện học-hành, đào tạo tương-lai. Xin giúp một năm. Qua năm sau sẽ nhờ nhà hảo tâm khác thay thế.

Địa chỉ : **Cậu LÊ-THANH-VÂN**
học sinh đệ III. Trường Thủ-Khoa-Nghĩa
CHÂU-ĐỐC (An-giang)

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

NHA TỔNG GIÁM ĐỐC
KIẾN-THIẾT VÀ THIẾT-KẾ
ĐÔ-THỊ

Trực-thuộc Phủ Tổng-Thống

Sở Xổ-Số Kiến-Thiết

THÔNG-CÁO

Sở Xổ Số Kiến-Thiết trân trọng thông cáo :

Bắt đầu từ tháng giêng năm 1959 xổ-số Kiến-thiết sẽ phát hành mỗi tuần một loại ghi theo số A, B, C, D, v.v... trong tháng. Mỗi loại 1.000.000 vé đánh số từ 000.000 đến 999.999 và nhất định mở vào ngày : THỨ SÁU HÀNG TUẦN.

CÁCH PHÂN PHỐI CÁC LÔ TRÚNG :

1	lô Độc-Đắc trúng	1.000.000$
5	lô trúng	100.000$
5	—	50.000$
60	—	10.000$
200	—	5.000$
1.000	—	1.000$
1.000	—	500$
10.000	—	100$
		2.000$

55 lô an ủi

Tổng cộng : 12.326 lô trúng.

Saigon ngày 26 tháng 9 năm 1958
Sở Xổ-Số KIẾN-THIẾT

K. D. số : 296/HĐKD — Saigon, ngày 24-10-1959
In tại nhà in TÂN-PHÁT — 283 Gia-Long — Saigon

Các bạn muốn giữ đủ bộ PHỔ THÔNG

Phổ-Thông tạp chí đã ra được 22 số. Đáng lẽ nó phải đến 24 số vì hôm nay nó vừa đúng một năm, nhưng vì mấy tháng đầu, việc tổ chức ấn-loát chưa được hoàn bị nên bị chậm hai số.

Cứ theo đà tiến triển của nó trong mấy tháng sau nầy ra đều đặn mỗi tháng hai kỳ đúng ngày 1 và 15, thì các bạn có thể tin chắc rằng từ năm thứ hai nầy về sau *PHỔ-THÔNG* sẽ tiếp tục ra đúng kỳ, mỗi năm 24 số.

● NHỮNG BẠN THIẾU TỪ SỐ 1 ĐẾN SỐ 11

Các bạn nào thiếu từ số 1 đến số 11 không đủ trọn bộ, thì chúng tôi xin nán đợi chúng tôi một thời gian ngắn, thế nào cũng sẽ in lại đủ để gởi quý bạn.

Trong khi chờ đợi, nếu bạn muốn đóng thành bộ, các bạn có thể cho đóng từ bây giờ hoặc 4 số một quyển bắt đầu từ số 13 :

13-14-15-16 = 1 quyển
17-18-19-20 = 1 quyển
21-22-23-24 = 1 quyển

Hoặc 3 số một quyển :
13-14-15 ; 16-17-18 ; 19-20-21 ; 22-23-24 v. v...

Bắt đầu từ số 12, các bạn thiếu số nào, chúng tôi có thể gởi bạn số ấy(các bạn chỉ gởi chúng tôi 10đ. bằng TEM bưu điện giá mỗi số. Xin đừng gởi tiền trong bao thư, sẽ mất).

● CÁC BẠN MUỐN ĐÓNG THÀNH BỘ

Nếu các bạn muốn đóng Phổ Thông thành bộ bằng Bìa bọc da, gáy mạ vàng theo kiểu trên đây, xin gửi báo về tòa soạn bằng bảo đảm, chúng tôi sẽ cho đóng giúp bạn với giá mỗi quyển (4 số hoặc 3 số) 55đ, luôn cước phí, khi đóng, xong gửi đến bạn bằng bảo đảm. Những bạn nào ở trung tâm Saigon Cholon, có thể đến trực tiếp với tòa soạn để gửi đóng cũng như nhận lui, Sau khi đóng xong, chúng tôi sẽ tính với giá 45đ. mỗi quyển.

Những bạn ở xa, nếu gửi tiền xin gửi bằng bưu phiếu (mandat) Xin nhớ đừng bỏ tiền trong thư.

PHỔ-THÔNG TẠP CHÍ
Thư từ tiền bạc về việc này xin đề :
Ông Trần-văn Lang
283 đường Gia Long SAIGON